

LÊ-VĂN-CHÂU

VIỆT LUẬN

LỚP NHẤT

Lớp Tiếp-liên—Luyện thi Đệ Thất

CHƯƠNG-TRÌNH MỚI



sông  mới

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản
G.P. số 2502/BTTCH/BC₃/XB ngày 8-8-66

Giá : 32 đ.

LÊ - VẤN - CHÂU
THANH-TRA TIÊU-HỌC

đc

VIỆT-LUẬN

LỚP NHẤT

LỚP TIẾP - LIÊN — LUYỆN THI ĐỆ - THẤT

Sóng Mới xuất - bản

« Văn là tiếng còi mở cửa lòng con người. Văn còn làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống. Hơn nữa, cuộc sống luôn luôn biến hóa và lòng người là một nguồn xúc-cảm bất tận. — Ngao-du trên quả đất còn có ngày đi khắp cảnh-vật, chứ ngao du trong thế-giới tâm-tư, mỗi nghệ sỹ là một khách giang hồ vĩnh-viễn khởi-hành, không bao-giờ vì hết đường mà phải dừng lại. »

NHẬT-LINH

Trần Hữu

01-11-68

Thư

Lời cảm tạ

Kính gửi

Quý vị văn-nhân, ký-giả có bài trích đăng trong quyển sách này.

Vì không tìm được địa-chỉ của tất cả quý vị nên chúng tôi không thể đến tận nhà hoặc biên thư xin phép trích đăng một số bài làm mẫu trong quyển sách.

Vì tương lai của con em và cũng để chúng có dịp học tập thường thức văn tài của quý vị, xin quý vị thể tình lượng thứ cho. Trân-trọng kính gửi đến quý vị lòng cảm tạ chân thành.

Soạn-giả

Thay lời tựa

Viết văn « để lại một tắc lòng cho ngàn đời » ! — Các bậc thiên tài bình sinh trong cuộc sống có điều gì uất-ức — đau xót đến độ không nói nên lời — Khách phong lưu tài-tử xúc-cảm trước cảnh đẹp thiên nhiên — người anh-hùng hiệu-triệu ba quân quật-cường giết giặc.. Tất cả những mầm móng ấy tiềm-tàng trong huyết quản để rồi, một buổi sáng đầu thu có gió heo may khê lùa những cánh bèo trên dòng nước bạc hay một chiều lá rụng vương mắc trên vai người thiếu-nữ đang xuân thì, cái tâm sự nghẹn-ngào kia kết-tinh thành những hạt ngọc minh châu sáng rực một góc trời — đủ tài rung-động cả đến những tâm hồn sắt đá, nung lòng cả muôn vạn hùng-binh trong cơn chiến-đấu... Đây là mầm móng văn chương.

« Trông lên trời trăng sao văng-vặc — nhìn dưới đất cỏ hoa đua nở. Cha mẹ dạy con điều hơn lẽ thiệt — bạn bè tiễn nhau ngậm câu ly-biệt ngậm-ngùi, đây cũng là nguồn gốc của văn chương ». Cho nên, văn chương là cuộc đời — cuộc đời chính là văn-chương vậy. Văn-chương không ở đâu xa mà chính là trong cuộc sống. Rèn luyện giác quan — tập cảm-nhận — diễn-tả ngôn từ để tâm hồn có đủ khả năng đón nhận giác quan, đủ sức xúc-cảm — đó là những bước đầu của nghệ-thuật làm văn. Thán phục một hành-vi cao đẹp — rung-động trước một đêm trăng mơ-màng uất-ức khi quê hương bị xâm lược hay nghe trong lòng xúc-cảm bồi-hồi lúc đọc một áng văn hay... những chất liệu phong phú này sẽ hòa hợp với sự rung-động thầm kín của tâm tư mà thành văn vậy.

Nhà văn Tchya, hơn một lần, đã xác-nhận : « Tài hoa chỉ là kết quả của một cuộc thí-nghiệm lâu dài và giác quan là yếu tố căn bản trong một cuộc luyện-tập làm văn — Con mắt tôi từ từ trông thấy rõ những vẻ đẹp thiên-nhiên trong vũ trụ. — Lỗi tại tôi dần dần phân

biệt những bài âm-nhạc dịu-dàng — lỗ mũi tôi, vì tập quán, có thể ngửi biết mùi thơm êm ả, tôi đã biết làm cho nghĩa cuộc đời không đến nỗi dơ-bẩn xấu xa. »

Thật thế, viết văn cũng là thành-quả của công-phu luyện-tập — Phi những áng văn bất-hủ trên đời, những bài vận hay — những bài văn vừa đủ để làm an-ủi người đời — đều xuất-phát từ những chiếc ghế nhà trường, nơi mà mọi sự luyện-tập đều trở nên cần-thiết — và sự luyện-tập phải khởi sự từ thuở bé thơ.

Mấy lời phi-lộ không mang một tham-vọng trình bày tất cả mọi khía cạnh, của nghệ thuật làm văn — nhưng soạn giả chỉ nhấn mạnh, đến ý-nghĩa của sự luyện-tập — trau dồi, yếu-tố căn bản mà bất cứ học-sinh nào cũng không thể không biết đến.

Tết — 1966.

I. MIÊU-TẢ

- Tả thực-vật
- Tả đồ-vật
- Tả động-vật
- Tả người
- Tả cảnh, hoạt-cảnh
- Tả tâm-tình

V.V...

Đinh Mùi

MIÊU - TẢ

Người họa-sĩ vẽ tranh. Nhà văn tả cảnh. Dùng màu sắc, ghi nhận thiên-nhiên qua sự rung-động trong tâm hồn, người họa-sĩ sáng tạo nên họa-phẩm. Người viết văn dùng bút thay sơn, ý thay màu, cũng vẽ được cái cảnh tượng thiên-nhiên bằng những chất liệu của tâm-hồn. Người đọc không thấy trước mắt mà thấy trong trí tưởng-tượng của mình.

Cho nên, gọi tả là vẽ vậy. Không thể cho rằng tả giống hơn vẽ hoặc vẽ đẹp hơn tả. Mỗi địa hạt đều diễn tả được thực tại nếu đạt được nghệ-thuật của nó.

Trong bước đầu, khó khăn là điều tất nhiên. Chỉ có những đoạn đường khó mới đo được sức người đi bộ. Nếu không thể nói được rằng mỗi học sinh là một văn sĩ thì cũng có thể nói mỗi học sinh đều viết được một bài văn hay khi chịu khó luyện tập, làm việc có phương pháp.

Văn miêu tả gồm có những loại sau đây :

1. Tả cảnh
2. Tả đồ vật
3. Tả thực vật
4. Tả người
5. Tả tình
6. Tả tâm-trạng

v.v...

TẢ ĐỒ-VẬT

I. PHÂN-LOẠI ĐỒ-VẬT :

Đề giúp đỡ học-sinh có một ý-niệm tổng-quát về các loại đồ-vật miêu tả, nên tạm xếp loại như sau :

1. *Đồ-vật đơn-giản* : Tức là những đồ-vật nhỏ, đứng riêng một mình và không cấu tạo do những đồ-vật khác hợp lại.

Thí dụ : Cái bàn, quyển sách, chiếc đồng hồ tay, cây me tây, cây đàn v.v...

2. *Đồ-vật hỗn-hợp* : Đồ-vật do nhiều bộ-phận nhỏ tạo thành.

Thí dụ : Cái nhà, chiếc tàu, hòn núi, ngôi chùa, quán ăn.

II. KỸ-THUẬT MIÊU-TẢ :

Nên theo những thứ tự sau đây để miêu-tả một đồ-vật :

A. Đồ-vật đơn-giản :

1. *Thứ tự* :
 - a. Hình-dáng : Hình-dáng toàn thể (bên ngoài).
 - b. Chi-tiết bộ-phận (bên trong).
 - c. Những đặc-điểm (so sánh các đồ-vật).
2. *Công-dụng* :
 - a. Công-dụng đối với các vật khác.
 - b. Công-dụng đối với con người.
3. *Cảm-tình* :
 - a. Yêu-thích, khen chê.
 - b. Cảm-trưởng (mở rộng chân trời với những cảm-trưởng của mình).

B. Đồ-vật hỗn-hợp :

1. *Đồ-vật chính*. — Toàn thể.
— Hình-dáng.
— Thê chất.
— Chi-tiết.
— Màu sắc

Handwritten signature

2. *Vật phụ* : Những vật trang-hoàng hay phụ thuộc vật chính.
3. *Sự liên quan và cách xếp đặt giữa hai vật chính và phụ*.
4. *Đặc-diềm* : Nét đặc sắc của đồ-vật đó quý giá, có một công-dụng đặc biệt bằng một thể chất rắn chắc lâu đời v. v. ...

5. *Công-dụng và cảm tình đối với nó* :

Tóm lại, miêu-tả, đồ-vật hỗn-hợp phải theo một thứ tự từ cái toàn thể đến chi-tiết, từ cái chính đến cái phụ, cái đơn giản đến cái phức tạp, diễn-tả sự liên-quan giữa hai vật chính và phụ. Cuối cùng là sự công-dụng và cảm tình đối với nó.

III. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CẦN-THIỆT TRONG MỘT BÀI VĂN MIÊU-TẢ.

A. Ốc-quan-sát. Quan-sát một cảnh tượng, một đồ-vật luôn luôn phải vận-dụng năm giác quan : Giây thần-kinh sẽ tiếp-nhận những cảm-giác truyền lên óc não, nơi đây sẽ phối-hợp với kinh-nghiệm luyện-tập và cấu thành văn.

1. *Mắt* : Nhìn tận tường hình-dáng, màu sắc, kích thước, đẹp xấu, tìm cho được một vài nét đặc biệt mà chỉ vật ấy có mà thôi. So sánh với các thứ khác, hoặc đồng loại. Thị giác, trong bài miêu-tả chiếm một địa-vị quan-trọng. Mắt phải chú-ý vào đối vật để khám phá những điểm đặc-sắc, những đường nét độc-đáo.

2. *Tai* : Tai nghe thật kỹ, những âm thanh to nhỏ, cao thấp, trong đục khác nhau, nếu ta chịu khó chú trọng và nhờ óc phân biệt mà kinh-nghiệm tích-trữ dồi-dào. Về phương-diện này, ông thầy nên luyện tập cho học-sinh phân biệt các thứ âm thanh và tìm từ-ngữ diễn-tả được những phân biệt đó.

Thí dụ : Tiếng đàn trong đục, cao vút hay trầm hùng. Tiếng chim hót buổi sáng, tiếng chó tru, tiếng người ngoài chợ.

3. *Mũi* : Giây thần kinh thị giác, thính giác ghi nhận chưa đủ, cần phải có giây thần-kinh khứu giác. Phải luyện tập cho tinh phân biệt được những mùi thơm hoa lá, mùi béo ngậy của món xào nấu của nhà bên cạnh.

4. *Lưỡi* : Thính-thoảng, trong bài văn ta vẫn phải dùng lưỡi để nếm mùi vị một thức ăn đã nghe cơn đói hành-hạ dạ dày.

Thí-dụ : Cơn đói của Sinh (nhân vật trong tiểu-thuyết Thạch-Lam) mũi và lưỡi là cơ-quan trọng yếu trong phần tả cảnh : « Mỗi lần có cơn gió, mỗi lần chàng ngửi thấy mùi béo ngậy của miếng thịt ướp, mùi thơm của chiếc bánh vàng, mũi Sinh tự nhiên nở ra, hít mạnh vào cái mùi thơm thấu tận ruột gan như thấm nhuần vào xương-tủy » (Thạch Lam).

5. *Tay* : Sờ đồ vật để phân biệt sự trơn nhám, xù xì hay ai-góc, điều mà bốn giác quan kia không rõ được.

Tóm lại, phải vận-dụng óc quan-sát trong một bài văn tả cảnh. Giác-quan phải được hướng dẫn và luyện-tập. Ngoài những chất-liệu này, còn cần phải đẽo gọt trau-giồi và diễn tả cho thành câu văn.

Khi quan-sát, ta phải theo thứ tự sau đây :

- a. *Toàn thể* : Hình-dáng, cảnh-tượng.
- b. *Chi-tiết* : Đường nét, màu sắc, âm-thanh, nét độc-đáo.
- c. *Sự liên-quan* đến các vật phụ.
- d. *Nhận-xét* : Phán-đoán, so sánh.

B. Trí nhớ : Quan-sát tinh-tế để thu-nhận vào cái kho kinh-nghiệm tích-trữ những chất-liệu dùng để kiến-trúc một bài văn. Cái kho kinh-nghiệm ấy là *Tri nhớ*. Vì vậy, trong lúc quan-sát, ta phải theo thứ tự, ghi nhận cẩn thận những điều nghe thấy và tập diễn tả lại những điều ấy bằng những *từ-ngữ thích nghi*, những câu văn gọn gàng, xúc-tích.

C. Khả-năng nhận thức : Khả-năng này phát triển theo tuổi tác và kinh-nghiệm. Phải luyện-tập để phân-biệt đến mức tinh-tường những cảm-xúc, những màu sắc, thanh-âm, cảm nghĩ.

Thí dụ : Màu vàng của hoa mai và nâu vàng hoa cúc có điểm gì khác nhau ?

Cái lạnh của một ngày trở trời có gió nhẹ nhàng và cái lạnh của một đêm đông gần tết, ta có cái cảm xúc thế nào ?

D. Sử-dụng từ-ngữ : Dùng từ-ngữ thích nghi đòi hỏi ông thầy một sự cố-gắng và học-sinh, một sức luyện tập thường xuyên. Từ-ngữ dùng đúng mức, câu văn sát nghĩa, xúc-tích, gợi-cảm.

Trong thê văn miêu-tả, quan-sát là cảm thích hơn cả. Bất cứ một cảnh-tượng nào, đồ-vật nào cũng chứa đựng một nét đặc biệt của nó. Càng quan-sát kỹ, càng chú-trọng, ta càng khám phá những điểm độc-đáo của nó. Cho nên, miêu-tả ta phải trung thực, hòa mình với cảnh vật, không nên dùng sáo-ngữ hoặc vay mượn một cách gượng gạo, giả dối.



1

ĐỀ BÀI : Trò thử tả chiếc máy thu - thanh và nói cảm-tưởng của trò.

BÀI LÀM

I. — Mẹ tôi hằng ao-ước có một chiếc máy thu-thanh chạy bằng « pin ». Đề an-ủi mẹ tôi trong lúc tuổi trời chông chất, người anh thứ ba vừa biểu mẹ tôi một chiếc máy Nhật hiệu « National ».

II. — Chao ôi ! Tôi sung-sướng muốn điên người. Tôi chạy nhảy, la hét đề trút bỏ chí vui mừng làm cho tôi nôn nao khó chịu ! Mẹ tôi trầm tĩnh hơn nhưng vẫn không giấu được nét sung-sướng làm tươi nét mặt và xóa bớt đi những làn nhăn nheo trên vầng trán trĩu nặng ưu-phiền lúc trước.

Ở đồng quê mà có được một chiếc máy « ra-dô » là « oai » ghê lắm. Láng giềng xúm lại xung-quanh trăm-trò ngợi khen không ngớt. Việc đầu tiên của tôi là làm ra vẻ thành-thạo, đem đặt chiếc máy lên giữa bàn một cách trịnh-trọng mở công tắc điện điều-chỉnh núm chiều hướng phát thanh và núm cường độ âm thanh, trước cặp mắt thán phục của mọi người. Chiều nay có chương-trình ca kịch ban Thành-Công. Làn hơi ấm truyền cảm kéo lê, thê như muốn trút tâm sự mình qua làn sóng điện, ca sỹ Thành-Công, ru hồn mọi người trong một nỗi buồn mênh mông. Từ mẹ tôi, bác hàng xóm đến các em nhỏ, tất cả đều dán mắt vào chiếc máy xinh xắn đang phát ra những âm-điệu êm-đềm.

Hết chương-trình Cải-lương, đến tin-tức, rồi ca-nhạc, đài phát thanh làm việc suốt ngày. Sợ máy nóng quá sinh hồng tôi nhắc khéo mọi người giải tán và hẹn tối lại nghe chương-trình Dạ-

Lan, người em gái hậu phương nói chuyện với các anh chiến sĩ nơi tiền tuyến.

Và bây giờ, tôi mới có dịp ngắm nghía tỉ-mỉ chiếc ra-dô xinh-xắn đang chễm-chệ giữa bàn. Đó là một chiếc máy loại xách tay, hình hộp chữ nhật cao khoảng gần một gang tay và dài non ba tấc. Chiếc máy được đặt trong một lớp bao da màu nâu thẫm. Phía trên, bên phải cột « ăng-ten » mạ bạc lấp lánh, chia làm nhiều khía nối tiếp dính liền nhau, có thể kéo lên, thụt xuống theo ý muốn. Mặt trước, tất cả phần mỹ-thuật đều được trình bày trên một khung bằng kính mica có ghi kích thước và hệ thống phát thanh, hai núm tròn màu vàng lợt rất trang-nhã làm bằng một loại nhựa có tính chất cách-điện, núm phía trái dùng điều chỉnh âm-thanh, núm phía tay phải, điều chỉnh chiều-hướng và kích thước làn sóng. Ấn nhẹ vào công-tắc, đèn cháy sáng hồng, khung mica rực-rỡ những vệt ngang dài ngắn, những chữ và số chỉ-chít hiện lên một cách có trật-tự. Tên thủ-đô các nước Tây-Phương cũng có ghi đầy-đủ. Chỉ cần xoay một vòng tay là ta có thể nghe phát âm từ thủ-đô Ba-lê, Luân-đôn đến Sài-gòn, Đông-kinh. Một vòng trời Âu Á, những tiếng nói khác nhau phát xuất từ chiếc máy tí hon. Thật là tài tình.

Tôi thăm thán-phục bộ óc thông minh của con người. Bao giờ còn con người là bấy lâu có thể có những phát minh thần-tinh hơn nữa.

Tò mò, tôi mở chiếc bao da ra, nhìn vào phía sau : Chao ôi ! Cả một rừng dây chằng chịt, đèn bóng dọc ngang, con mắt người thường nhìn vào là tối mặt. Tôi khép chiếc bao da lại vội vàng vì sợ sự sai chạy hư hao có thể làm chiếc máy tắt đi.

Tôi thử ấn nút điện, đèn cháy, đài quân-đội vang-vang kêu gọi chiến-sĩ. Yên chí, tôi tắt điện và chờ đến tối nghe chương-trình Dạ-Lan.

III. — Chiếc máy thu-thanh mang lại cho mẹ tôi những giờ phút thanh-thoảng. Người thường thuộc lòng giờ khắc phát-thanh, những tuồng cải-lương và hát bộ của các ban cổ-nhạc đài Sài-gòn và đài Quân-Đội.

Mẹ tôi nâng niu chiếc máy, ít khi bà rời khỏi nó vì nó là nguồn an-ủi và cũng là người bạn thân-thiết của mẹ tôi trong lúc các con đều đi xa cả.



2

ĐỀ BÀI : Tả lá quốc kỳ và nói cảm tưởng của mình.

DÀN BÀI

- I. Nhập-đề :** Cơ-hội đặc-biệt làm em chú ý đến Quốc-Kỳ (cần tìm một dịp đặc biệt làm cho mình xúc động khi đứng trước lá quốc-kỳ : một cuộc lễ chào cờ một lễ duyệt-binh v.v...)
- II. Thân-bài :** a) *Toàn-Thê Quốc-Kỳ :* Cột cờ, dây treo, kích thước, màu sắc, vải cờ...
 b) *Chi-tiết :* Cái bộ phận trong Quốc-Kỳ, cách thức may cắt, vải vóc, bề trái bề mặt.
 c) *Đặc-điểm :* Điểm khác biệt với ngày thường, các lá cờ nước khác.
 d) *Ý-nghĩa lá cờ :* Liên-tưởng đến những gì khi đứng trước Quốc-Kỳ.
- III. Kết-luận :** Cảm tưởng trước Quốc-Kỳ :
 - Cảm nghĩ về mình,
 - Cảm nghĩ về đất nước.

BÀI LÀM

1. — Tôi đến cố-đô Huế trong một chiều mưa bay lấm tẩm... Khoác vội chiếc áo đi mưa, tôi viếng đất Thần - Kinh với một niềm khoái cảm lâng-lâng. Thành-quách rêu mờ, tường vôi loang lổ cũng không giấu được nét hùng-vĩ của một thời oanh-liệt xa xăm. Bên cạnh dòng Hương-Giang lặng lẽ, bóng cây đại kỳ cao vút uy nghi phát-phơ theo gió...

2. — Giữa khung-cảnh này, tôi mới cảm thấy cái đẹp của lá cờ cũng ý-nghĩa huy-hoàng thực sự của nó. Quốc-Kỳ không còn là một mảnh vải vô hồn mà giờ đây nó giống như một mệnh lệnh của một viên tướng soái chỉ-huy đang ngự trên một bức tường thành kiên cố. Nắng-chiều đã tắt trên ngọn đồi xa... Làn mưa bụi thướt tha bao trùm cảnh vật. Tôi bước đi trong cái rung-động thực tình của tâm tư... Tôi ngắm kỹ Quốc-Kỳ vì nó đang làm tôi xao-xuyến trong tâm hồn.

Ký đài xây-cắt bằng đá xanh kiên cố, vuông-vức mỗi bề độ hơn mười mét, kiến-trúc như hình Kim-Tự Tháp. Những khối vuông chồng chất lên nhau và nhỏ dần đến tầng trên cùng. Một thân cây

tròn rắn chắc độ hai tấc đường kính và khoảng độ tám mét chiều cao, mang một lá cờ to lớn, đậm màu đang tung bay phát-phới... Quốc-Kỳ vì ướt sũng nước mưa nên trông tươi thắm lạ thường ! Trên nền vàng đậm và tươi như những cánh mai trong tiết xuân về, nổi bật ba sọc đỏ song song đều đặn, giống như ba con giao long vùng-vẫy. Toàn thê rộng lớn may bằng một thứ vải dày và chắc. Chiếc dây bố to bằng ngón tay út luồn vào phía trong lá cờ, mắc nó vào một cái rổ rẻ treo phía trên cột.

Gió chiều lộng thổi. Cờ bay chập-chùng... Đứng dưới chân kỳ-đài, cao lớn uy-nghi bao bọc bởi một bức tường thành hùng-vĩ, phía bên kia bờ sông, dãy trường sơn trùng trùng ẩn-hiện, tôi có cảm-tưởng như mình đang đi trong quá-khứ... Lá quốc-kỳ đã bao lần thay đổi màu sắc nhưng vẫn không biến-đổi được ý-nghĩa của nó. Mang một linh-hồn kết tinh của bao nhiêu tinh-ba dân-tộc, bao nhiêu sức sống phi-thường của một giống nòi đã đem máu đào đời lấy từng gang sông tắc đất, lá cờ V. N. vẫn kiêu-hùng. phát phới qua bao năm tháng.

Trải qua bao hưng-phế thăng-trầm, nước V. N. từ một mảnh đất bé nhỏ nghèo-nàn miền Thuận-Hóa, vươn mình vượt qua rừng rậm núi cao, ma thiêng nước độc để tạo thành một dãy đất muôn màu nằm dọc bờ đại-dương mà người trai đất Việt tự bao giờ vẫn đem máu đào bồi đắp thêm cho lòng đất Mẹ, hun-dúc thành một dòng sinh khí linh thiêng. Trong những đêm mưa gió sục-sùi, nghe tiếng thở than trong lá, tôi tưởng chừng như muôn vạn linh-hồn chiến sĩ đang gào khóc non sông... Nguồn sinh-khí linh thiêng kia, kết-tụ trên Quốc-Kỳ phảng-phất khắp nơi, là nguồn an ủi dỗ-dành khi những đứa con yêu ngã gục dưới bóng cờ, là mệnh lệnh tối cao thúc giục muôn quân sẵn sàng chiến-đấu, là hình-ảnh nhiệm-mẫu xoa-dịu những nỗi khổ - đau của người góa-phụ mang vành khăn tang trắng xóa.

Lá cờ V. N. hùng-tráng thay ! uy-linh thay ! Làm một công-dân lúc nào ta cũng phải tôn-trọng màu cờ trong tất cả mọi địa-hạt : Người chiến-sĩ nơi trận mạc, nhà thể thao nơi vận động trường ngoại-quốc, nhà chính-khách ngoại giao. Chàng học sinh bé nhỏ, tất cả đều phải tôn-thờ màu cờ xứ-sở của mình, ý-thức được điều đó nên mỗi lần chào cờ là tôi nghiêm trang thành-kính.

3

ĐỀ BÀI : Tả một chiếc đồng hồ đeo tay và thử so-sánh tính bền bỉ đúng đắn của nó với đức-tính gì của học sinh.

BÀI LÀM

Ba tôi đi Hồng-kông về vừa cho tôi cái đồng hồ đeo tay ! Thật là một sự vui bất ngờ. Tôi, anh học trò bé nhất Bắc-Hà, mà cũng có đồng hồ, kém gì các sinh viên Đại học.

Các anh đừng tưởng là đồng hồ « khồ » giá một vài trăm, không nhãn hiệu đâu nhé ! — Bảo vật của tôi hiệu « Longine » làm tại bên Thụy-sĩ, mười bảy « ru-bi », giá ở Hồng - kông đã một nghìn hai.

Tôi nâng niu, ngắm chiếc đồng hồ mình mừng dính chỉ độ ba ly, vô kền sáng nhoáng chói lóa mặt thời biểu trắng men, phơn phớt hồng hồng chỉ có một con số mười hai chạm nổi bật lên, ba số : ba, sáu, chín thay bằng ba nét chấm vàng, còn bao số khác đều là những điểm bạc lóng la lóng lánh. Hai kim, một dài một ngắn, bằng thép xanh biên biếc, chạy vòng quanh trục. Ấy là kim phút chạy nhanh, kim giờ chạy chậm, còn về phía dưới một chiếc kim thứ ba chỉ giây nhỏ tí, nhẹ nhàng mau mắn, xoay trên một mặt thời biểu bé con.

Đồng hồ đeo vào cổ tay bằng một quai da — Ba tôi bảo là da rắn, màu nâu, lại có khóa bạc ở đầu. Da nâu làm nên tương phản với mặt đồng hồ có phủ kính trong vắt như gương làm cho bảo vật của tôi đã xinh, lại có vẻ vô cùng thanh nhã.

Tôi phải nhờ mẹ tôi đeo vào tay họ, rồi tôi kính cẩn áp mặt kính vào tai để nghe đồng hồ chạy ! tích tắc, bình... bình.. tích tắc... bình... bình.

Sao mà giòn thế, thực đáng làm thẹn chết cái « Lip » khồ của em họ tôi, nó lạch sà lạch sạch tựa hồ các chân kính, bánh xe, kim giờ kim phút đều rời ra !

Tôi có đồng hồ ! Lại đồng hồ Thụy sĩ hiệu « Longine » Nó không phải là đồ dùng mà là bạn chí thiết của tôi. Một ngày không biết bao nhiêu lượt tôi xem giờ. Tôi thấy mình tôi « oai » ghê.

Thôi thế là từ đây tôi không đi chậm nữa, cũng không phải đi xem đồng hồ chú Xôi bên hàng xóm vì đồng hồ nhà tôi luôn luôn « tác quái » ! Ông bạn quý của tôi rất đúng mực ngày nào so với giờ « Radio » cũng không thềm sai một góc phút. Muốn xứng đáng với ông bạn quý, tôi cũng trở nên mẫn cán lạ thường.

Này giờ văn phạm chán hơn cơm nếp nát, dài quá ! Tôi chỉ muốn chóng xong ! Thỉnh thoảng tôi cúi xuống nhìn chiếc « Longine » thân mến của tôi. Nãy giờ kể chuyện đang vui vẻ, sao nó ngắn ngủi vô cùng, tôi lại xem giờ ở mặt chiếc « Longine » thì ra chậm, chóng, là tại tôi sốt ruột hay ham nghe lời giảng của thầy chứ bộ ba kim giờ, phút, giây kia chạy vẫn đều đều... Tính đều đặn ấy, dần dần dạy cho tôi biết không nóng ruột khi phải bực mình hay bảu khoản chờ đợi.

— Có được một đồng hồ quý là một điều đáng mừng. Ba tôi nói như thế.

Nhưng ba cũng hỏi :

— Con có biết tại sao Ba tặng con đồng hồ quý ấy ? Đồng hồ là tượng trưng cho sự đúng đắn không sai chạy mà còn là cả một sự bền bỉ, chạy hoài không ngưng. Con cố mà tập những cái tính tốt đó.

Bài của một học-sinh.

(Báo Chánh-Đạo ngày 30-9-1965)



4

ĐỀ BÀI : Hãy tả cái bản-đồ Việt-Nam và nói cảm-tưởng của mình.

DÀN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ :

Cơ hội nào làm em chú-ý đến bản-đồ ? Ông thầy vừa mới treo trong lớp, trong phòng ông Hiệu-Trưởng hay trong giờ địa-lý, em có dịp quan-sát cẩn thận chiếc bản-đồ to lớn mà từ lâu em không chú-ý đến ?

II. THÂN BÀI :

1. Toàn thể :

— *Hình-dáng* : Hình chữ nhật mới tinh còn thơm mùi giấy mới, họa đồ Việt-Nam được mắc trên tường vừa quét vôi trắng phết, để phía sau bàn viết ông thầy.

— *Kích-thước* : Chiều cao : một mét bốn mươi, chiều ngang : một mét, Bàn-đồ được lồng trong một khung bằng cây và để dưới một lớp mica bóng láng.

— *Địa-điểm* : Chỗ treo bàn-đồ sánh với các bản khác :

2. Chi-tiết :

— *Trình bày* : Hình dáng nước Việt-Nam.

— Phía trên.

— Phía dưới.

— Những ước hiệu tượng-trưng làng mạc, sông núi, ranh-giới, biển cả v.v..

— *Màu sắc* : Đủ màu sắc : xanh lơ, xanh đậm, nâu, đen, đỏ, mỗi màu tượng-trưng cho mỗi loại khác nhau.

— *Ước-hiệu* : Quan-sát kỹ những nét chính.

Những nét đậm lớn trong bản-đồ : Sông Hồng-hà uốn khúc to rộng đổ thẳng ra vịnh Bắc Việt. Dòng Cửu-long chảy qua đồng bằng miền Nam đem phù-sa bồi đắp ruộng vườn như một dòng sữa mẹ nuôi con.

Những núi non trùng-điệp miền Trung, lẻ-tẻ miền Nam những đôi cao, thung-lũng sâu đều có ghi rõ trong ước-hiệu bản-đồ

— *Ranh giới* : Phía Đông, màu nước xanh lơ lổ đổ một vài vệt đen to nhỏ : Bờ biển có nơi lồi lõm, có nơi bằng phẳng. Phía Bắc, ranh-giới thiên-nhiên làm bằng một bức tường núi non trùng điệp, và ranh-giới nhân-tạo ngấu cách hai nước Việt-Hoa bằng những chấm đen đều nhau.

Phía Tây giáp Lào, Cao Miên và Thái-Lan, ranh giới cũng làm bằng những chấm đen cách khoảng đều nhau.

3. Những cảm nghĩ về bản đồ Việt-Nam.

— Cảm tình với bản đồ vì những lý-do :

a. Trình-bày đẹp, vẽ khéo, nghiên-cứu công-phu.

b. Nó tượng-trưng cho đất nước quê-hương nơi chôn nhau cắt rún của mình, nơi mồ mã ông cha.

c. Là di-tích của công-nghiệp những người Việt đã chết và những người đang sống, đang đem máu và nước mắt làm phân bón cho đất đai yêu dấu thêm màu mỡ.

4. Bốn-phận, nghĩa vụ đối với bản-đồ .

— Lúc còn học.sinh.

— Khi lớn lên trong chiến-tranh.

III. KẾT LUẬN :

Trong cảnh rạch đôi sơn hà, người dân Việt cảm thấy đau-đớn như chính thân mình bị chia rẽ làm hai. Nhìn trên bản-đồ, lần mức phân chia như một nhát dao hăm sâu lên lòng đất, quê hương của một dân-tộc kiêu hùng đã từng mang một sức sống phi-thường khai phá rừng hoang để tiến từng bước một vào miền Nam màu-mỡ.

Ngày xưa, giòng sông Gianh hơn một lần lưu một vết nhớ trong lịch-sử. Ngày nay, lịch-sử lại tái-diễn tấn tuồng mấy trăm năm về trước. Nhìn lên bản đồ, ta không khỏi ngậm-ngùi tủi thẹn ! Biết bao giờ gọi được vết nhớ ! Hàn gán vết thương đau trên thân thể người Mẹ Việt-Nam yêu dấu ? !



ĐỀ BÀI : Tả cái quán nước bên đường.

DÀN BÀI

1. Nhập đề : Cơ hội nào gặp ? Trong lúc đi chơi mát, đi cắm trại hay có trường hợp nào đặc biệt khiến ta nhớ đến cái quán lá bên đường ? (Đã hơn năm rồi tôi mới có dịp về thăm quê cũ. Cái quán lá của bà Tư nằm trên bờ một con kênh quanh năm nước đục ngầu ; nay nó vẫn còn nguyên vẹn, trừ một vài đôi thay vì sức tàn phá của thời gian).

II. Thân bài : 1) Tả toàn thể quán lá.

— Mấy gian ? Nóc lợp bằng gì ? Vách tranh hay đất hay chỉ là một tấm phen che mưa nắng bốn mùa.

— Nằm trên một địa thế ra sao ? Đàng trước quán là gì ? Đàng sau và hai bên hông ?

— Có một nét gì đặc biệt ? Có làm nổi bật nó lên, (thí-dụ : một chiếc cầu bắc chúi xuống sông, một bụi tre già khằng khiêu, xơ xác).

2) Tả chi tiết.

— Cách xếp đặt. Chõng tre ọp ẹp, một bộ ván dính bê bát nhỏ trầu. Ghế nhỏ xiêu vẹo. Nồi nước nóng ? Bánh trái, hàng bày ra bán.

— Khách hàng ngồi quanh chiếc chõng uống nước trà... Cử chỉ, cách uống (vài nét đặc sắc của bà Tư, của cô con gái con bà và khách).

— Thịnh-thoảng vài người khách ghé lại uống nước, cà-phê, la-ve hoặc một vài cốc rượu để xúi bột trắng ngần.

III. Kết-luận : Cảm tưởng... Cảm tưởng của một học-sinh với cái quán lá, với Bà Tư, và rộng hơn nữa với làng mạc miền yêu mà mọi người chỉ muốn có một cuộc sống phẳng-lặng êm đềm.

BÀI LÀM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

I.— Càng xe vừa đặt bên lề, nhà dưới cái mái phen liếp chõng dề che mưa nắng thì một câu mời mọc trong trẻo khiến Ban thò đầu nhìn vào hàng.

II.— Trên cái chõng tre cao dùng làm bàn úp đầy những bát sành, anh phu xe đã ngồi xuống ghế dài làm bằng một tấm gỗ có đóng bốn chân tre, và vừa thở hồn-hồn vừa bảo cô hàng cho bát nước chè. Rồi hai tay bưng bát nước đầy khói nóng bốc lên nghi-ngút, anh ta uống thòm thụp, nghe ngon lành lắm.

Giữa lúc ấy, một bọn năm người đàn bà vào hàng đặt phịch gồng gánh xuống đất rồi huyền thuyên cùng nhau trò chuyện. Giọng rất nặng của tiếng nói bễ đầy những chỗ ngọng khiến Ban mỉm cười.

III.— Uống xong mỗi người một bát nước, năm người đàn bà lại cất gánh ra đi. Cả anh phu xe khi nhận được tiền Ban trả, cũng đã kéo xe không đi ngược về phủ lý.

KHÁI HƯNG
(Đọc đường gió bụi).

Những tài liệu đọc thêm

1.— TÒ CHIM

Đã được hơn một tháng, có đôi chim sẽ đưa nhau đến làm tổ trên cây hoàng lan trước cửa nhà Dy. Tiếng chiêm chiêm của lũ chim con còn non nớt nhưng nghe đã rõ. Sáng sớm nghe có tiếng riu-rit trên cây, Dy đoán có lẽ đôi vợ chồng chim sẽ đang đùa với đàn con trước khi đưa nhau đi kiếm ăn ; trưa đến, chúng tha mồi về mớm cho con, rồi lại đi để xế chiều lại trở về, hai cái mỏ ngăn-ngăn, xinh xinh ngậm hai miếng mồi. Như biết bố mẹ chúng về, đàn chim non kêu ran mỗi khi đôi vợ chồng chim sẽ đặt chân xuống cành. Chim bố chim mẹ nhảy chanh chách lại gần tổ. Tiếng đàn chim non lại ran lên một lần nữa. Trên thành tổ, đôi chim sẽ bắt đầu mớm cho con. Những lúc đó, chắc gia-đình nhà chim vui vẻ lắm.

Trông vợ chim sẽ rói-rit, nghe tiếng đàn con chúng rói-rit, Dy có cảm tưởng như hai vợ chồng một nhà nào đi chơi về có gói bánh, đàn con reo mừng, sung-sướng giơ cả hai tay đỡ gói quà trong tiếng cười độ lượng của người cha, cái nhìn âu yếm của người mẹ.

Cho con ăn xong, đôi chim lớn nhảy lên một cành cao, cúi nhìn đàn con hót luôn miệng. Tuy tiếng chim sẽ chẳng lấy gì làm hay nhưng chỉ vì những cử chỉ của chúng, Dy nghe thấy cũng dịu-dàng ấm-áp như tiếng mẹ chàng nói với chàng. Chúng nó cùng là mẹ là bố, cũng có tình cảm như bố mẹ đối với con.

Đàn chim non no bụng, có con bạo dạn thò đầu ra ngoài ngo ngác, vụng dại ngó ngang ngó ngửa, miệng se se kêu. Ngắm cảnh gia-đình êm đẹp của đàn chim, lòng Dy vui vui.

TO-HOÀNG
(V. H. N. N)

2.— CÁI ĐIỀU

Những người ham chơi điều là những người nhiều kiên-nhẫn. Không kể gì lúc họ ngồi gò đôi cánh điều lấy đều, lấy nông gió, không kể gì lúc họ cặm-cụi ngắm cây đề phát điều, hãy nói ngay lúc họ ngồi vót dây điều. Một cây tre, họ chẻ theo thớ suốt từ gốc đến ngọn, được những thanh dài.

Họ ngồi nắn nọt vót từng thanh cho thanh sợi dây tre to non nửa chiếc đĩa. Vót hết một cây tre, may ra mới được năm trăm thước dây. Những dây đó phải nối với nhau. Thật là một kỳ-công tinh-xảo : Nối làm sao cho dây không gãy, không đứt, nhất là không tuột. Dây nối xong đã được dùng ngay đâu ! Tre để như vậy sẽ ròn, và lúc buông điều nó chỉ vụn hai cái là đứt, lại phải làm thế nào cho dây mất chất dần đi. Chỉ có cách là đem luộc, cuộn tròn lại rồi cho vào nồi ninh như ninh bánh chưng từ sáng đến chiều.

Dây bấy giờ dùng được rồi, chỉ việc đem quấn vào vành rồi đem thả điều. Dây như thế nhẹ hơn dây thép, bền hơn dây mây, nên các tay chơi điều đều chuộng cả. Và lại, còn một lẽ nữa là dây mây và dây thép đều đắt, nhất là dây thép ngày xưa hiếm lắm.

TOAN - ÁNH
(Phong lưu đồng ruộng)

3. — CHIẾC BÁNH

Cứ mỗi lần tôi về Tết, các bạn vùng ngoài thường nhắc tôi đừng quên đem bánh ò ra. Tôi mỉm cười hứa chắc-chắn lắm nhưng ít lúc không sai lời, vì bánh ấy kهنh-càng và nặng lắm.

Vả lại, nó chẳng đẹp gì ! Phía ngoài là một lớp lá chuối đã héo khô, xấp không đều-đặn, nê ra từng chỗ, bề mặt được bằng-phẳng và thường thường có lấm-chấm một lớp mốc xám xanh.

Nó cũng không ngon nữa ! Chỉ là một cục bột trộn đường, đem hấp cho chín đi.

Nhưng ở vùng tôi (Quảng-nam) trở vào, có nhiều ý nghĩa lắm. Đầu tháng chạp, các cô gái nhà giàu đã lo xay nếp, thắng đường, máy đĩa ở đã bắt đầu treo lên rằm gác, lồi mớ ò tre vương những dáng nhện và mớ-meo những bờ-hống xuống. Rồi giữa sân, ngồn-ngang những tàu lá chuối xanh tươi.

Trong những túp lều tranh, chiều 27, 28 có những cái nồi đất to tướng đặt chính giữa, trên một mớ lửa rực đỏ. Bên cạnh, một đĩa bé hai tay bó gối, lim-dim đôi mắt, gật-gù, chốc lát lại gục xuống mạnh một cái rồi bùng mở to mắt ra, ngơ-ngác nhìn bốn phía rồi sửa lại một miếng củi đang cháy, hay vun lại đồng tro.

Thế rồi một buổi chiều, ò bánh nằm trong rổ nhỏ, ngồn-ngang bày trên những sạp mới, hay để lẫn-lộn trong làn cỏ dân dã cứng lại.

oOo

Tôi thấy hai cõ tay tròn trệ của chị tôi trắng trắng trong chậu bột vàng màu sữa đục. Những đêm tối không chịu đi ngủ, ngồi bên cạnh người, tai lắng nghe «lừa cười» và một buổi chiều, chị tôi đi đâu về, mình mặc chiếc áo màu hoa lý mới may chạy ngay lại bên sạp bánh, cầm từng ò bánh lên xem rồi xây lại hí-hôn nói với bà tôi, ngồi bên phản giữa.

— Bà ơi, năm nay chắc phát tài vì bánh đặt trúng tốt lắm !

VĂN-BÔNG (Huế)
(Phong-Hóa)

4. — NHÀ HOANG

Cái nhà hai gian đó, trước kia là phụ-thuộc của lớp nhà trên năm gian, ở giữa vườn. Ngay đêm tá-chiến, lớp nhà trên bị tiêu-hủy, để trợ cái nền, cỏ mọc lờm-chờm qua khe những đồng gạch vụn ngồn-ngang.

Ở tận góc vườn, xa nhà trên và vì đêm ấy gió thổi ngược lại, nên cái nhà lá không bị cháy. Nhưng vì không ai trông-nom, nên nó đã trở nên rất điêu tàn. Mới thoát trông, không ai lại có thể ngờ rằng cái nhà đó lại có người ở. Một căn nhà, theo nghĩa của nó, phải che được mưa nắng, tránh những sự rủi-ro của thời-tiết cho người ở. Nhà này không còn giữ nổi cái nhiệm-vụ cần-thiết ấy : nó điêu-tàn, tiêu-tụy quá. Bức vách xiêu-veo, mái mất từng mảng lá. Mỗi lần có trận gió to, như chiều hôm nay, những tàu lá còn lại bị tốc lên, đập như cánh chim no, mới tập bay, gió lùa vào bên trong với từng lớp mưa phùn. Trong nhà cũng lạnh-lẽo, ẩm-ướt như bên ngoài ! Cỏ tranh, cỏ gấu ngoài vườn đã mọc lan tới bên thềm ; hàng rào xơ-xác, nhất là về phía giếp đường cái, càng làm tăng vẻ hoang-tàn.

ĐỖ-DỨC-THU (Bạn vàng)
(Văn hóa Ngày nay)

5. — CÁI CHÔNG TRE

Thân-hình cái chông rất sơ-sài mộc-mạc : Hai khúc tre dài đồng liền với hai khúc tre ngắn thành một cái khung chữ-nhật. Mặt chông làm bằng năm chục thanh-tre vót tròn như chiếc đĩa. Bốn khúc tre già làm bốn chân với vài chiếc thanh ngang, dọc để giữ cho thân vững chắc.

Toàn thề chỉ có thể. Nhưng đối với tôi, nó thật là một vật quý giá. Buổi trưa nóng nực, tôi xách nó đặt ngay gần cửa sổ dưới bóng cây khế sai oằn. Tôi nằm vắt chân chữ ngũ đọc sách trong khi từng luồng gió thổi mát rượi. Chiều, tôi lại xách nó ra gốc bưởi trên bờ ao sen nằm hóng mát. Gió hiu hiu, hương sen thoang-thoảng làm tâm hồn tôi sáng-khoái. Tối, tôi lại xách nó ra giữa sân nằm khênh, mắt mơ-màng nhìn lên chòm sao lóng lánh trên vòm trời. Những đêm trăng thanh, tôi nằm ngắm nghĩa chị Hằng e-lệ lẫn vào trong đám mây trắng muốt.

(Theo Tập-đọc Quốc-Văn lớp Ba)



TẢ THỰC-VẬT

Thề-văn tả thực-vật phức tạp hơn tả đồ-vật. Bởi đồ vật im lìm, cứng nhắc, còn thực vật biến thiên theo ngoại cảnh: ánh sáng, màu sắc, bối cảnh của vật đang tả đều có ảnh hưởng đến đầu đề. Người ta có thể tạm xếp loại thực-vật như sau:

1. Đứng riêng biệt :

Cây cam, cây diệp v. v...

2. Đứng chung thành nhóm cùng một loại :

Bụi tre, hồ sen, khóm chuối.

3. Loại hoa, trái, dây leo.

Nguyên-tắc vẫn phải quan-sát cẩn-thận : nhìn toàn thề, nhìn chi-tiết, tìm những nhận xét lạ và độc đáo, làm nổi bật những nét mà chỉ có loài này có mà loài khác không có. Sau cùng, chú ý đến bối cảnh của thực-vật đang miêu-tả :

- Khung cảnh.
- Điều-hòa màu sắc.
- Sự hòa-hợp với thiên-nhiên.
- Hương vị.
- v. v . . .



Handwritten signature or mark.

Quy-Tắc căn-bản

Quan-sát kỹ đối tượng miêu-tả. Xếp vào một trong ba loại trên. Miêu-tả theo thứ tự sau đây :

1. Hình-dáng toàn-thể, những nét tổng-quát : Quan sát kỹ bối cảnh của thực-vật đang tả để có một cái nhìn tổng-quát về đối tượng *Thí-dụ*: Tả một cây mai ngày Tết: Trong muôn ngàn hương sắc của các loài hoa trưng bày ở chợ Tết ai cũng nhận rằng chỉ có hoa mai là đẹp và mang nhiều hương sắc mùa xuân hơn cả.

2. Các bộ-phận.

— *Gốc rễ* : Đất đai, phân bón, rễ cây ăn sâu xuống lòng đất hay bò uốn lượn như con rắn khổng lồ trên mặt đất.

— *Thân cây* : Cây nhỏ : Thân cây trơn láng, no tròn, to lớn.

Cây già : xù-xi, khẳng-khiu, màu xám khô nứt nẻ, vỏ tróc lỗ đổ khắp nơi.

— *Cành lá* : Nhìn toàn thể lá xanh hay úa, to nhỏ màu sắc ra sao ? Lá non mơn mớn, xen lẫn với hoa vàng nhè nhẹ, phơn phớt như những cánh bướm chập chờn theo gió xuân.

— *Hoa* : Hoa nở đều : Những cánh to vàng đậm vươn mình hẳn cả phần của những chiếc còn búp măng. Khói hương mờ-ảo tỏa nhẹ nhàng phía sau cành mai làm tăng thêm nét cổ-kính trang nghiêm.

— *Trái* : Xanh, chín, sai hay thưa.

3. Công-dụng :

— Công-dụng của thân cây.

— Công-dụng của lá.

4. Đặc-tính.

5. Ý-nghĩa của thực-vật đang miêu-tả :

— Tượng trưng cho điều gì.

— Ý-nghĩa, cảm-nghĩ về loài thực-vật này.

Qui-Tắc : Hình-dáng toàn thể, bối cảnh của đối tượng.
Các bộ-phận : gốc rễ, thân, cành lá, hoa trái
Công-dụng đặc-tính, ý-nghĩa tượng-trưng.

1

ĐỀ BÀI : Tả một giàn hoa giấy trồng trước nhà hay trò có dịp quan-sát nó ở một nơi nào khác.

BÀI LÀM

I Từ thuở ấu thơ, tôi ao ước trồng được một giàn hoa giấy trước nhà, một loài hoa không hương thơm nhưng có một màu sắc nhẹ nhàng trang-nhã

II. Ước mơ của tôi nay đã thành sự thật : Trước nhà, một giàn hoa giấy xum-xuê, lá xanh rậm rạp, đang phô-trương màu sắc dưới ánh nắng xuân dịu-dịu. Đây là công-trình của mẹ con tôi trong hơn một năm trời vun phân tưới nước. Bây giờ tôi có thể hãnh-diện rằng tôi có một giàn hoa đẹp nhất trong làng. Không ai đi ngang qua nhà mà không thốt một lời khen tặng.

Kia, hai trụ gạch tròn, cao khoảng hơn hai thước, mang một giàn cây ngang phết với trắng xóa. Giấy hoa bây giờ lớn hơn ngón tay cái, bò từ dưới đất lên giàn cây, tỏa ra um-tùm những lá xanh mơn mớn. Giấy mẹ, giấy con âu-yếm quấn-quít vào nhau ngoằn-ngoèo leo dài theo hai bên giàn. Thỉnh-thoảng mọc lên những gai nhọn sắc bén, có thể đâm vào tay chảy máu nếu ta vô ý rờ vào những cánh hoa màu hồng nhạt đang tỏa xum-xuê trên cành lá.

Nhờ đất đai màu mỡ phân bón dồi dào giấy hoa như đã đủ thức ăn, lớn lên như thổi và đâm chồi nảy trọt, tua tủa tỏa khắp nơi và bò lêu nghêu ra cả ngoài không gian. Lá và hoa thì nhau bao phủ khắp giàn. Đứng xa trông như một chiếc cổng kết bằng màu hồng xen lẫn màu xanh.

Những buổi sáng đẹp trời, tôi đứng ngắm từng chiếc hoa đang độ nở tròn. Màu hoa phơn phớt hồng, một thứ màu hồng nhìn vào làm mát rượi cả tâm tư. Nó không sắc-sỡ diêm dúa như một cô gái thị thành, không dài các trâm anh như những cánh ti-gon kiêu-hãnh, không trang-nghiêm đến lạnh lùng như những cành hoa huệ tinh anh, hoa giấy chỉ là những cành hoa đơn sơ, màu hồng nhẹ mong manh như những sợi tơ trời, ngọt ngào

như đôi má thơ ngây của một trẻ thơ chưa dứt sữa... Chiếc nhụy vàng lấm tấm phấn nâu thẹn thùng nấp kín vào những cánh hoa như muốn giữ chút hương trinh-bạch của mình.

Tôi yêu những cánh hoa giấy vì nét mộc-mạc đơn sơ của nó và nhất là màu sắc thanh-nhã nhưng quyến rũ lạ lùng! Nhà tôi nhờ nó trang-điểm mà trở nên có duyên lạ! Không khí quanh nhà như sống lên và vui lây cái màu sắc của giàn hoa giấy. Ước gì tôi nghe được tiếng nói của hoa và chính hoa cũng hiểu được tiếng nói của người, để cùng tôi thông cảm trao đổi cho nhau vài câu tâm sự... Có lẽ lòng yêu thích say mê chuyển hóa từ con người tôi đến những cánh hoa hồng để rồi xui cho những cánh hoa này mang cùng tình cảm với tôi nên lúc nào tôi đến nâng niu săn-sóc là hoa phe phẩy cười đùa với tôi trong ánh nắng xuân đầm ấm.

Trời xanh, mây trắng, không khí tươi mát và giàn hoa giấy rung rung những bông hồng thắm-thiết, tất cả như kết tinh lại thành một nguồn sinh khí chan-hòa trong cỏ cây và rào rạt trong lòng người.

Trông được giàn hoa giấy uốn nắn theo ý mình, công trình này được đáp lại bằng màu sắc tươi mát gây cho gia-đình tôi một không khí tràn ngập nguồn vui. Tuy hoa không mang một ích lợi thiết-thực như bầu bí nhưng chính nó trang-điểm cuộc đời thêm tươi thắm, cha mẹ tôi làm việc say mê mang nhiều nguồn lợi khác cho gia-đình.



ĐỀ BÀI: Tả một cảnh mai chưng trong độc bình ngày Tết Nguyên-Đán.

BÀI LÀM

Hằng năm, cứ đến những ngày có gió lạnh thổi về và trên không, bầu trời như cao hẳn lên, nhẹ nhàng với những đám mây trắng xóa, là tôi lo săn sóc mấy cụm mai trước nhà để chuẩn-bị đón xuân sang.

Năm nay tốt trời, mai nở xum-xuê. Tôi chọn một cành mai lớn và suông, có nhiều hoa nhất đem cắm trên chiếc độc bình bằng sứ Giang-Tây đặt giữa bàn thờ. Chiều ba mươi Tết, tôi ngồi lặng ngắm cảnh mai hàm tiếu sau làn khói hương mờ ảo...

Chiếc độc bình cao lớn, thuộc loại đồ cổ quý giá làm tăng thêm vẻ trang-trọng của một cảnh mai to bằng ngón chân cái, cao và chi-chít những nhánh con. Hoa mai nở tròn. Năm cánh xòe ra, tỏa rộng che phủ khắp cành. Cánh mỏng như tờ, vàng đậm đồng đều. Hoa mai nở bung ra để khoe cái nhụy mịn màng lấm tấm phấn nâu. Toàn thể như toát ra một sức sống. Những búp mai mập tròn nhọn lều lều núp phía sau những cánh mai vàng rực rỡ như chực chờ thay thế các bậc đàn anh khi héo tàn.

Những chiếc lá non non-mơn, màu xanh lọt tươi mát ẩn trốn phía sau để nhường chỗ cho các chùm hoa vàng đơm dày đặc phía ngoài. Nhìn kỹ mới thấy được những chiếc lá khiêm tốn ẩn hiện tận phía trong cùng.

Hoa nở dày đặc khắp cành, chen chúc giành giật lấy một chỗ để phô trương vẻ đẹp của mình. Gió lác lác, lá mai phe phẩy như chào đón xuân sang, vài cánh hoa nở sớm, lả-tả rụng xuống. Hương thơm thoang-thoảng, tỏa khắp nhà.

Ngồi ngắm cảnh mai mà lòng lâng lâng sung sướng. Khói hương ấm cúng, mai nở đầy nhà, tôi đón xuân sang với tất cả ý-nguyện chân thành, với tất cả lòng sung-sướng hồn nhiên của tuổi trẻ. Gió xuân lay động. Cành mai thở ra những hương thơm thoang-thoảng. Vài cánh mai nhẹ nhàng rụng lả-tả trên bàn thờ.

Mai biểu hiệu cho một cái gì tinh-khiết và cao quý. Đầu năm, dùng hoa mai trang điểm trên bàn thờ tổ-tiên là một điều có ý-nghĩa.

Cảnh mai năm nay hoa đơm dày đặc, toàn thể như toát ra một sức sống mạnh-mẽ, báo hiệu một năm may mắn vui tươi.



3

ĐỀ BÀI : Tả một cây điệp trông trước sân trường hoặc ở một nơi nào mà trò có dịp đi qua.

BÀI LÀM

I. Chỉ còn mấy hôm nữa, tôi sẽ từ giã mái trường thân-yêu để bắt đầu một đoạn đời khác. Lẽ tất nhiên tôi buồn lắm ! Nơi đây, tôi đã gửi trọn quãng đời thơ ấu nên nhất nhất cái gì cũng gieo trong lòng tôi một cảm tình thấm-thiết !

II. Người bạn vong niên mà ra đi, tôi ngậm-ngùi luyến tiếc, là một cây điệp già khô, khẳng-khieu như một ông lão gầy thiếu ăn và bệnh hoạn. Khác với mọi năm, giờ này hoa nở đỏ rực, rọi rụng khắp sân trường, cây điệp năm nay chỉ loáng-thoáng một vài bông nhỏ li-ti. Có lẽ điệp muốn chia buồn cùng tôi. Nhìn một lượt qua các đồ vật, cây cối trong sân trường, tôi cố khắc ghi sâu đậm hình ảnh cây điệp già để lưu lại một kỷ-niệm ấu thời. Mảnh đất khô cằn không đủ sức nuôi thân cây nên điệp càng năm càng già trước tuổi. Rễ nó ngoằn ngoèo uốn lượn nổi hẳn trên mặt đất. Quanh năm chừng như không có một giọt nước của trường. Vài rễ con bám sâu xuống lòng đất nứt nẻ, cố mang lên một ít thức ăn nghèo nàn để nuôi một thân cây gầy đét, da khô tróc từng lớp, vỏ loang-lổ khắp nơi như những vết thẹo chưa lành. Tàn cây khá lớn phủ một lớp lá nhỏ li-ti màu xanh ngả sang vàng vì sắp rụng. Những cành to nhỏ xen nhau tỏa rộng ra như cố che giấu thân cây xù-xì, meo mốc bám đầy mình.

Lá điệp bầu tròn hình muông nhỏ lặn phía trên cuống, có răng cưa giềng quanh. Hầu hết ngả sang màu vàng vì cây thiếu nước, quan sát kỹ ta thấy những gân lá nổi lên chạy cùng khắp như những mạch máu trong thân thể con người. Những chiếc lá non cũng cố lớn lên để che chở một vài nụ hoa nở muộn màng màu đỏ rực, điểm lưa thưa trên tàn cây phía trước lớp học tôi. Hoa điệp màu đỏ quá ! Năm trước, cây như một chiếc nậm vĩ đại kết toàn bằng hoa đỏ như lửa. Điệp còn có nhiều tên rất thi vị : Hoa phượng vĩ, hoa học trò v. v... Màu đỏ rực, như đề nung nấu ý-chí, và rèn luyện tinh-thần. Cho nên mỗi mùa phượng nở là mùa thi bắt đầu và cũng là mùa chia tay, tạm-biệt nghỉ hè.

Đã bốn mùa chia tay, nhưng lần này tôi thấy thấm thía hơn bao giờ hết. Tạm biệt trở thành vĩnh-biệt ! Biết bao kỷ-niệm dưới bóng cây điệp già trong bốn năm qua : Những buổi trưa hè chúng tôi tụ tập dưới bóng cây để bắn đạn, học bài hoặc chơi những trò khác có khi lượm hoa đem về ép vào sách hay ngồi dưới góc điệp rình rập mấy con ve sầu đang ca hát trên ngọn cây. Cuốn phim di-vãng của bốn năm học trò đều xảy ra dưới gốc cây điệp già nên ra đi tôi ngậm ngùi luyến tiếc ! Bao nhiêu cảm tình thuở bé thơ, tôi đều dành cho điệp, người bạn vong niên đã già hơn tôi mấy tuổi... Có lẽ điệp buồn nên năm nay nó không đem hoa đỏ rực, mà lặng lẽ nhìn tôi với bộ mặt ầu-sầu. Thân cây nứt-nẻ, lá vàng lổ lõ khắp nơi.

Hai năm sau, tôi đi ngang qua làng cũ. Cây điệp đã chết khô tự bao giờ ! Trường ốc xơ-xác vì bom đạn. Nửa mái phía đông sụp đổ. Ngói gạch ngồn ngang. Một nỗi buồn mênh-mang bỗng dưng xâm chiếm cả tâm hồn tôi. Chiến-tranh đã tàn-phá tất cả, tàn-phá cả đến những tâm hồn thơ-dại.



4

ĐỀ BÀI : Trò hãy tả một khóm tre mà trò có dịp trông thấy.

BÀI LÀM

I. Ngay đầu ngõ nhà tôi, một khóm tre xanh-um mọc quây quần riêng một chỗ trông rất đẹp.

II. Cả khóm đếm được đến tám chín cây tre, già có non có, cao ngắn-ngheo đến hơn mười thước. Các rễ cây cứng bám chặt vào đất giữ cho thân cây đứng vững. Xen vào giữa các cây, lại có mấy cái măng non mọc trời lên trông đầy sức sống tươi trẻ. Thân tre to, nhỏ dần về đặng ngọn, chia từng lóng và có một lẫn lá xanh bóng che phủ. Khoảng giữa thân cây, có ít cành lá từ các đốt đâm ngang ra xung-quanh. Nhưng nhất là trên ngọn cây thì lá cành một màu xanh thắm, rườm-rà, xum-xuê khiến cây phải

nặng chịu đầu xuống. Các cây mọc sát vào nhau, nên những buổi trưa hè mỗi khi có gió thì chúng cọ xát vào nhau thành những tiếng kẽo-kẹt như người đưa võng, hòa với tiếng lá xào-xạc trên ngọn cây nghe thực vui tai, nhưng đượm một vẻ mơ-màng huyền-ảo giữa chốn đồng quê thanh vắng.

Tuy tre có thể dùng làm được nhiều việc như phên liếp, làm kèo nhà, cột nhà, giường, chõng v. v... nhưng cha tôi không nở chặt một cây nào, vì khóm tre này làm tăng thêm vẻ đẹp cho nhà tôi. Khóm tre này thường là chỗ tụ-hợp của mấy con chim vành khuyên hay cánh cam sáng chiều đến đó nhảy múa ca hát hoặc nhặt sâu bọ. Những đêm trăng thanh lấp ló sau khóm tre, người ta thấy thấp thoáng trong đám lá mơ màng vài chú cò trắng đậu rình mồi; thực là một bức tranh thơ mộng. Thường những lúc ngày tàn, nhất là về mùa thu, tôi rất thích ra ngồi chơi hóng mát thõng tiêu cho các em tôi nghe dưới khóm tre. Tiếng tiêu của tôi bay lẫn trong tiếng gió rung cây xào-xạc tạo nên một khúc nhạc mờ-ảo thi-vị, thực không gì thanh thú cho bằng.

III. Nên dù đi học xa, mỗi lần nhớ tới quê nhà lòng tôi không khỏi nao nao, liền tưởng tới khóm tre thân yêu kia.

THÁI-HUY

Những tài liệu đọc thêm

1.— HOA SEN

Đến kỳ sen nở... Có bông vượt hẳn lên cao quá tầu lá, có bông kín-đáo nấp dưới bóng xanh, nở sát ngay mặt hồ. Trong cái vòng chén của cánh lụa, nhụy hoa giữ được cả cái nóng của mùa hạ và cái mát rượi của nước trong.

Sen có hai thứ: quỳ và sen, như hai chị em một nhà. Quỳ chỉ có tuyến những cánh to, hoa khoáng-đãng và rộng-rãi; phưng không đầy đủ, thân-mặt như những cánh nhỏ của sen, âu-yếm ôm lấy cái hương xanh. Về màu sắc, thì có hai thứ đỏ, trắng. Kể thật ra không phải là đỏ, đó là một màu riêng, màu cánh sen, tươi

và mát hơn. Có thứ quỳ trắng toát, rực-rỡ toàn một màu trắng trong, một bài thơ trắng tinh-khiết của nước và của mây trời... Nhưng tôi ưa thứ sen trắng hơn, với những cánh nhỏ trắng nõn pha xanh, như da mặt người con gái yếu. Và thỉnh-thoảng có một cánh viền một đường màu đỏ, chỗ đậm, chỗ nhạt, không đều. Hình như trong cái mộng trinh-tiết trắng trong còn vương-viu chút tình của bông sen đỏ, quẩn-quít không thoát được.

Ai nói cho hết được cái bí-mật cao quý của hoa sen? Cái hương tròn ở trong lòng, cùng một màu ngọc thạch non như lá mới, với những hạt sen non nhỏ. Và những hạt nhụy trắng như sữa trên cái cuống phấn vàng tươi, ôm-ấp lấy hương sen một vòng thơm mát... Hoa sen là của quý của mùa hạ, đem tất cả cái rực-rỡ thắm màu của trời xanh mây trắng đúc nên cái tươi mát vô cùng.

Không có hương thơm nào hợp với gió hơn, bởi cũng thanh và nhẹ như luồng gió... Trong sương sớm, đi hái sen ở trên hồ, sương vương mắc được tất cả cái trong sạch của hoa lá ấy. Lý-thái-Bạch trong bài «Thái liên khúc» (khúc hát hái sen) tả buổi hái sen trong sớm của cô gái bên ngòi Nhượng-gia, có hai câu bất tuyệt:

« Nhật chiếu tân trang thủy dễ minh,
« Phong phiêu hương duệ không-trung cử.
Áo quần mặc mới trắng tinh,
Nắng soi dây nước rung-rinh bóng lờng.
Thơm-tho vật áo gió tung,
Bay lên phất-phới trong không ngạt-ngào ..

(Thơ dịch của TÂN-ĐÀ)

Thật đủ cả ánh nắng buổi sớm, hơi nước mát, gió đưa nhẹ hương thơm của bông sen và cái miệng cười tươi-thắm của cô thôn-nữ mặc áo mới trên hồ.

THACH-LAM
(Ngày nay)

2.— HAI LOẠI LAN

Lan chia ra làm hai thứ: lan cây và lan đất. Lan cây hay phong lan là thứ lan tự-dưỡng chỉ bám vào cây chứ không cần hút nhựa cây mới sống. Phong lan có khi bám vào cây đã chết, gỗ

mục hoặc đá mà sống như thường, miễn là đủ hơi ẩm để hút lấy nước cho lá tươi-tốt, đủ ánh nắng để nở hoa đẹp. Còn hơi ẩm và ánh nắng cần nhiều hay ít là tùy từng loại.

Lan đất cũng có nhiều loại nhưng loại có nhiều giống nhất và hoa đẹp nhất là Thảo-Diệp-Lan (Cymbidium) lá như lá cỏ. Các thứ lan cổ-điền các cụ ngày xưa chơi thuộc về loại Thảo-Diệp-Lan, Lan vẽ trong các tranh cổ cũng thuộc về loại này.

Ngày xưa các cụ phần nhiều chơi Thảo-Diệp-Lan của người Tàu đem từ bên Tàu sang : Bạch-Ngọc, Tố-Tâm, Loan-Điền, Đông-Lan, Mặc-Lan, Trần-Mộng-Lan, và quý nhất là thứ lan Bạch-Ngọc. Thực ra ở trong rừng của ta có rất nhiều thứ Thảo-Diệp-Lan, nhưng các cụ thiếu phương-tiện (hay sợ thú dữ) nên không tìm kiếm được. Chỉ có Lan Yên-tử là lan Việt, các cụ mang ở rừng về trồng vì nhân-tiện đi ngoạn-cảnh chùa trên núi Yên-tử.

NHẤT - LINH (Lan Thanh-Ngọc)

3.— VƯỜN RAU

I. Đàng sau nhà, có một vườn cải. Đây là một khoảng đất tận góc vườn đàng kia, giáp bờ ao, vun, xới, bón, tưới do công-trình của Lặc. Cũng là ở trong vườn, nhưng Lặc rào kín bốn phía, để đề-phòng sự tàn-phá của bọn gà vịt nghịch-ngợm. Chỉ mở một cái cửa nhỏ. Mỗi ngày hai buổi, Lặc xách vò nước tưới.

II. Bốn luống cải chạy đều một hàng. Màu xanh tươi-tắn giải lên trên màu đất vàng sẫm. Có luống vừa bén chân, mới trở được đôi ba tờ lá bé. Những mảnh lá xanh ròn, có khía răng cưa chu-vi, khum xuống sát đất. Cải này trồng để ăn vào tết Nguyên-đán. Cũng có luống những tàu lá cải đã vồng cao. Khía lá rách mạnh vào chiều sâu. Ở giữa chòm lá lờ-xờ, vươn lên một cái thân dài mụ-mẫm và phần trắng. Đầu thân, lơ-thơ có những chùm hoa của những đóa hoa nhỏ-xiu ấy, nở ra những cánh vàng li-ti. Đó là những luống cải để làm dưa. Chúng đã già rồi. Nhưng vườn chỉ đẹp, khi những cây cải già nở hoa vàng.

Có không biết bao nhiêu là bướm trắng từ xứ mô tê nào rủ nhau đến chơi ở vườn cải. Chúng họp thành đàn, bay rập-rờn trên từng cánh lá. Chỉ bay thôi, mà không đậu. Những cánh trắng-trắng phất-phới trên nền cải xanh lốm-đốm điểm hoa vàng. Lại thêm có mưa xuân về sớm. Mưa không ra mưa, mà là trời đổ bụi mưa xuống. Trước gió hiu-hiu, những bụi trắng bay lảng-quãng, vờn-vờ.

TÔ-HOÀI (Ô chuột)

4.— CÂY TỬ-KINH

Đã mười hai năm nay, tôi từng gặm lên trước mỗi phen thất bại. Đề rồi.. giờ đây, tôi phải ngã gục trước gốc cây Tử-kinh.

Tử-kinh kia ơi! Người héo vì ta, người rầu vì ta hay sao? Ta van người hãy tươi lên, cho ta mừng, hãy cười lên cho ta khỏi tủi. Mười hai năm trời phiêu bạt, giờ đây trở lại quê nhà, mang theo một tấm thân thất bại, không hiểu sao vừa chợt thấy cây Tử-kinh, tôi lại quá chạnh lòng gia-tộc! Bạn hãy ngắm kỹ mà coi: Cây Tử-kinh nào có xinh đẹp gì đâu! Những chiếc lá tỉ-mỉ đơn sơ, những bông hoa lợt màu cũ kỹ, những ngành ngọn tần tiu, khắc khổ thế mà nó có một sức mạnh bời tung ký ức ở đáy lòng tôi.

Và trông thấy nó, tôi hình-dung được cố-phụ tôi mang cặp kính trắng nghiêm-nghị ngồi bên pho sách Thánh-hiền. Trông thấy nó, tôi như hình-dung được dòng máu của họ tôi đương chuyển mạnh trong mỗi gân cây.

Có lẽ, Tử-kinh không phải là một cây cảnh, mà chỉ là biểu-hiệu cho một dòng-đôi trung-trực. Cũng như thanh bửu-kiếm lưu-truyền là cái biểu-hiệu cho một tấm lòng tiết-tháo.

Tử-kinh không mọc ở công-viên. Tử-kinh không mọc trước nhà một cô đào hát, hay trước ngõ một tay công-tử ăn chơi.

Tử-kinh chỉ mọc ở trước vườn nhỏ xiu hay giữa tấc sân rêu của những gia-đình lễ-ngĩa, thi-thư.

Trước kia, cây Tử-kinh đã có lần chết rũ giữa sân họ Điền vì gia-đình bất hợp. Giờ đây, biết đâu, nó chẳng sẽ vì tôi mà héo rữa thay cho dòng họ.

Tử-kinh không rung với gió, Tử-kinh không văng ra tiếng rì rào. Thế mà tôi nghe như Tử-kinh đã thông-giới tôi rất nhiều. Nó làm cho máu trong tim tôi bừng sôi đến tột bậc. Lần này tôi quyết tâm hãy hái nện bước tới cùng.

Qua đầu làng, tôi vung dao chém đôi tảng đá mà tuyên thệ: không đặc-thắng thì quyết chẳng trở về, để khỏi thấy cây Tử-kinh giữa sân Lai chết đứng.

NGUYỄN-TẤT THỨ
(Tiểu-thuyết Thứ bảy)



TẢ ĐỘNG-VẬT

A. PHÂN LOẠI

Văn miêu-tả động-vật, ta có thể xếp loại một cách tổng-quát như sau :

1. *Loại vật đứng độc-lập*: (riêng một mình).

- Thú vật nhà (chó, mèo, heo).
- Chim chóc (gà, vịt, chim).
- Ếch nhái.
- Côn trùng.

v. v..

2. *Loại vật đứng chung với loại khác* (Hoạt cảnh).

- Hai con chó giành ăn, chó mèo cắn lộn nhau, gà mẹ đá với diều hâu bên vực đàn con nhỏ.
- Một cảnh cày ruộng : Bác nông phu với chú trâu đang cày đất.

B. KỸ - THUẬT MIÊU - TẢ

Tả động-vật khác với thực-vật và đồ-vật, bởi động-vật là một loài có cảm giác, cử-động. Cho nên, tả động-vật phải chú trọng đến những khía cạnh làm cho người đọc thấy rõ cái phần hoạt-động của vật diễn tả.

Phải chú-ý đến những đặc điểm sau đây :

1. *Hình-dáng* : Dáng-vóc, tướng đi, sắc lông, đuôi, chân, đầu cánh v. v..
2. *Các bộ phận* : (Tìm những đặc điểm mà chỉ có loài này có loại khác không có).
3. *Cử-động* : a. Lúc làm việc, rình mồi.
b. Lúc ăn.
c. Lúc ngơi nghỉ.
d. Lúc giận dữ, cắn lộn.

TẢ ĐỘNG-VẬT

57

4. *Đặc-tính* : Tìm những đặc tính riêng :

Gà nòi : Hiếu chiến.

Chó : Trung thành.

Mèo : ăn vụng.

v. v..

5. *Lợi ích* : Loài nào cũng có lợi ích cho người. Nhưng nên tìm lợi ích nào nổi bật nhất. Ngoài ra, nếu tả một hoạt cảnh giữa hai con vật cử động hay con vật phối hợp với người trong một động tác nào đó, thì nên chú ý làm nổi bật những điểm sau :

1. Tả từng con (điểm khác biệt).
2. Hoạt-động từng con.
4. Sự liên quan giữa hai con vật trong hoạt cảnh.



1

ĐỀ BÀI : Tả con bướm đang nhõn-nhờ trên một cành hoa hường.

BÀI LÀM

I. Sáng nay, nắng đẹp thếp vàng khắp cỏ cây. Tôi ngồi ngắm một con bướm đẹp đang nhõn-nhờ đùa giỡn bên một cành hoa hương thơm đỏ trước vườn.

II. Con bướm thon thon, không sắc sỡ như những con khác. Cánh mỏng như tơ, nhẹ nhàng không điểm lấy một chấm đen. Màu phơn phớt vàng phủ một lớp phấn mịn như nhung, trang điểm cho đôi cánh thêm phần xinh đẹp. Người ta bảo con bướm đẹp nhờ đôi cánh. Thật không ngoa tí nào ! Đôi cánh mong-manh, ung dung bay lượn, không gây một tiếng vang động cồn con, xòe ra xếp lại một cách thư thái thong dong như một người nhàn rỗi đi dạo chơi.

Hai chiếc vòi cong vút, thướt tha như lá liễu dùng để hút nhụy hoa. Mỗi lần đậu lại trên bông hoa nào là chiếc vòi ngoe

ngoài, đơn tron cánh hoa. Đôi chân nhỏ rút lay động giữ thăng bằng cho chęc thân thon nhẹ nhàng. Nó bay đến một hoa hồng hàm tiếu và đậu lại đó thật lâu. Có lẽ nó đã gặp nơi vừa ý nhất. Đôi cánh chớp chớp, đôi chân nhẹ nhàng đặt lên cánh hoa và chiếc vòi lác lư độ đâm tim nhụy. Bỗng thân nó uốn cong lại, hai chiếc vòi cắm sâu vào lòng cánh hoa, say sưa hút mật. Chừng như đã no nê, nó bay lên khỏi bông hồng, đôi cánh xòe ra xếp lại, dáng ẻo lả như những nàng tiên múa quạt trong các truyện thần thoại phương Đông. Màu hoa hương thấm với những cánh nở rộng xòe ra hòa hợp với sắc vầng phơn phớt, tạo nên một bức tranh đơn sơ lianh-động, nhẹ nhàng.

Được một lúc, bướm lại bay đi, chập chờn trên những cánh hoa khác. Chưa bao giờ bướm lại chịu đậu trên một cánh hoa nào nhứt định. Dường như đó là đặc tính của loài bướm. Thong-dong nhàn rỗi, lúc say sưa hút mật khi là lướt càn hoa. Đồi bướm xem thật sung-sướng ! Có lẽ chưa bao giờ nó vất-vả đôi khát như những cánh ve sấu hay càn-cù nhần-nại như kiến, ong. Bốn mùa hoa nở là bốn mùa dạo chơi no ấm. Trông nó thật là thong-dong như một khách du-lịch thừa tiền.

Bướm phá hoại mùa màng làm hư hao hoa trái. Nó là một loài vật không đem lợi ích gì cho con người và còn nêu gương xấu như một đầu ca-dao đã thường ví :

« Đùng như con bướm là loài chơi không. »

Tuy vậy, nhờ màu sắc rực rỡ, con bướm điểm trang cảnh vườn làm nổi hẳn lên những cánh hoa đẹp. Trong nắng sớm tươi mát, nhìn cánh bướm vàng ầu-yếm quẩn-quít lấy một đóa hoa hương thấm như nhung tơ tưởng không có gì ngoạn-mục hơn nữa.



2

Ề BÀI : Trò thử tả một con hồ bị giam trong chuồng sắt tại vườn bách-thảo. Nói cảm-nghĩ của mình.

BÀI LÀM

I. Vườn Bách-thảo, một ngày đông như hội Tôi cố chen chân vào đám đông để tiến gần bên rào song sắt, nơi giam hãm một con hồ to lớn đang nằm im lìm dưới ánh nắng hè gay gắt.

II Chao ôi ! Một con hồ to bằng con bò mộng đang nằm duỗi hai chân ra phía trước, mắt lìm đim không buồn để ý đến đám người đang chỉ trò xem mình như một trò lạ mắt. Nhìn kỹ, ta mới thấy nét phong trần hẳn sâu lên nét mặt. Có lẽ sống trong tù đày nên con hồ thềm khát tự-do và túi hờn chông chất theo năm tháng tạo cho nó một bộ mặt cằn-côi hung-bạo hơn lên.

Trong một dáng điệu uê-oải, con hồ ngáp dài vươn thẳng hai chân ra phía trước làm căn lớp da dày lỗ-đỗ những lông tơ vàng óng-ả như nhung. Coa hồ đã già lắm ! Bộ lông dài mượt phủ lên mình nó một cách không đều đặn, nơi bằng-phẳng, nơi sần sùi và trắng bệch một lớp ghê lở lâu ngày vừa mới lành. Những vằn đen đậm như mực tàu xếp một cách rất mỹ-thuật trên một thân hình to lớn chắc-nịch. Chiếc đầu khá to trang bị hai chòm râu mép trắng như cước đâm thẳng ngang hai bên mép làm tăng thêm nét hung tàn của một gương mặt hình tam-giác, lúc nào cũng để lộ hai hàm răng bén nhọn như gươm và cặp mắt sáng như sao băng điểm thêm hai đồng tử đen huyền trong suốt tường chừng như có thể soi thủng cả đến những màn đêm dày đặc. Chiếc mũi đỏ nằm dọc phun ra những hơi thở khè khè tanh hôi khó chịu. Những lần đen viền quanh chiếc miệng đầy nước dài chảy lòng thòng. Thịnh-thoảng nó lại lè lưỡi liếm quanh mép. .

Con hồ bỗng đứng dậy găm giữ... Toàn thân rung-động theo nhịp bước chân đi. Những vằn đen nhấp nhô như những đợt sóng nhẹ-nhàng. Con hồ ném những tia nhìn uất-hận vào đám người ngạo-mạn đang xem mình như một trò lạ mắt... Nó đi đi, lại lại trong chuồng chừng như để tìm một lối thoát thân. Nhưng nó đã lầm ! Bốn bức rào sắt kiên cố khép chặt cả rồi. Hồi lâu nó lại chun tuốt vào chiếc hang giả tạo, thu hình lại không buồn nhìn đến đám người vây quanh nữa.

Có lẽ giờ đây nó đang nuối tiếc những ngày trong rừng thẳm, nơi mà mỗi cử động nhỏ của mình cũng đủ rung chuyển cả núi rừng. Nó hồi tưởng lại cái quá khứ oai hùng hồng hách ngự trị cả rừng thiêng — cái thời tự-do tung hoành trong cái giang-sơn

độc nhất — sống với gió ngàn với lá reo, với những đêm trăng vàng bên bờ suối .. Trong những buổi bình minh rực-rỡ, hay những buổi chiều tàn-tạ, chúa sơn lâm thường-thức những bản trường ca rồi thích thú găm lên vang động cả khu rừng.

Nhưng hỡi ơi ! Hùm thiêng đã sa cơ. Giờ đây, thất bại nằm trong cũi sắt để nhìn năm tháng dần trôi và cuộc đời lạng lẽ đang đi sâu vào cõi chết, con hồ đã biết thân phận của mình nên hai mắt nhắm nghiền, dường như để sống lại cái quá khứ vàng son và cái thực tại phũ-phàng.

« Hỡi giang-san và rừng thẳm của ta ơi ». Tiếng gọi nung-nấu tâm hồn khao-khát tự-do vẫn là tiếng gọi muôn thuở của muôn loài.

Tôi bước đi trong một dòng ý nghĩ miên - man giữa con hồ và con người, giữa tự-do và tù đày.



3

ĐỀ BÀI : Trò có dịp về quê dạo chơi. Hãy tả lại hình ảnh một con bò đang gặm cỏ trên cánh đồng xanh.

BÀI LÀM

I. Đồng quê sau mùa gặt, một lớp cỏ xanh non biếc phủ thẳng tắp đến chân trời, in hình một con bò vàng đang cúi đầu gặm cỏ.

II. Con bò tơ mập tròn căng thẳng, lông vàng mượt như nhung. Dáng thon-dong thanh-nhã chứ không nặng-nề chậm-chạp như những con trâu đen mốc đang nhai cỏ tận đàng xa...

Lớp lông vàng thẫm đều đặn mịn-màng đủ nói lên tuổi tác con bò đang sức sống. Chiếc đầu cúi xuống, hai hàm răng to lớn lía nhanh « rào rào » làm đứt ngọt ngào tẩm thắm cỏ xanh. Hai chiếc sừng bé bỏng nhú lên khỏi đầu như những chồi non vừa nức ra khỏi lòng cây mẹ. Chốc chốc nó lại ngẩng đầu lên nhìn băng quơ,

miệng vẫn nhai đều, nước bọt pha lẫn cỏ xanh chảy dài quanh mép. Con bò trông vô tư-lự. Đôi mắt to, tròn đầy, lồi hẳn ra ngoài không có vẻ gì tinh-anh lanh-lợi như chó hay mèo.

Chiếc thân thon-thon, vàng mượt trang điểm thêm một chiếc đuôi dài thông thả phe phẩy đuổi ruồi. Nó, như bị thu hút bởi đám cỏ non nên không đi đâu xa. Mồm gặm cỏ sồn-sột. Chân bước từng bước thông-thả. Ăn no nê nó tìm đến một con lạch thè lưỡi uống nước ừng-ực. Hơi thở phì-phào. Rồi nó lại bước đi khoan-thai đến dưới bóng mát của một cây trâm bầu nằm nghỉ. Miệng bắt đầu nhồi lại những thức ăn khi nãy. Hai hàm răng nghiền sồn-sột. Nước dãi màu xanh nhờn nhợt leo quanh mép, nhiều lòng-thông xuống đất. Đôi mắt lim dim lơ đãng nhìn về phía trước rồi bỗng nhiên cất tiếng rống lên một cách vô-nghĩa. Ruồi, muỗi bu quanh khiến cho chiếc đuôi thỉnh-thoảng lại quất ngược về phía lưng để xua đuổi. Đôi khi, hoạt-động của chiếc đuôi không đủ sức bảo-vệ trước sức tấn công đông đảo của đàn muỗi đói, nó lại phải rung mạnh da bụng hoặc lưng, đàn ruồi, muỗi, mất thăng bằng bay đi chỗ khác.

Nó tiếp tục nhồi đều, đôi mắt lim dim đánh một giấc ngon lành. Hình ảnh một con bò vàng trên cánh đồng cỏ xanh mơn-mơn là một bức tranh linh-động, đơn-sơ đượm màu sắc quê-hương miền Đông-nai đất ngọt sông hiền gây cho tôi một cảm giác băng-khuâng thú-vị, và một cảm tình chứa chan với quê-hương đất nước.



4

ĐỀ BÀI : Trò thử tả một con chó trong nhà.
Hãy nói thói xấu và tánh tốt của nó.

BÀI LÀM

I. Con « Vện » nhà tôi sao mà nó lười biếng lạ lùng ! Ít khi nào nó chịu khó rình bắt chuột bọ hay đề ý đến những kẻ gian phi như những con chó láng-giềng. Ăn rồi nó lại tìm chỗ ấm nằm ã ra đấy suốt ngày.

II. Cho nên cả nhà đều gọi nó là Vện lười đề cho nó xấu hổ ! Tuy mang tật lười nhưng có bộ mã rất « bảnh trai ». Thân hình cân đối nờ-nang. Không cao lớn như loài chó Tây cũng không lùn tịt như chó Nhật-Bản. « Vện lười », dáng trung trung, chắc nịch, ngực nở khá đều về phía trước và thon nhỏ phía sau. Bốn chân trang bị bằng những móng vuốt cong và bén nhọn, tưởng như có thể vó xé kẻ gian hay chuột bọ phá phách nhà cửa. Thật ra, bộ móng của chàng Vện chỉ dùng để bơi đất làm tổ ấm hay đề ngoại xé mấy màu xương gà vứt bỏ sau bữa ăn. Chiếc đầu nhỏ lắc lư đưa chiếc mõm nhọn nhe răng cười trắng xóa. Vai sợi râu mép lún phún mọc quanh làm tăng thêm nét « hào hoa » của anh chàng « Vện ». Tai vểnh lên cao trông rất phong-nhã. Nhất là cặp mắt cặp mắt sắc và sáng long lanh thêm vào sắc lông vàng vắn vện màu đen thoạt trông vào tưởng chừng như nó hung tợn lắm. Đặc biệt là con chó tôi cụt đuôi, thuờ còn bé, nó rần mắt thế nào mà bị lũ trẻ hàng xóm chặt mất cái đuôi. Bây giờ phía sau chỉ lù xù những lông vàng, không thành đuôi trông rất buồn cười !

Tuy mang bệnh lười biếng, con Vện nhà tôi rất được cảm tình với người trong nhà và cả với hàng xóm nữa. Bởi tính tình nó trung hậu, hiền hòa, biết vâng lời chủ và nhất là không bao giờ ăn vụng. Trưa nay, tôi đi học về, nó quấn-quít bên tôi. Chiếc đuôi cụt rung-rung ve vầy, mõm kêu ăng ăng. Tôi vuốt ve, triu mến nhìn ánh mắt lim dim ra chiều sung-sướng của nó mà thấy vui vui trong lòng !

Nó không ưa chuột, lại ghét mèo. Nhưng ít khi nó chịu bắt chuột hay gậy gỗ với mèo. Dù vậy, lũ chuột cũng phải kiên oai nó. Mỗi lần nó kiểm-soát là chúng im bất đến một tuần sau mới dám ló ra đi kiếm ăn, phá phách. Vì tính tình dễ-dãi, nên ăn uống rất thanh-đạm. Nhà tôi nghèo, thịt bò thịt heo còn không đủ nuôi chủ có đâu đến nó. Nó chỉ hưởng được chút cơm thừa canh cặn hay ăn với heo gà mà thôi ! Dù vậy, nó vẫn « lịch-sự » ăn uống ngon lành và tỏ ra luôn luôn trung-thành với chủ.

Tôi nghĩ loài chó còn có dạ trung-thành, trước sau như một, còn loài người vốn tự hào là khôn ngoan, đạo-đức nhưng đôi khi lại không bằng loài chó : Học lịch-sử Việt-Nam, tôi đã thấy rõ được điều đó.



Những tài-liệu đọc thêm

1.— CON VÀNH-KHUYÊN

Đề tới mắt hàng chữ lớn « Có bão ở Vịnh Bắc-Kỳ », thốt nhiên, tôi nhìn ra cảnh mưa phùn, gió bắc. Lá rơi đập vào cánh cửa kính đóng, tiếng kêu tí-tách ; và tôi tìm hiểu vì đâu những chuỗi ngày bình-tĩnh lại bỗng xảy ra một ngày mưa gió như kia ! Há chẳng phải trận bão rớt đó chăng ?

Rồi tôi nghĩ tới những người bị nạn, khổ-sở, những cảnh nhà đổ trước mắt tưởng-tượng của tôi, rõ-ràng, hoạt-động.

Bên ngoài gió thổi vù vù, màn mưa thướt-tha che mờ cửa kính. Lá vàng bay tựa những chiếc thuyền trôi giạt trên làn sóng thẳm.

Trong lò, lửa than âm-i...

Bỗng thấy tiếng chirp-chirp nho-nhỏ dưới chân ghế, tôi cúi nhìn xuống : Một con chim non ướt lướt-thướt đương xù lông, run lập-cập.

Trong lúc mơ-màng thương-xót những kẻ bị khốn trong cơn giông-tố ở chốn xa-xã, lòng trắc-ân của tôi tưởng-tượng con chim ra một người thoát nạn vào đây ăn núp.

Tôi rón-rén đưa tay bắt, con chim chỉ chiêm-chiếp kêu mà không bay không nhẩy.

Có lẽ nó sợ hãi quá, có lẽ ban nãy một cơn gió mạnh đã phá tan ổ nó, và nó đã rơi xuống cùng với cái nệm êm-ấm của mẹ nó đã làm.

Nằm trong lòng bàn tay tôi, con chim vành-khuyên — vì kẻ bị nạn là một con chim vành-khuyên — vẫn run lay-bầy, vẫn kêu chiêm-chiếp. Lương-tâm tôi thì-thăm bảo tôi rằng tiếng kêu ấy là tiếng cảm ơn của con vật ngây-thơ.

Tôi lấy tờ báo gấp lại dùng làm cái mền, xúc ít tro ấm trong lò, rồi tôi đặt kẻ chịu ơn tôi nằm lên trên. Bây giờ con chim được sưởi đã hoàn hồn ; nó không chịu nằm yên một chỗ, vừa kêu vừa nhẩy dưới găm bàn, găm ghế.

Vì nhĩ có rêu, tôi sợ con chim xinh-xắn kia gặp nạn một lần thứ hai, tôi liền đứng dậy sẵn nó khắp trong phòng, bất kỳ được mới nghe. Tôi chỉ muốn nó được sống, được thoát nạn, dầu nó tưởng nhầm rằng tôi dữ-tợn đuổi bắt nó, tôi há cần chi? Thi một điều thiện với ai, ta có e gì kẻ kia không ưa, không muốn?

KHÁI-HƯNG

(Đọc đường gió bụi)

2.— CHIM THI

Chim bay thi, ngực phải nở, cánh phải to, chân phải nhỏ và cõ phải thon. Những con chim ngắn cổ, chân to chỉ ăn hại thóc chứ bay cả đời lạc đàn đề rớt lại sau.

Ông đồ đến nhà ông hai Lự. May quá, mấy đôi chim non chưa có ai mua nên ông tha-hồ chọn, ông chán ghét những con chim khoang cánh, nhất là những chim trắng. Thả chúng nó lên đàn chim mất cả vẻ tròn, vẻ đẹp. Trái lại ông rất ưa những con chim có mấy cái lông nâu ở cõ, những con chim ấy bay khoẻ và chúng nó rất khéo biết dẫn đường cho những con chim khác bay theo. Đàn chim bay bằng chưa phải là đàn chim hay, tuy rằng chim đã bay thi ắt phải lên tới giáp tầng mây : nhưng chim lên cao mà bay không gọn đàn như vòng nguyệt thì cũng khó lòng ăn giải. Bay được như vậy là nhờ ở mấy con chim hướng-dẫn, chúng nó chặn trước đưa sau, khiến cho những con chim khác muốn bay nhanh hơn hay chặn lại cũng không được. Chúng nó lại khéo tránh những đàn chim khác không bao giờ nhập với một đàn nào.

Nuôi chim thi rất công-trình. Thóc phải cho chúng ăn vừa phải, chim béo quá không chắc là chim hay, chim gầy quá sẽ không đủ sức bay bằng. Một đàn chim thi chỉ có mười con, nhưng cần chọn lựa trong năm bảy chục con-mới đủ.

Bởi thế cho nên ông Đồ Kế tuy đã có đến hai ba chục chim bay được mà ông vẫn còn tìm thêm cho được một đàn chim bay hoàn-toàn. Ông chọn trong đàn chim của ông hai Lự được năm con chim non, rất đẹp : ngực nở, cánh to, chân nhỏ, cõ thon. Hơn nữa lại có hai con chim có đốm nâu ở cõ : Một đôi chim này rất tinh. Chúng sẽ là những con chim bắt đầu rất đặc-lực.

TOAN - ÁNH

(Phong - lưu đồng ruộng)

3.— CON ĐẾ MÈN

Đế có nhiều loại, nhưng người ta chỉ chọn giống đế mình thuôn cánh hoa, tiếng gáy to và biết chọi nhau, đế ấy gọi là « đế mèn » ... Nó bé mình hơn con đế tác-tầu người Khách dùng ngâm rượu ; nó lớn hơn loài đế núi, sắc đen và chỉ biết đem tiếng gáy mua vui cho lũ kiến ; nó lại ngắn hơn những con đế trũi chỉ biết đùn đất trong hang.

Cậu tư Kinh, anh hai Cương, bác ba Lộc và một vài người khác sẵn tiền lại thuê những đứa trẻ con hoặc lực-điền đi bắt đế cho họ.

Được một con đế là họ cho nó thử sức ngay. Họ cho nó chọi với những con đế dờ, nghĩa là những con đế đã thua một vài lần. Con đế mới chọi được con đế dờ, nó càng hăng-hái. Người chủ đế muốn cho con đế dờ đã thua lại chọi phải làm cách cho nó say đi. Họ lấy tóc buộc vào cẳng nó rồi xoay tít mạnh một lúc. Như vậy khi thả xuống, con đế thua lại hăng hái xông vào con được mà chọi. Nó vẫn thua, họ lại cho nó liên tay này sang tay khác nhiều lượt rồi thả xuống tức là nó lại lạng máu.

4.— HAI CON CHÓ

I. Hai con chó nhà tôi chỉ có một việc học đầu ăn no kên, đi lục-lặc cái bụng phình chắc nịch, chịu cả sống lưng xuống và đùa giỡn suốt cả ngày.

II. Chó nhỏ vui-chơi chẳng khác gì trẻ nhỏ

Hốc đấy, nõ đấy, lại cũng ngủ ngay đấy. Con đực thật hệt một đứa trẻ búng-bình và anh-lùng rơm. Nó hay bắt-nạt con chó con. Nó vật cõ con kia ra, cắn một miếng chơi vào bụng rồi chuồn mất đề con bé nằm chổng bốn vó lêu kêu ăng-ăng. Nó lại cọt với cái chồi dựng ở đầu hè. Nó lấy chân khêu-khêu, làm như cái chồi là bạ tri-ký của nó. Nó nhá chồi và nhá quai guốc của trẻ con bỏ quên ở ngoài sân, nghe cõn cọt. Chán, nó lại chạy ra ngoài sân sau dọa dẫm lũ gà và ngỗng làm cho bác gà trống vừa phải nháy hậu, vừa nhón-nhác kêu quéc-quéc rộn-rã. Ông ngỗng thì gan hơn. Ông thò vươn cái cõ, khàn-khàn trong cuống họng. Ông sử cạp mỏ dài và rắn, bõ độp một chùy vào sọ con chó như một người mẹ độc-ác lấy tay cốc xuống đỉnh đầu đứa bé. Con chó nhai-nhép vừa chạy vừa la om-sòm.

Hễ có một khách lạ vào nhà, cả hai con chó cùng xõ ra sủa om-sòm. Nhưng người ta đi tiến lên thì chúng lùi sâu. Sau hết cả hai nồm cùng lẩn vào gầm phần để giữ thế-thú với nhau và sủa hóng ra.

TÔ-HOÀI (Ồ chuột)

5.— NHỮNG CON HƯƠNG

I. Những con hương lông vàng diềm trắng ngây-thơ mà nhanh-nhẹn, đáng yêu biết bao! Chúng nằm ngả-nghiêng trên cỏ xanh chơi với nắng. Chúng đứng dưới bóng cây nghech mắt lên nhìn đàn chim sẽ nhảy trên cành. Trời mưa chúng tập-hợp cả trong chuồng, cái chuồng xinh-xinh như cái nhà hóng mát trong đó chất đầy cỏ tươi.

Bầy hương ngoài-ngoài sống trên mảnh đất trên có trời, có cả gió trăng, chúng không hề lỏng-lộn lên làm xô-lệch bờ rào, làm đứt một lỗ mắt thép mỏng-mảnh. Chúng yên-ôn lắm, cũng như những ác-thú mà người ta khiếp-sợ ở rừng và xem thường chúng ở đây.

II. Những con ác-thú được mang danh thế, chứ chúng có hại ai đâu. Chúng làm mèo cho trẻ con đùa, làm chó cho người lớn suýt và làm bạn thân với lão Năm. Lão Năm yêu chúng bằng tất cả tình-yêu dành-dụm tiềm-tàng trong lòng lão

NGỌC - GIAO

6.— HAI CON NGỔNG

Buổi chiều, hai con ngổng đứng ngo-ngằn trong sân một lát, rồi từ từ đủng đỉnh đi lên chuồng. Bóng tối xụp xuống mau lẹ. Những tiếng gà xáo-xác một lúc rồi im hẳn. Đêm đã về Ông trăng to như cái mặt nhô lên trên đầu ngọn tre, sáng vàng vạc.

Đêm ấy, trời sáng trăng như ban ngày. Bóng cây in tỏ tường trên sân. Trong những bãi cỏ ngoài bờ ao, đom-đóm và sâu đất lập-loè ánh sáng yếu ớt. Trời cao thăm thẳm, trong vắt không một gợn mây. Vầng trăng vành vạnh dịu dàng. Trăng sáng đầy sân. Trăng sáng cả chung quanh chuồng ngổng. Hai con ngổng không ngủ được, đứng chong chong nhìn ra ánh trăng. Ngoài sân đẹp thực. Những lá cây ướt loáng ánh trăng bóng mờ. Những cánh hoa

hồng lá-loại cười cợt. Giá lúc này mà được thủng-thình đi chơi lơ-mơ thì thú lắm. Sung sướng thay những thi-giờ nhàn hạ được đi thông-thả dưới ánh trăng diu-dàng. Chú ngổng em cũng muốn được sung sướng như thế lắm...

Nó bèn lầy mò tìm cách lách rộng một cái nan chuồng. Biết là không bảo được đứa em ngỗ-nghịch, ngổng anh chỉ há mỏ thờ dài. Chẳng mấy lúc, cái chuồng đã xé lớn một nan. Ngổng có thể chui ra chui vào một cách dễ dàng.

Rồi ngổng em vụt ra ngoài sân. Trong bóng trăng, ngổng ta thủng-thình bước lẩn lộn trong ánh hoa lá lao-xao. Thích lắm. Nhưng ngổng anh không thể thích như ngổng em. Nó chỉ đứng thờ dài và lo lắng nhìn theo bóng con ngổng bướng-bỉnh đã khuất về phía bờ ao.

Rồi một lúc thực lâu. Bảy giờ đáng chừng vào khoảng quá nửa đêm. Sự lo lắng trong lòng ngổng anh càng tăng lên. Thi lù lù ngổng em đâu đủng-đỉnh dẫn xác về. Nó chui vào chuồng và làm nhảm.

Trăng đã xế và bảy giờ mảnh sân đã tối mò. Ngổng còn nói liên - miên bao nhiêu chuyện vui trong đêm trăng mãi. Anh rõ không nói gì. Chú em lại càng ra vẻ dương dương tự đắc, ra vẻ ta đây lắm. Và chao ôi, trong đầu cái đứa em bậy bạ đó đã nhuốm một chút ý tưởng khinh khi người anh là tay xoàng.

Đêm hôm sau, lại sáng trăng vàng vạc. Ngổng em lại đi chơi. Nó rủ anh nó. Nhưng anh nó không đi. Và anh nó cũng lại gàn nó. Lần này nó chẳng đáp anh nó nửa câu, cứ lù-lũi ra ngoài. Nó đã khinh anh là xoàng rồi mà!

Thế rồi nửa đêm hôm ấy, nó lại ung-dung về chuồng, khi trăng đã lặn. Chẳng việc gì cả. Chẳng cây cáo nào bắt nó

Đêm sau, sáng trăng như thường Ngổng lại đi ra sân chơi. Trong khi anh nó ở nhà lo đứng lo ngồi. Ngổng đã đi khuất bóng. Ngoài sân, ánh trăng giải lạnh-lùng. Bỗng nghe « quét » một tiếng kinh rợn. Rồi liền mấy tiếng nữa như tiếng kêu cứu ở đằng phía bờ ao. Tiếp liền mấy tiếng lạt sạt. Thế rồi im lặng. Anh trăng giải lạnh-lùng.

Nửa đêm, rồi đến tận sáng, không thấy ngổng về. Sáng hôm sau, ngổng anh ra sân, thấy có mấy tấm lông măng và lưạ-thưa

mấy giọt máu đỏ chạy suốt về phía bờ ao, liền bên vết chân cáo lỗ-chỗ. Ngỗng anh yên lặng đứng. Bỗng nó kêu lên mấy tiếng :

— Kiu ! kiu !

Không biết là tiếng khóc hay tiếng thở dài. Từ đấy ngỗng mất một đứa em búồng-bình.

TÔ - HOÀI



I. — TÁC-GIẢ :

Tô-Hoài — người làng Nghĩa-đò (gần Hà-nội) — là một nhà văn chuyên viết những chuyện đồng quê và sở trường về miêu tả loài vật.

Đã xuất bản : *Ồ chuột*, *Xóm giếng ngày xưa*, *Quê ngoài*, *Truyện loài vật v. v...*

II. — XUẤT XỨ VÀ ĐẠI Ý :

Bài văn này, trích ở truyện « Hai con ngỗng » trong tập **Truyện loài vật**, tả một con ngỗng búồng - bình không nghe lời anh, đêm không chịu ở trong chuồng cứ thoát ra ngoài đi chơi, rốt cuộc bị cáo bắt, để lại ngỗng anh lê-loi đau khổ một mình.



TẢ CẢNH

Thề văn tả cảnh rất cần thiết vì nó gần-gũi với đời sống ta hơn. Để dễ nhận xét, nên chia xếp làm ba loại, theo thứ tự từ dễ đến khó, đơn giản đến phức tạp :

1. Tả cảnh-trí.
2. Tả hiện-tượng thiên-nhiên.
3. Tả hoạt cảnh (phối hợp người và vật, giữa vật và vật v.v..)

I. Tả cảnh-trí : (cảnh tượng).

Thường là tả hoa lá, cây trái, núi non, đồng nội, sông rạch v.v... Người tả đứng ở một điểm, rồi phóng tầm mắt quan-sát đối-tượng miêu-tả với những phụ thuộc liên hệ đến nó, khi quan-sát, ta ghi nhận :

- a. Những gì mắt thấy được (thị giác) ở bối cảnh (tổng-quát) ở cảnh gần, cảnh thật gần mình.
- b. Những điều tai nghe : âm thanh làm cho cảnh thiên-nhiên mang sắc thái độc đáo, linh động.
- c. Những gì mũi ngửi hay có thể lượi ném.

II. Tả hoạt cảnh :

Tả hoạt cảnh là miêu-tả cảnh trí phối hợp hoạt-động giữa người và vật, vật với vật hoặc người với người.

Nên chú ý đến :

- a. Hoạt cảnh chính.
- b. Hoạt cảnh phụ.

III. Tả hiện-tượng thiên nhiên :

Sự biến chuyển thời tiết : gió mưa, giông bão, sự đổi thay thời gian : bình-minh, hoàng hôn, v. v... đều là những hiện tượng thiên-nhiên, cho nên khi tả ta phải theo những giai đoạn căn bản của hiện tượng :

- a. Lúc phát khởi (những dấu hiệu báo trước).
- b. Lúc cực thịnh.
- c. Lúc suy tàn.
- d. Những lợi ích hay tai hại của hiện-tượng.

Phải quan-sát đúng cách, giác quan và cảm nhận phải luyện tập, những từ-ngữ và cách diễn tả phải được hướng dẫn, phải đọc nhiều sách. Đó là những điều tối cần cho một bài văn tả cảnh.



1

ĐỀ BÀI : Tả căn nhà trò đang ở và nói tất cả những cảm-tình của trò đối với nó.

BÀI LÀM

Nhà em chỉ là một căn nhà đơn-sơ, kiến-trúc theo lối đồng quê, nằm trên bờ một con sông quanh năm nước chảy đục ngầu.

Căn nhà một gian, một chái nằm chênh-hênh trên khoảng đất rộng. Xung quanh có tàn cây che mát-mẻ. Mái lá, cây vườn, tất cả vật-liệu kiến-trúc gồm toàn sản-phẩm đồng quê nên trông có vẻ tầm thường, lụp-xụp.

Lâu ngày, nắng mưa làm phai màu lá. Màu trắng bạc phếch lố-đổ trông xơ-xác nghèo nàn! Hàng cột gầy guột đứng chơi-vơi như cố chống chọi sức nặng của mái lá và sự gặm mòn của thời gian. Cái chái phía Đông dài xụp xuống, dùng để củi và đồ rông cụ. Nền đất nện nhẵn lâu ngày lồi lõm, nứt nẻ. Chuột bọ làm hang phía trong kẹt tủ. Bước vào nhà, không khí mát lạnh và mùi đất ẩm xông lên khó thở...

Bàn ghế sơ sài không có món gì đáng giá. Chiếc tủ bằng gỗ đầu xuống màu cũ-kỹ nhưng được dùng làm bàn thờ tổ tiên... Bộ lư đồng đen xạm khiếm-nhượng nằm giữa hai chân đèn bằng cây. Phía trong là một chiếc lư hương đầy ấp những tro và chun nhang lâu ngày chưa đốt. Bức ảnh phóng đại của ông nội tôi đặt vào cái giá cao đang uy-nghị nhìn xuống. Hai câu đối chữ nho mạ vàng treo hai bên bàn thờ không đọc được là chữ gì nhưng ba em thường quý trọng nó lắm. Người xem như là một vật gia bảo, một lời khuyên-nhủ của tổ-tiên.

Phía trước là một cái bàn con có bốn chiếc ghế vừa là bàn tiếp khách vừa là bàn viết. Một bộ ván gỗ bóng-láng nằm bên

phải. Đó là nơi mà mẹ tôi thường tiếp khách ăn trà và cũng là nơi nghỉ lưng của cha tôi sau những giờ làm lụng cực-nhọc.

Một tấm vách ngăn ngang sau bàn thờ. Phía trong dùng làm phòng ngủ, ăn thông xuống nhà bếp.

Đáy nhà em chỉ có bao nhiêu đó. Đơn-sơ và nghèo nàn nhưng mát-mẻ lắm. Quanh nhà, cây cối xanh-tươi. Một chiếc hồ nuôi cá khá rộng lành-bệnh những cánh bèo xanh. Nước trong vắt, sóng gợn lăn-tăn theo gió. Phía sau nhà có chuồng gà vịt, chuồng heo. Mẹ tôi không mấy khi rỗi-rảnh. Lúc nào cũng phải lo chạy ăn cho một đàn con sáu đứa và một đàn gà vịt, heo nỡ.

Trước nhà, một cây vú sữa tàn rậm-rạp che mát cả cái sân rộng, lúc nào cũng có nhiều hoa huệ, hoa cúc. Cây mai to, cành lá xum-xuê, năm nay hoa nở thật nhiều, hương thơm thoang-thoảng, cánh rụng lá-tả trải vàng cả lối đi.

Tôi đã sống trọn quãng đời thơ ấu bên mái lá nghèo nàn với những kỷ-niệm ấm êm mà không bao giờ có thể phai mờ trong ký-ức.

Tôi yêu những buổi chiều tắt nắng, nhìn khói lam tỏa nhẹ trên mái nhà thân-yêu mà lòng bỗng sinh ra một cảm-tình lai-láng.

Rồi tôi e sợ cái ngày phải xa lìa mái lá thân thuộc, hàng cây, bạn bè mà khăn gói ra tỉnh học. Ngày ấy đối với tôi chắc buồn lắm!



2

ĐỀ BÀI : Trò có dịp quan-sát một buổi cắt lúa (gặt lúa) ở đồng quê. Hãy tả quang cảnh ấy.

DÀN BÀI

- I. Nhập đề : Dịp nào và ở đâu trò có dịp quan-sát nhóm người gặt lúa.
- II. Thân bài : A. Lúc bắt đầu làm việc.
 - a. Thửa ruộng : vàng ối. Bông lúa sai hoẵng trĩu nặng. Toàn thể cánh đồng mang một vẻ linh-động, rộn ràng.

- b. *Thợ gặt* : Đâu đội nón lá, tay cầm lưỡi hái sáng ngời lia nhanh như bước đi của thần chết. Ngôn-ngữ, cử chỉ hợ.
- c. *Cọng lúa* : Màu sắc, hương thơm, trâu bò.
- B. *Lúc gặt xong* : Cảnh đồng trơ trụi, những gốc rạ mới. Đám người nhễ nhại mồ hôi, tụ tập dưới một góc cây mát rượi.

III. *Kết luận* : Buổi gặt đã tan. Thợ gặt nghỉ ngơi và ăn cơm trưa dưới một làn cây mát rượi.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

GẶT LÚA

Ánh nắng dịu-dàng mặt trời buổi sáng mùa gặt mon-trón cảnh vật bao-la của đồng quê.

Trong một thửa ruộng vàng ối, bảy cô gái quê đang lom-khom gặt từng lượm lúa vàng thơm phưng-phức. Đầu họ đội nón lá buồn màu trắng ngời. Họ khúc-khích cười và thỉnh-thoảng lại đứng ngay lưng nhìn quanh như sung-sướng. Lưỡi hái cắt vào cọng rạ tiếng nghe rèn-rẹt. Tiếng thân lúa cọ vào nhau rào-rào. Mùi thơm mát của lúa, mùi ngọt-ngọt của mấy trái chín trên cây ngang nhiên đứng sừng-sững ở bờ mậu, mùi nhạt-nhạt của nước ruộng làm họ như say-sưa với sự làm việc. Sau lưng bảy cô gái quê ấy, những bó lúa xấp thành hàng dài nằm trên gốc rạ. Hai người đàn ông lực-lưỡng, mình trần, quần vải, đầu vấn khăn đen, đang gò lưng buộc lúa thành bó để chiều nay trâu cộ về sân đập. Vài đứa trẻ quần phen, áo cộc mốc đang chằm rãi bước sau người gặt, lom-khom mót từng bông lúa đỏ. Trong ánh nắng phơn-phớt ban mai, tiếng chim riu-rít giành ăn trái chín cây hòa lẫn với tiếng động của một hạng người tận-tụy cho đồng-quê. Một luồng gió mát lượn qua. Mấy bông lúa nặng trĩu gợn theo chiều gió như những làn sóng uốn mình chạy trên mặt biển bao-la vàng.

Trời gần đứng bóng. Bọn gặt mồ-hôi nhễ-nhại. Họ lũ-lượm kéo nhau lên bờ mậu nghỉ mát và ăn cơm dưới gốc cây vòng hoa đỏ ối như máu tím bầm. Những con chim sáo-sậu cùng những con cường nhầy-nhót lẳng-xăng trên cành vòng trụi lá, nghe thấy tiếng người, vồn-vã kêu gọi nhau rối-rít đề cùng nhau một lượt tung cánh bay bổng. Xa xa trên các chòm tre màu vàng nhạt rung-rinh với gió xuân êm dịu, tiếng con cu-cu êm-đềm vọng lại. Trong thửa ruộng bên cạnh, tiếng cười nói bông-đùa, trộn lẫn với tiếng cọt-

kết của vài chiếc xe trâu chậm-chạp đang xê-dịch đôi bánh bằng cây tròn nặng. Gió từ chập gieo những cánh hoa vòng đỏ tím trên đầu bọn gặt đang vui-vẻ ăn cơm trưa.

NGUYỄN - DUY
(Sống gợn đồng quê)



3

ĐỀ BÀI : Hãy tả một đám ma.

BÀI LÀM

I. Sáng nay, đám ma chị Cao cử hành một cách lặng-lẽ. Trận mưa đầu mùa phủ lên cánh đồng một màu trắng đục. Trời nặng và thấp. Những đám mây tang u-ám che kín một góc trời...

II. Theo vết xe tang, chỉ có tôi, anh Cao, Mẹ, đứa con gái đầu lòng của chị và vài người quyến thuộc. Chiếc xe tang nặng-nề lăn bánh trong cái yên-lặng thê-thảm, nã-nê ! Chiếc áo-quan bằng gỗ dẫu đặt trên chiếc xe hàng cũ-kỹ. Mấy ngọn đèn cầy leo lét, lung-linh tỏa ra một thứ ánh sáng lờ-mờ héo-hắt ! Gió buốt lạnh lùng thổi tắt phụt hai ngọn nến trơ-vơ phía trước. Khói hương mờ-ảo quyến lấy chân dung người quá cố, chiếc xe khèn-khếch từng hồi rú lên vật-vả. Đám tang di chuyển một cách nặng nề chậm-chạp. Chúng tôi đi trong yên lặng ! Mẹ tôi sụt-sùi đôi mắt đỏ hoe, tiếng kè lè ni-non của con gái đầu lòng, vật-vã ôm lấy chiếc quan tài như muốn níu lại những giờ phút cuối cùng bên cạnh mẹ. Riêng anh Cao, mặt ồm xanh-xao, đôi mắt thụt sâu vì những đêm thức trắng. Anh lầm lũi bước đi bên cạnh tôi, thẳng em rề và một vài người trong thân-quyến. Đám ma vồn vện chỉ có sáu người tiễn biệt, nên chúng tôi càng thấy thảm-thía cho kiếp phù-sinh, ngắn-ngủi của con người.

Chiếc xe vẫn âm-thầm lăn bánh, Đau khổ lẫn u-sầu lôi kéo đồng tư-tưởng tôi trong một ý-nghĩa mệnh-mang...

Trời bàng-hoàng những mây đen u-ám ! Gió nghĩa-địa, đem cái khí lạnh rợn người từ bãi tha-ma thổi lồng lộng, khiến mấy ngọn đèn cầy chao chao rồi tắt ngúm !

Màu trắng bệch lạnh-lùng của những tấn mộ bia xiêu vẹo, gây cho nghĩa địa một cảnh tượng hoang-tàn, tang tóc. Phía xa xa, hàng cây khằng-khịu in bóng lên nền trời xám xịt.

Chiếc xe đồ xuống trên con đường đất đỏ lầy lội : Mấy người phu mộ túc trực chờ sẵn, l-ạch khiêng chiếc áo quan vào. Họ thân nhiên đào huyệt. Tiếng cuốc khô khan, xấn mạnh xuống lòng đất như những nhát dao đâm. Tâm hồn những người ở lại bị xé nát vì những nhát cuốc mà chính nó lát nữa đây sẽ vùi sâu xác chị tôi vào lòng đất, chôn lấp một cuộc đời.

Kiếp người ngán người. Sống cạnh tranh hơn thua nhau đến rồi khi hắt hơi thở cuối cùng hai bàn tay trắng nắm lại, mảnh xương khô tan vào cát bụi. Tôi oà lên khóc. Mẹ tôi và đứa con gái đầu lòng ni-non kẻ lẽ. Những nắm đất phủ dần chiếc áo quan, thôi vĩnh-biệt ! Tôi nhìn lần cuối, cố ghi sâu một hình ảnh, để rồi không bao giờ còn gặp lại nữa.

Một ngôi mộ thành hình trong tiếng khóc vật vã của cháu gái tôi. Đất còn ướt, lỗ-đổ những nơi lồi lõm. Anh rề tôi ngồi như pho tượng, yên lặng nhìn khói hương mờ tỏa.

Thế là hết ! Chị tôi đã vĩnh-biệt cuộc đời, nằm yên-nghỉ vĩnh-viễn trong lòng đất. Chị ra đi êm-ả, nhưng để lại một đàn con thơ sáu đứa và một niềm khổ-đau cho người còn ở lại.

Tôi lững thững ra về. Chiều xuống trên nghĩa-địa thật buồn ! Nhìn ngôi mộ lần cuối cùng, nơi yên nghỉ vĩnh-viễn, của một người thân yêu, chúng tôi ra về trong yên lặng trừ đứa cháu gái tôi vẫn còn ngồi đó.

Mấy chiếc lá vàng xơ-xác lả-tà buông rơi. Tôi nghĩ đến cái cô đơn lạnh-lẽo của chị tôi dưới lòng đất, trong những ngày xa cách ánh mặt trời. Chị ơi ! Buồn quá !



ĐỀ BÀI : Hôm nay, trò dự thi vào lớp Đệ-Thất Trung học. Hãy tả quang-cảnh học-sinh trước giờ vào thi và nói cảm-tưởng của trò.

DÀN BÀI

- I. **Nhập đề :** Quang-cảnh chung toàn thể học-sinh và phụ-huynh đang đứng trước cửa trường.
- II. **Thân bài :** Nhìn tổng-quát : Đông hay thưa, màu sắc áo quần, tiếng cười, nói, xe cộ, tiếng rao hàng, tiếng còi cảnh-sát, tiếng còi ô-tô v. v. . . .
 — *Nhìn chi tiết :* Cử-chỉ một vài em lo âu hay vui-vẻ, vô tư.
 — *Vài cử chỉ vô ý :* đồ mực, làm rách áo quần, té ngã.
 — *Vài trường hợp đặc biệt :* Quên thẻ học-sinh quày trở về, đến trễ nét mặt hơi hải, sợ sệt v.v. . . .
 — *Ciò vào thi :* Chuông reo, học-sinh như một làn sóng lũ-lược kéo vào trường.
- III. **Kết luận :** Quang-cảnh trở lại im lặng. Cổng trường khép kín, trang-nghiêm lạnh-lùng. Vài phụ-huynh lóng-ngóng ngoài cửa, hồi hộp lo sợ cho con em.

BÀI LÀM

I. Sáng nay, tôi thức dậy thật sớm. Chuẩn-bị cẩn-thận mọi đồ-dùng cần-thiết, tôi lên đường ra tỉnh dự thi vào lớp Đệ-Thất Trung-Học.

II. Mặt trời hé mọc tự phương Đông. Sương mai còn đọng trên cành long-lanh như những hạt ngọc. Cỏ cây bừng tỉnh, sau một đêm dài ngon giấc. Tôi bước đi, lòng óm-ấp một niềm tin vững-mạnh vào kỳ thi Đệ-Thất này. Cổng trường Trung-Học tỉnh hiện ra trước mặt, huy-hoàng trong bộ áo mới phết vôi trắng toát. Học-sinh tụ họp đông-đảo. Kẻ ngồi người đứng, cười nói như ong vỡ tổ. Tiếng xe cộ, xen lẫn với tiếng rao hàng, tiếng còi ô-tô, tiếng chuông xe đạp, tạo thành một âm-thanh hỗn-độn.

Những bộ mặt thơ-ngây thập-thò nhìn những đồng bạn ranh-mành nô-đùa rượt đuổi nhau thỉnh thỉnh. Phía bên kia đường, một nhóm ăn mặc có vẻ quê mùa nhưng sạch-sẽ, nét lo âu pha một chút sợ-sệt hiện rõ lên nét mặt. Vài phụ-huynh nắm chặt lấy tay con, chốc-chốc cúi đầu xuống dạn dò đôi câu.

Đàng kia, một nhóm nữ-sinh quần áo mới dáng e-lệ khiêm-nhường, tay nắm chặt lấy khăn tay đang thì thầm bàn tán.

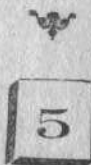
Học-sinh đến càng lúc càng đông. Cảnh tượng càng trở nên ồn-ào. Trên nét mặt âu lo, hồi hộp hay tươi cười thân nhiên của các thí sinh, người ta vẫn đọc được điều ước mong thầm kín : Thi đỗ vào lớp Đệ-Thất.

Một học-sinh trai mặt tái mét hơi hải chạy nhanh về nhà vì đã trượt lỡ quên mang theo thẻ thí siun. Một trò khác, mực đồ đầy áo, khóc sụt-mướt, mặt mũi chèm nhẹp nước mắt.

Gần đến giờ thi, một chiếc xe bóng loáng lướt qua đám học-sinh, rồi từ từ tiến vào cổng trường. Một người ăn mặc chỉnh-tề, cà-vạt đen, kính trắng. Có lẽ là chánh chủ khảo.

Còn năm phút nữa bắt đầu giờ thi. Tôi hồi hộp lạ thường. Bài vở thuộc lâu, thế mà tôi vẫn lo âu, sợ-sệt, cái lo sợ pha lẫn một chút hy-vọng, đang ám ảnh tôi. Chuông reo một hồi vang dội. Cánh cổng to lớn từ từ mở toang. Tôi theo lớp sóng cuộn-cuộn chảy vào. Nhìn sơ đồ tìm số phòng, tôi thông thả đến đó.

Chuông reo ba hồi dài vang động, báo hiệu giờ thi bắt đầu. Không khí trở nên trang-nghiêm trầm lặng. Tất cả thí sinh đều đem sở học của mình ra thi thố.



5

ĐỀ BÀI : Em tiễn chân một người anh lên đường thi hành quân-dịch, hãy tả lại quang cảnh ấy.

DÀN BÀI

- I. **Nhập đề :** Thời-gian và cơ hội tiễn đưa.
- II. **Thân bài :** —*Quang-cảnh lúc trình-diện :* Đông hay lễ-tề ? Y-phục, hành-trang của mỗi người. Nét mặt, dáng điệu, cách đi đứng của những thanh-niên đi trình-diện.
Thái độ cử chỉ, của người đi quân-dịch : Buồn vui, hăng-hái hay ủ-rũ, thẫn-thờ. Cử chỉ đối với quân-cảnh, đối với những người thân thuộc.
 — *Quang-cảnh lúc ra đi :* Xe chờ, biểu-ngữ, thanh-niên đứng trên xe, thân nhân ở dưới đất : Thái độ và cử chỉ của những người này. Tiếng hoan-hô, lời tiễn biệt vang lên.
 — *Tâm trạng người đi kẻ ở.*
- III. **Kết luận :** Kè ra đi quyết đem thân...
 ở Quốc-Gia, người ở lại cũng...
 ở trong gia-đình.

Tuy nhiên, vẫn không tránh khỏi một cơn xúc-động bùi-ngùi, tôi cảm hơn quân giặc, đã hơn hai mươi năm rồi không hề cho quê-hương thanh-bình, lòng đất nứt lên những mầm sống nuôi dưỡng cỏ cây.

Tôi thui thủi ra về với một niềm yêu thương người chiến-sĩ gổ đất năm sương nơi trận tuyến và mong ngày lớn lên, tôi cũng hãnh-diện đi làm cái nghĩa-vụ người trai thời loạn.



6

ĐỀ BÀI : Hãy tả làng quê trò đang ở.

BÀI LÀM

I. Ngõ thăm-thăm, xuyên vào ruột hai hàng tre.

II. Tre mọc liền sát khít góc, ở trên cành và lá giao nhau. Lối mòn đi giữa đôi bờ tre cũ. Bốn mùa lá tre bóng rợp che con đường đất mịn. Cùng sóng với con đường, ngõ tre dưới kia lượn một con sông xanh. Con sông bé bỏng đựng sóng bờ tre theo đường ngõ xóm, rồi vòng ngoèo sang phía khác, khuất dạng sau mấy bờ cỏ. Đến đàng kia, sông lại lộ hình. Mặt nước óng-áng giữa hai bờ rau muống. Nhưng đã đi xa rồi, con sông vui-vẻ nó đem nước nhơn vào những cánh đồng xa lạ khác, bỏ cái ngõ xóm đầy tre ngo-ngác đứng lại một bên bờ. Con đường xóm thì ngằn-ngờ bò vào trong ngõ, qua một vòng cổng gạch, phủ cỏ và rêu xanh ngun-ngút. Bên trong cổng, cây cối và chim-chóc vốn nhiều hơn người ở. Mái nhà thưa-thớt, rải-rác trong bóng cây. Khung trời xanh, ngàn cây xanh, bèo xanh-xanh nở trên ao; nhuộm cho cái xóm vắng vẻ một phong - cảnh hoang - dại rừng - rú. Văng-vẳng có tiếng dẹt cử lách-tách và tiếng trẻ con reo cười. Bóng người thấp-thoảng trong bóng mát vườn cây. Buổi chiều những cô con gái ra kéo nước ngoài giếng khơi trước cổng xóm dưới một gốc cây phượng, cái gáo mo rơi lạt sạt bên thành đá.

Nước lịch-tích rỉ xuống như tiếng khúc-khích của những người con gái kéo gáo giỡn nhau. Ngoài kia, qua một lớp vườn hoang là cánh đồng rộng bao-la. Trẻ con thả diều. Người lớn thông-thả dạo mát. Những nàng con gái nhơn-nho giải lụa bạch lát-phất trong gió hoàng-hôn.

Mùa thu lặng lẽ chìm sau cánh đồng lúa, cuộc đời êm đềm không một chút đổi thay như trong tranh vẽ.

TÔ - HOÀI
(Xóm giếng ngày xưa)

7

ĐỀ BÀI : Trò có dịp đi qua một làng nhỏ đổ nát vì chiến-tranh. Thử diễn-tả lại cảnh-tượng điêu tàn ấy, cho biết cảm-tưởng.

BÀI LÀM

Tôi từ bỏ quê-hương từ năm lên tám tuổi. Những kỷ-niệm ấu-thơ chưa toàn vẹn bỏ lại sau lưng cùng với lũy tre làng xạ đen bom đạn. Ngôi Thánh-đường nguy-nga, đồ-sộ với tháp chuông mang hình thánh - giá cao vòi-vọi biến thành gạch vụn. Tiếng chuông giáo đường tắc nghẹn bên cạnh những lời kính cầu nguyện trên cửa miệng của đoàn chiến mộ đạo. Những xác người nằm cháy đen co quắp khi quá nửa cuộc đời chưa tròn mộng, bàn tay còn bầm chấy mảnh đất mầu-mỡ quê-hương. Con đường cỏ non xanh mượt xuyên cánh đồng lúa vàng bát-ngát loang-loáng màu đỏ. Ngôi đình làng đôi cộp đá gục-đầu khóc cảnh hoang-tàn. Mái chùa làng, đạn trái phá nổ tung làm sập điện chính. Vị sư già trụ trì với gần cả cuộc đời, thành-tâm tu-niệm gục chết bên bàn thờ Phật, bàn tay còn giữ chặt chiếc mõ, dòng máu đỏ chảy tràn trên bệ thờ...

Tôi theo gia-đình cùng với những người dân làng sống sót, ngậm-ngùi giã từ kỷ-niệm, lòng nao-nao nuôi tiếc cùng những cảm thù dân-vật tâm hồn. Con đường ra đi lỗ-đổ, nứt nẻ bởi những trái mìn, trái bom cày xới. Từ xa, những đôn binh Pháp ngạo-nghe, lá cờ ba màu reo vui trong cảnh chết chóc hoang tàn của quê-hương tôi.

Phía trước mặt lời ca chống Pháp vang-vang cương-quyết với lòng hăng say thúc-giục. Toàn dân lao mình vào cuộc chiến-đấu chung. Sau lưng, làng tôi đó, từng cụm khói đen bốc lên cao ngút trời đầy oán thù căm hận !

THƯƠNG - THƯƠNG

8

ĐỀ BÀI : Trò có dịp đi qua một vùng, cách đây hơn tháng, có trận đánh lớn xảy ra... Hãy tả lại quang cảnh hai bên vệ đường và trò cảm nghĩ gì ?

BÀI LÀM

Chiếc xe hàng cũ-kỹ. Động-cơ phì-phà như một hơi thở hỗn-hên đứt quãng. Đầu máy khét lẹt. Gió bắc trùng-trùng thổi qua cánh đồng mênh-mông trần trụi không chướng-ngại quật đập bóng rạt, thái dương nhức-nối. Vinh vật-vã theo đà xe khắp-khênh, có cảm-tưởng như chàng đau ngất-ngự choáng váng trên một con tàu say.

Bụi đường từng đợt cuộn-cuộn bốc lên qua những khe hở dưới chỗ ngồi. Khoang xe mù-mịt như ban ngày. Bụi bám bết vào mái tóc, lọt vào cổ họng vướng tắc. Vinh bật ho mấy tiếng sặc-sụa, Vinh nhăn mặt nhở mạnh. Bãi nước miếng lẫn bụi cát lạo sạo đầu lưỡi tan-tác ngoài khung xe gió tạt. Qua cầu sông Đuống rồi. Giòng sông lạnh tanh, cứng chết...

Nắm chặt tay vào thành ghế xe lắc lư rung-chuyên, xua gạt khỏi đầu óc một ý-nghĩ âu-sầu vừa chợt nhú lên, Vinh bình-tĩnh nhìn sang cảnh vật hai bên lẽ đường...

Mùa đông kéo dài trong mầu xám-ngất toàn-diện và vô tình. Không một bóng người. Thân trời đục và thấp hắt đầy tầm mắt dội lại tức tối. Một chiếc lò gạch đỏ nát nằm bên một con lạch cạn dòng. Những viên gạch lẫn - lóc nức-nở rụng xuống tự bao giờ trên những bờ cỏ úa héo. Làng xóm chập-chờn khép kín trong mầu xanh buồn-bã. Xe vượt qua một cây cầu nhỏ, tiếng sắt lanh-canh dội lên lạ tai. Trên đỉnh trống trơn một bót gát cô-đơn, bóng người dân-vệ đứng gác in lên nền trời, ném sự tìm kiếm chiếu lệ vào những khoảng trống-không dừng-dừng. Qua cầu, con đường khắp-khênh lại trải đi hun-hút trước khung kính. Cảnh-vật thời chiến có một vẻ gì hoang-đường hư-ảo, tro-tơ ra đó, khi sự sống đã chạy trốn thật xa khỏi nó, Vinh không tìm được nguyên-nhân về sự biệt tăm hoàn-toàn mọi dấu tích này.

Chiến-tranh bao trùm, chiến-tranh đi qua nhường sự chiếm đóng lâu dài cho im lặng và cõi chết trông cây trên đất đai hoang-vu và cỏ cây im phắc, sự phá hủy âm-thầm tận cùng không bỏ sót, không ngừng tay, không tha-thứ. Lão-đảo trong hồn, thần-thò trong dạ.

MAI-THẢO
(Nghệ-thuật, số 2)

Những tài-liệu đọc thêm

1.— ĐÊM TRĂNG

Một đêm trăng.

Ánh sáng xanh rờn, êm mượt như nhung, mát rười rượi, xóa mờ mọi nét, mọi màu và bao trùm cảnh vật một vẻ mơ-màng huyền-bí. Trên trời không một gợn mây, sao thưa và tỏ, long-lanh như những hạt ngọc quý dát trên nền lụa mỏng-mênh màu lam nhạt.

Một mảng sông phủ vàng rực rỡ.

Những làn gió như từ cung trăng lướt xuống, liên tiếp nhau không phút nào ngừng.

Trên bãi Nghĩa-chỉ chìm lìm dưới nước phù-sa, dăm-cái vỏ bèo đậu rải rác xa nhau, những mái nứa khum khum, những cần vó chông ngược lên, đầu kia chúc xuống nước. Xa trông người ta có thể tưởng tượng đó là một đàn rùa khổng lồ và kỳ quái, hình nổi trên mặt nước đỏ tằm ánh trăng trong.

Có ai hút thuốc lào ở đó, tiếng rit lên trong tịch-mịch. Có tiếng chó sủa bên kia sông. Một vài mẫu truyện rời rạc trong một vỏ bèo nào.

Rời im lặng. Cái im lặng thấm thía và lạnh lẽo của lúc đêm về sáng.

NGUYỄN-KHẮC-MẪN
(Hồn quê)

2.— ĐÊM TRĂNG HUYỀN ẢO

Thuyền rời cầu Đơ đi xuôi được một quãng, chúng tôi đứng trông về thành-phố Hà-đồng. Ánh đèn điện đã lặn trong áng sương mù vàng nhạt, lấp-lánh như những ngôi sao buổi bình-minh.

Rời càng ra xa, tôi càng có cái cảm-tưởng tiến sau mãi vào một cảnh lạ-lùng chưa từng bao giờ tới thăm, tuy vùng sông Nhuệ là nơi tôi đã sống cả một thời niên-thiếu.

Là vì cái cảnh tầm-thường và quen biết kia, ánh trăng thu như đã có phép huyền bí, màu-nhiệm làm cho vật trở nên một cảnh khác hẳn, một cảnh diệu-dàng đầy thi-vị, đầy mộng-ảo.

Tôi một mình lên ngồi trên mũi. Cây đàn nguyệt trong khoang ngừng tiếng gảy; giọng cười đùa cũng đã im-ìm. Hình như ai nấy cũng cảm-động để tri bình-tĩnh mơ-màng, theo con thuyền êm-lặng, êm-lặng lướt trên mặt nước sông bằng-phẳng, lơ-mờ phản-chiếu bóng cây đa xù-xì, cây gạo cao vút, cây xoan mảnh-khảnh; những khóm tre rậm-ri hay xơ-xác ngã-nghiêng và những lò gạch hoặc vát ngang một làn khói trắng đặc, hoặc đồ nát, bỏ hoang bên những túp lều tre tường xiêu, mái sụp.

Tôi như nín hơi thở, để mặc tâm-hồn sống trong một cảnh hư-vô. Và tôi thoáng cảm thấy trong giây phút rằng, nếu mặt trời là của sự hùng-tráng, của sự rực-rỡ, của các màu sáng-lạn, huy-hoàng của trăm tiếng chim đua hót, của trăm thứ hoa đua nở khoe tươi, chiến-đấu rộn-ràng, thì trái lại, mặt trăng chỉ riêng của một sự yên-lặng.

KHÁI-HƯNG
(Văn-hóa Ngày-nay)

3.— TRĂNG QUÊ

Ông trăng to-tường nhờ mình ra khỏi mấy quả núi ở chân trời xa tắp. Mặt ông như mạ vàng. Chẳng mấy chốc ông đã lên cao và đã gặp mấy chị mây trắng giang-hồ. Mấy chị mây vốn hay có tính lẳng-lơ cứ níu lấy trăng định buông điệu vó-vần. Ông trăng biết thế chẳng có lợi gì, cứ cười mà gỡ các chị ra đi thẳng. Chắc trăng định cố lên cao cho bằng muôn triệu nàng sao trên thăm từng kia, nhưng quái lạ, chẳng nàng sao nào gần ông cả. Ông trở nên cô-độc giữa nền trời bao-la.

Nhờ trăng, thế-gian được hưởng những đêm vàng, mà tất cả vàng thật trên thế-gian này không giát nổi.

Gái buộc chặt chiếc gàu tát nước, xốc lên vai. Đêm nay sáng trăng, nàng sắp sửa đi tát nước đêm, để thừa ruộng miền đồng Trầm ngày mai có nước mà cấy.

Đường cái lúc bấy giờ đang đông người Thanh-niên rủ nhau lên đình họp. Lác-đác mấy người thị-thành tản-cư đang đi lại dong chơi

Qua chiếc cổng làng cũ-kỹ, gió đồng lồng lộng mát, làm Gái dễ thở. Nàng bước gọng-gàng theo những vết chân trâu, trên con đường đất đầy trăng. Mỗi cơn gió nhẹ thổi, những ngọn mạ xanh rờn rạp mình xuống tiếp đón gió. Một vài con vạc đi ăn đêm, kêu khô-khan trên trời rộng, nghe rõ cả tiếng vỗ cánh.

NGUYỄN-MINH-LANG
(Tiểu thuyết thứ bảy)

4.— CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG

Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ-nhàng lùa những đồng vàng trôi trên mặt nước.

Chị tôi cười nà-nót (1) tiếng cười trong như thủy-tinh và thanh khiết lạ thường. Luôn luôn cứ hỏi tôi và đổ tôi cho kỳ được: « Này chị đỡ em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước? » Tôi ngược mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước và cười đáp lại « Cả hai chị ạ ». Sướng quá, thích quá, hai chị em lại thịnh-thoảng rủ lên cười làm náo động luồng tinh khí hạo nhiên. Vậy chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền-dụ chưa đủ, Ngưu-Lang và Chức-Nữ, chúa của đêm trung-thu còn sai gió mang lại gần chúng tôi một mùi gì ngào-ngạt như mùi băng phiến.

Thuyền đi êm quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vũng chiêm-bao, và say-sưa và ngây-ngất vì ánh sáng, hai chị em như đẻ-mê không còn biết là có mình và nhận mình là ai nữa..

Mỗi phút trăng mỗi lên cao, khí hậu cũng tăng sức ôn-hòa lên mấy độ, và trí-tuệ, và mộng và thơ, và nước và thuyền đang

(1) Vì tôn trọng nhà thơ nên đề y nguyên văn.

lên, đồng dâng lên như khói. Ở thượng tầng không khí, sông Ngân-Hà trình bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên: « Đã tới gần sông Ngân rồi! Chèo mau lên em! Ta cho thuyền đậu ở bến « Hàn-Giang! ».

Sao đêm nay kiều-diễm như bức tranh linh-động thế này? Từng lá trắng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng. Cả không gian đều chấp chờn những màu sắc phiêu-diêu đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi lơ đi vì chói lọi. Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế-giới chờ chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bình bồng đến địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lang. Chị tôi và tôi đều ngã vạt áo ra bọc lấy như bọc lấy đồ châu báu..

HÀN-MẠC-TỬ

5.— CHIỀU

Ánh chiều gần tắt... Bờ bên kia, những hàng cây xanh xăm đang từ-từ mờ biến trong làn hơi nước tự trên mặt sông bốc lên, lẫn với sương chiều tỏa ra mỗi lúc một dày. . Hơi lạnh thấm vào người khiến Bích có cảm giác như thân thể mình tan đi dần dần, như mặt sông hồi nãy còn in ánh chiều vàng lấp lánh, nhưng bây giờ đã cùng với mọi cảnh-vật chìm lẫn trong hơi sương hợp thành một khoảng không bao-la, huyền-ảo!

Trời tối dần. Con sông ban chiều đã cùng với cảnh vật biển đi, giờ lại hiện ra mờ nhạt dưới ánh trăng lạnh hòa loáng trong hơi sương, thấm ướt trên vai nàng...

NGUYỄN-THỊ-VINH
(Mên chiều)

6.— MƯA

Cái anh mưa phùn mờ-mịt cánh đồng đã hết hẳn.

Đột nhiên một buổi có những đám mây lạ bay về. Những đám mây đen xịt hình như nặng và đặc sệt lồm-ngồm đầy trời. Mây lặn giải từng nắm nhỏ rồi san đều ra thành một nền xám đen kịt. Gió nam thổi giạt mãi. Gió bỗng đổi mát lạnh nhuộm hơi nước.

Ở đây xa miên-man nổi lên một hồi khua động rạt-rào. Mưa đã xuống bên kia sông, gió càng thêm lạnh, húc điên đảo trên cành cây Ngõi dương cái, người chạy táo-tác. Trẻ con cứ la ơi ới, có lẽ sắp được xem mưa xuống, các chú bé thích quá kêu riu-rít. Cùng chung với đàn trẻ một nỗi vui ngo-ngần, mấy con chó cũng hít hít nhầy cở, nhầy xích ống, sủa ăng ăng. Mưa đến rơi lẹt-đẹt... lẹt-đẹt... Mưa gáo đầu. Những giọt nước to lăn xuống mái phen nứa : mưa thực rồi. Mưa ù xuống. Khiến cho mọi người không tưởng được là lại kéo chóng đến thế, lúc này là mấy giọt nước lách-tách. Bảy giờ bao nhiêu nước tuôn rào-rào. Ánh nước xiên xuống lao vào trong bụi cây. Lá đào, lá na, lá sói vẫy tai run rẩy. Con gà sống ướt lướt-thướt ngất ngưỡng chạy tìm chỗ trú. Cái mình đen-đét hai đầu cánh nhấp nhô đáng khêu như một anh nghiện a-phiến. Mưa xuống sầm-sập, giọt ngã giọt bay, bụi nước tủa trắng. Trong nhà bỗng tối xăm. Một mùi nồng âm-ấm, hình như hơi ngọt lại hình như ngai-ngái, cái mùi xa lạ man mác của những trận nước mưa mới đầu mùa. Mưa rèo-rèo trên sân gạch, gõ đồm độp trên phen nứa, đập lũng tung vào lòng lá chuối, rào-rào liên miên. Tiếng giọt gianh đồ ò-ò nước ào-ạt ọc nguồn, xối lên những rãnh nước sâu. Nước réo vang vang kỳ quái như tiếng trời đổ sụp đất ở đâu. Đôi khi đương kéo dài một loạt ào-ào, bỗng một cơn gió phào đến, vạt vĩa cây cối, lại nổi lên một hồi rạt-rào xa gần thăm-thẳm. Mảnh đất sân đã ngập mấp mé. Nước chảy đỏ ngòm bốn bề sân, cuộn-cuộn tuôn dồn trong các ngách rãnh quanh giọc lối xuống chuôm. Mưa xối nước xuống được một lúc lâu, bỗng, trong vòm trời tối thâm vang ù một hồi rền-rền, y những tiếng nổ, nhưng là tiếng nổ từ xa âm lại. Tiếng sấm, tiếng sấm mưa mới. Chốc chốc lại rền từng thoi ục-ục l-âm trong khoảng không mù mịt. Cho tới lúc ngoài lối ngõ xóm, nghe có tiếng chân người lép-nhép lạch-bạch chạy. Họ vác thùng đi bắt cá rô rạch nước trên các bờ ao. Mưa đã ngớt. Trời bớt xám rạng dần. Đến khi có những con chim chào mào bay ra hót riu ran thì trời lại quang quẻ như trước. Mây trắng sắc sáng lán-tản đến. Vòm trời dịu và trong vắt, mới mẻ hơn xưa. Mặt trời hơn hớn ló ra chói lọi nhưng tươi mát, cười lóe trên những chòm lá bưởi lấp lánh. Trận mưa to chỉ còn sót dấu lại ở mảnh sân lênh láng. Trên các mái rơm xám xịt nước gianh vàng khè lích-rích thồn thức giọt dài, giọt ngắn nối nhau rỏ xuống đất.

Tạnh mưa, mưa òn-ồn thoát một lúc hết. Trời đất lại vui-vẻ như thường.

TÔ-HOÀI
(Cổ đại)

7.— TRƯA HÈ

Trưa quê đã buồn mà trưa ở đây lại buồn gấp mấy lần ở xóm làng. Nhà hàng xóm ở xa quá. Tiếng gà gáy trưa, tiếng cối đá xay bột vắng đưa lại, mơ-mơ màng-màng như là từ dĩ-vãng xa-xưa đưa tới.

Heo, gà, chó nhà nào cũng chưa đông-đúc cho dân số Thái-huyền trang được sầm-uất hầu đỡ tẻ-lạnh.

Cây-cối còn lùn bần, mặc sức cho nắng đổ xuống vườn, cái thứ nắng hè buồn một nỗi buồn-tẻ và chết như nỗi buồn sa-mạc.

Cho đến cả xe-cộ ngoài đường cũng a-tùng đề tăng thêm cái buồn trưa nắng. Bao nhiêu xe nhà, xe du-lịch rộn-rịp trên đường Thiên-lý khi sáng bây giờ đã rút lui đi đâu mất hết. Chỉ còn lại những chiếc cam-nhông tiền-sử, hờn-hèn kéo những rờ-một gỗ, khúc gỗ nào cũng như một thân người vừa bị lột da, và những bành cao-su sống phết vôi trắng chói lòa lên dưới nắng hè. Con đường nhựa không đen nữa, mà tím xăm xuống như một băng lụa vắt ngang vòng hoa tang bằng cườm trong các đám phúng-điếu. Người trong trang Thái-huyền nghe là-lạ trong người, là mặc dầu trời nắng gay-gắt và trời nóng hầm, họ vẫn không thấy buồn ngủ. Giấc ngủ trưa của họ trong mười năm nay không say chạy bữa nào, sau bữa ăn đúng Ngọ. Nhưng hôm qua bận dọn nhà quên buồn ngủ thì không nói gì còn hôm nay đã rảnh-rang rồi sao mà...

Không ai buồn lên gác cả. Gia-đình tụ họp nơi buồng tiếp khách ngồi lặng thinh nhìn cam nhông mui lá dài nhằng, uề-oài bò như con trâu già mệt-nhoc kéo xe rơm khô, tuy chớ nhẹ vẫn không muốn bước.

BÌNH-NGUYỄN LỘC
(Đò dục)

8.— CƠN BÃO

Vụt chốc, mọi người thấy tối sầm lại. Mây đen kéo khắp trời. Dài đất tối mù, giáp mặt không trông thấy nhau. Gió bão tự chân rừng xa kéo đến như thiên-bình vạn-mã. Cây cối gãy đổ rầm-rầm.

Chỉ trong nháy mắt, mái nhà tốc sạch, lá lợp bay tung như bướm-bướm. Súc-vật hoảng kinh chạy phá vào rừng. Đàn bà, trẻ con riu-rít gọi nhau. Nước hồ cuộn-cuộn. Những làn sóng cao ba bốn thước, trắng xóa tự ngoài khơi kể tiếp ném vào bờ như một đàn thủy-quái điên-cuồng. Một làn chớp lóe mắt rạch ngang khoảng đen tối, tiếp ngay mấy tiếng sét long trời chuyền đất, hồi lâu còn vọng vào rừng sâu thẳm những tiếng rền-rĩ ghê người. Mưa trút xuống như thác, tiếng ồn-ào át cả tiếng người kêu, vật rống. Nước hồ dâng lên trông thấy mặt gò hẹp mãi lại... Nỗi kinh-hoàng của một đám người mất tâm giữa trận phong-ba ấy thực khôn xiết nói. Gió mỗi lúc một gào thét, mưa mỗi lúc một to, sóng hồ mỗi lúc một toi-bời, tia chớp mỗi lúc một liền, mà sấm-sét cũng mỗi lúc một gấp, như tiếng trống trời điểm nhịp cái khúc nhạc mê hồn. Sau cùng, mặt đất bắt đầu chuyền-động, cái gò đất hình như đã không chịu nổi sức sóng vỗ gió lay...

LAN - KHAI
(Truyện đường rừng)

9.— MỘT ĐÁM CHÁY

Phía đằng trước vụt có tiếng hét :

— Cháy nhà ! Cháy nhà ! . . .

Tiếng kêu kinh-hoàng như xé bên màn tai. Khấp xóm Cỏ chột nháo lên một cách phi-thường. Mọi người đổ xô ra cửa. Tiếng chân chạy, tiếng trẻ con khóc, tiếng la thất-thanh truyền nhanh như một luồng điện giật :

— Năm Trà đốt nhà ! Năm Trà đốt nhà !

— Cháy ! Cháy !

Ngọn lửa mỗi lúc một bốc lên cao. Khói và tàn than ngùn-ngụt cuộn lên che mờ cả lối đi trong ngõ hẹp, Gió buổi chiều thổi tấp lại, xoáy trong đống lửa, khơi lên hàng trăm ngàn những đóm đỏ sáng rực bay tứ-tung. Tre nứa khô ròn bắt lửa như những ngọn đuốc, nổ toác ra, kêu lộp-bộp. Ở khắp mọi nhà người ta bắt đầu quăng ra đường mọi thứ đồ-đặt. Lối đi bắt chột nghẽn lại, sóng người xô đẩy ngã vấp lên nhau, tiếng cãi-vã, chửi-rủa, xen lẫn với tiếng khóc la thâm-thiết, gây nên một khung-cảnh hỗn-độn chưa từng có.

Ở cửa nhà bác Nhan, mọi người cũng đang đồn cứng lại. Bác Nhan gái mặt cắt không còn hột máu, một tay xốc gái Hơn bên nách, một tay nhét vội những mở quần áo vào tay nải. Bác Nhan trai cuống-cuống chạy lên chạy xuống. Vật nào bác cũng muốn vơ, mà vật nào cũng chẳng có cách gì mang đi được. Hai tay bác lay thừ cái giường ọp-ẹp. Mặt ván nhúc-nhích một tí rồi lại nằm ì trên mè gỗ. Mồ-hôi bác vã ra, hơi thở phì-phò dốc ra ở mũi. Bác bỏ cái giường ra vắn chiếc bàn thờ. Mấy cái chân nền đảo lên rồi đổ nghiêng ngã. Cái bát hương nghiêng đi, lăn xuống mặt phản vỡ tan-tanh. Có tiếng bác gái rít lên :

— Ăn hại ! . . . Đò ăn hại ! . . . Trời đất ơi, chồng với con !
Bác Nhan trai tức mình đứng phắt dậy, trừng mắt nhìn vợ :

— Ăn hại cái gì ? . . . Đừng có làm chuyện ! Sốt tiết lắm nữa !

Tiếng hai vợ chồng chột chim đi vì tiếng la ồn-ào :

— Cháy sang nhà Tốn rồi ! Cháy sang nhà Tốn rồi !..

Hai vợ chồng hốt-hoàng chạy ra ngõ bên ngoài. Phía trước mặt là một bề lửa đỏ rực mù-mịt tàn than. Những mái lá đang sụn xuống đổ nghiêng đi, rui kéo bừa ra rơi lá-tả. Ngọn lửa càng ngày càng mạnh, mỗi lần gió thổi tốc đến những mảnh than hồng sáng chói lại bốc lên, văng ra bốn phía bắt vào lá khô ở mái bên cạnh, cháy lem-lém. Ở ngoài đường cái, tiếng còi xe chột rú lên thê-thảm. Sóng người trên lối đi lại một phen bị dồn ép. Bây giờ thì không còn ai lo-lắng đến đồ-đặt nhà mình. Tiếng con gọi mẹ, vợ gọi chồng, tiếng người xéo dẫm lên nhau kêu gào khóc-lóc gây hỗn-loạn cả một góc trời.

NHẬT-TIẾN
(Thêm hoang)

10.— CHIỀU CỎ-ĐỒ

Buổi chiều xuống trên mái cung-diện thật buồn. Thời-gian lằng-dằng mịt-mùng không phân định. Tôi ngồi trên bực đá nhìn vào nỗi ruy-tàn của triều-đại, qua lớp kiến-trúc đã bị thời-gian soi mòn thớ gỗ, đục nát với gạch ngán trường, dựng lối. Tôi liên-tưởng đến thời hưng-thịnh với những buổi xuất quân hùng-tráng, voi từng ngày đại lễ uy-nghi, với những đêm nồng nhả nhạc, xiêm áo rộn ràng. Tôi chột thương bao cung nữ chôn chặt đời xuân trong bốn vách tiêu-phòng. Tôi nghĩ đến bao nhiều gian khổ của

lê-dân khiêng từ đỉnh núi cao, từng phiến đá để làm đẹp lòng vương-giả. Tôi ngồi trên phiến đá tức là tôi đang si-nhục nỗi hờn-đau của người trước. Thành phố Huế đắm chìm trong mưa ngoài bờ thành hoang-phế. Thành-phố ít tiếng động. Thành-phố ần-mình trong những ô vuông thu hẹp. Nhưng chính nơi đây đã chôn ngòi cho mỗi chu-kỳ phân-nộ.

Rời bỏ ám-ảnh, tôi đi dạo bờ cỏ. Từng bước đi êm trên mặt lá mềm sũng nước. Âm-thanh nhỏ nổi lên âm-i trong xê-dịch. Tôi cúi mặt nhìn xuống. Màu xanh-rờn lấp-lánh như từng cánh hoa đêm. Hương cỏ bốc lên ngai-ngái. Tôi gặp người nhỏ một nhánh. Những giọt nước lăn tròn vào lòng tay. Hơi lạnh thấm vào thớ da mát rượi. Mưa xuống dày thêm. Chiếc mái nặng-nề của điện Thái-Hòa mờ khuất trước tầm mắt. Tôi kéo cao cổ áo bước ra khỏi vòng thành. Con đường nhỏ lát đá gõ-ghè bóng-láng đưa tôi vào khung cảnh khác với nếp sống khép kín sau hàng rào cây che lấp lối nhìn.

Theo TẠ-TY
(Nghệ-thuật)

11.— ĐÊM HÈ

Lúc ấy vào cuối tháng tư, tạo-hóa chuyển mình một cách đau đớn để bước sang mùa khác, nhưng bước còn do-dự ngập-ngừng nên vạn vật dưới đây như bị đè bẹp đi xuống.

Không bảo nhau, cả nhà đồng đứng lên, đi ra ngoài.

Mặc dầu nức, trời không mây, sân sáng sao, trông mờ mờ như hừng đông. Vài con đom-đóm nở trước mùa, xẹt qua lại trên không trung thành những lần nhỏ dài như những mũi kim vàng. Đèn nhà ai le-lói đàng xa và xa nữa rùng mờ đen trên chân trời trong hơn một tí.

Trên vòm trời, sao dày đặc như vè côm cháy. Đó là muôn ngàn đầu cây đinh bằng vàng đóng trên một tấm trần đen.

Thình-thoảng một cây đinh long ra, rơi đi đâu không biết.

Bốn cô gái đều ngó về hướng nam. Một vầng ánh sáng bừng lên ở chân trời hướng đó, như mặt, nhứt sắp lú lên vào buổi bình-minh.

Đó là ánh sáng đô-thành mà mới hôm qua đây họ còn sống lộn trong đó. Mới hôm qua mà nghe như lâu quá rồi, nghe như xa lắm rồi ! Nỗi nhớ xứ, nhớ nhà minh-mông như là họ đã lia khỏi quê cha đất tổ.

BÌNH - NGUYỄN - LỘC
(Đồ đọc)

12.— CHỢ THỦ (1)

Miền này đất giàu mà cảnh đẹp. Dưới sông, nhà bè chen chúc nhau thành một làng nổi. Sát bờ nước là những vườn dâu xanh ngắt. hoặc những vườn trái cây um-tùm trồng dứa, xa-bô-ti, quýt, chuối... Rồi tới một con đường trải đá, suốt ngày xe ngựa d p-diu. Hai bên đường nhà sàn san-sát, nhìn vào thấy những khung cửa, những quan tơ vàng nuôn và những cô thợ dệt xinh xắn. Khắp làng, giờ nào cũng nghe tiếng lách-cách đưa thoi, đập khung và tiếng nện hàng làm ta nhớ đến câu thơ trong bài « Thu hứng » của Đỗ-Phủ :

Bạch-Đế thành cao cấp mộ châm.

(Đập vải trời hôm rộn tiếng chày.) (2)

Làng đó cũng như hàng La ở Hà-đông, làng Vân-xa ở Sơn-tây, làng Bưởi ở gần Hà-nội. Thứ hàng chợ Thủ cũng đẹp như lãnh Bưởi.

Mỗi buổi sáng, ngoài đường tấp-nập kẻ mua người bán. Thiếu nữ nào cũng đeo đồ tế-nhuỵên bằng vàng và mặc quần áo bằng lụa. Các cô thướt-tha dưới bóng dứa xanh, tay cầm những cây hàng óng-ánh, miệng cười chào khách. Tôi không hiểu tại sao Tản-Đà không vịnh các cô em Chợ Thủ mà chỉ ca tụng mả Long-xuyên !

NGUYỄN - HIẾN - LÊ
(Bày ngày trong Đổng Tháp-Mười)

13.— MỘT LÀNG QUÊ

Làng Thới-bình nép mình trong chòm dứa xanh rậm. Vài xóm nhà lá leo-heo ở dọc theo bờ kinh nhỏ, yên tĩnh với tháng ngày.

(1) Tên một cái chợ Long-xuyên.

(2) Ngõ-tất-Tổ dịch.

Cứ mỗi buổi sáng đàn ông, đàn bà lẫn cả con nít vác cuốc ra đồng, quanh năm làm bạn với mấy mẫu ruộng nhà, vài công cấy khóm

Ở đầu kinh thông ra dòng sông Trẹm, một cái chợ nhỏ nhỏ nổi lên. Hai bên, hai dãy phố ngói đứng xùm-xụp chịu đựng với nắng mưa gần như xiêu vẹo.

Đây là nơi chứa đựng một phần dân chúng trong buổi sáng, đây là nơi người ta tìm những thức ăn, vật dùng.

Cứ độ hai ngày, con tàu Rạch-giá ghé ngang, đem lại nhiều hàng-hóa thị-thành.

Mỗi lần tàu xúp-lê đàng xa là thiên hạ nhao-nhao ra đón, chen lấn ồn-ào. Rồi mỗi khi tàu đi, chợ tan, làng Thới-bình yên tĩnh lại.

Dòng sông Trẹm lững-lờ trôi ngang và ban chiều, trong chòm dừa xanh ấy, mấy làn khói trắng bốc lên..

Người đàn bà xong việc bếp núc, âm con ra đọi chông vè, lâu lâu đuôi bầy gà đang bơi trên giồng rau cải.

PHI-VÂN
(Đồng quê)



TẢ NGƯỜI

Con người là sinh-vật có tư-tưởng và hoạt-động, cho nên, tả người phức tạp hơn cả. Phải chú-trọng đến ba khía cạnh sau đây :

1. Hình thể :

- a. Hình-dáng : thân-thể, tay chân v. v...
- b. Diện-mạo.
- c. Dáng-diệu, cử-chỉ, ngôn-ngữ, cách ăn mặc v. v...

2. Tâm tính :

- a. Tính-tinh (biểu lộ qua cử chỉ, hành động và ngôn-ngữ).
- b. Đặc điểm : ôn hòa. Lởi lẽ ôn tồn nhã-nhận.

3. Hoạt-động :

- a. Hoạt-động.

Thường tả một người toàn diện, ta phải tả qua ba khía cạnh đó. Tuy nhiên, tìm những đặc điểm chỉ người ấy có mà người khác không có. Từ bỏ những chi tiết ước-lệ khách sáo bắt chước người khác một cách vụng-về. Tính-tinh và hoạt-động cũng vậy. Mỗi người đều có tính-tinh riêng : cả tốt lẫn xấu. Không nên nói đến điều tốt mà bỏ tạt xấu. Tả một cách thực thà thì mới có thể rung động người đọc được.



1

ĐỀ BÀI : Tả một em bé mồ-côi trong một chiều lang-thang ngoài đường phố hay trong một cô-nhi-viện mà trò có dịp viếng thăm.

BÀI LÀM

Chiều ba mươi Tết... Đêm cuối cùng năm cũ đi nhanh như cổ nuốt trôi khoảng thời-gian còn sót lại. Trời rét như cát. Một đứa bé ăn mày đang ú-rũ bước đi trong đường phố...

Thằng bé trạc chừng mười tuổi. Giá không nhờ cái dáng người bé nhỏ và mái tóc xanh đen chớm thì người ta có thể nói nó vào trạc khoảng mười lăm tuổi. Cái tuổi « phong-trần » của nó già hơn tuổi « thời-gian » rất nhiều. Nó bước đi lặng-lẽ. Ngọn đèn đường cô-độc, chói-vời hắt lên gương-mặt xương-xấu của nó một thứ ánh sáng vàng úa, làm hiện lên rõ-rệt vết tàn-phá của đói rét và bệnh-tật trên cái tuổi mà đáng lẽ nó được hưởng bao nhiêu sự nuông chiều âu-yếm của gia-đình. Gió đêm trừ-tịch rít lên từng cơn như những roi da quất vào xương thịt. Nó run cầm-cắp ! Một cơn ho sù sụ nổi lên làm nó dừng lại, co-ro trong manh áo bạc màu không đủ che chở tấm thân gầy guột. Dáng người tiều-tụy, nước da xanh-xao. Tay khằng-khiu gầy đét, chốc-chốc lại đưa tay gãi mạnh chiếc đầu tóc « xơ dừa » bần thiêu một cách đáng thương. Hai chân xám-xịt, trống trơn tự đầu gối, đang cố lê những bước đi nặng-nề, chán-nản. Nó tìm ở đâu được đôi giày há mỏ nhưng cũng đỡ khổ cho nó lúc này.

Gương mặt cũng có nhiều nét khả-ái. Cái sống mũi thon nhỏ khá cao nằm trên cái miệng rộng và nhất là đôi mắt trong và đen chan chứa một niềm khát-khao tinh thần thuộc. Có lẽ suốt đời, nó chưa hưởng được một tia nhìn dịu-dàng của mẹ nó. Tôi nghĩ thằng bé bất hạnh này chắc cũng con nhà tử-tế nhưng hoàn-cảnh ngang trái nào đó bắt nó phải xa lìa cha mẹ từ khi mở mắt chào đời.

Tôi bất giác thở dài ngao-ngán ! Thằng bé vẫn lăm lăm bước đi... Thỉnh-thoảng nó dừng lại nhìn vào nhà, bàn thờ khói hương nghi-ngút, bánh mứt cây trái đầy-đầy, trẻ con nô đùa bên những món đồ chơi xinh-xắn. Nó đứng tần-ngần mãi trước căn nhà sang trọng. Chắc nó ước ao thêm muốn lắm. Một con chó Tây cao lớn nhảy ra vồ sủa tiếp theo tiếng người tru-tréo chạy ra, nó sợ-hãi, cầm đầu chạy một mạch. Cách một quãng khá xa, nó đứng lại nhìn, cảm đầu chạy một mạch. Cách một quãng khá xa, nó đứng lại nhìn, cơn ho sù sụ nổi lên. Nó ngồi xuống, dựa lưng vào vách thờ dốc...

Làn gió buốt rít lên từng hồi. Càng về đêm càng lạnh-lẽo. Thằng bé dèm nay sao không về với đồng bọn mà nó lại tần-mẩn

nóc trong mình ra một chiếc khăn nhỏ, đắp phủ lên mình, nằm gác tay lên trán nhìn những vì sao lác trên nền trời cao thăm.

Nỗi bất-hạnh của thằng bé tự-nhiên lại chuyển hóa vào người tôi đang đứng trên bao lơn căn gác trọ nhìn nó, bởi hiện giờ tôi cũng cô-độc, cũng thèm khát cảnh ấm cúng gia-đình như nó. Đã mấy năm rồi, sinh kế và thời cuộc xô đuổi tôi khiến mỗi lần xuân đến là tôi « Rủ áo phong sương nơi gác trọ. Lặng nhìn thiên-hạ đón xuân sang ».

Bất giác tôi chạy đến chỗ thằng bé lồi xốc nó ngồi dậy và diu nó đi về căn gác hẹp trước sự ngỡ-ngác, ngạc-nhiên về thái-độ lạ lùng của tôi, một người khách lạ chưa hề quen biết.

Tiếng pháo giao thừa xen lẫn tiếng súng nổ vang. Lòng tôi ấm lại... Tôi ăn một cái Tết mà là suốt đời không bao giờ quên được.



2

ĐỀ BÀI: Một nghệ-sĩ mù lòa đang đánh đàn ở bên vỉa hè một đại-lộ để kiếm tiền độ nhật.
Hãy tả hình dáng và cử-chi của người này.

DÀN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ:

Tiếng đàn cao vút hòa với làn hơi ấm lè-thê từ đường xa vọng lại có mãnh lực thu-hút tôi mon men lại gần đám đông đang say sưa thưởng-thức tiếng đàn của một nghệ-sĩ mù lòa...

II. THÂN BÀI:

A. Tả hình dáng:

a. Toàn thể: Dáng gầy-gò, bệnh-hoạn, ốm.yếu, nước da vàng bệch như mắc bệnh rét lâu ngày. Ngồi bẹp xuống chiếu, chân phải dè lên hộp đàn. Lưng cong gò lên cao như cố diễn-tả ý-nghĩa tiếng đàn não-nuột.

b. Chi-tiết: Đầu bạc hoa râm, tóc chấy xuống gần đến mép tai, lâu ngày vắng tiếng kéo của người thợ cạo. Mặt xương-xấu, vàng một cách bệnh hoạn.

— Đôi mắt mù màu trắng xanh lẫn lộn. Đồng tử chết lặng đi để lộ ra một điểm trắng như sữa đục. Khác với mọi người nghệ-sĩ mù khác, ông lão này không mang kiến đen nên trông càng tăng thêm vẻ thiều-não.

— Tay chân : Tay dài lỏng không, ốm tong, nếu không có lớp da xanh mét chạy dài những gân xanh nổi lên, thì cánh tay có lẽ chỉ còn là một khúc xương khẳng-khiu. Ngón tay đầy cấu ghét bần-thiêu nhuộm đen mấy đầu móng.

Bàn tay trái đang nắm nốt chiếc cần cong vút của chiếc độc huyền cầm. Âm thanh mau chậm, trầm bổng run theo nhịp điệu của chiếc cần và tay khảy.

Chân được phủ một chiếc quần tây màu « cháo gà » lạnh lặn nhưng đã bạc màu và bần-thiêu. Chốc-chốc lại gõ vào nhịp sang theo tiếng đàn và giọng hát.

c. Cử-động : Lão nghệ-sĩ thông-thả đặt chiếc đàn xuống chiếu, ngồi xếp bằng, một chân kèm hộp đàn một chân xếp đứng lên để làm chỗ chịu cho cánh tay gảy đàn. Lão lặng-lẽ so dây bằng cách chêm thêm đồng xu đồng trên mặt lỗ hộp đàn rồi gảy lên mấy tiếng.

Bác uống một ngụm nước trà lấy giọng rồi ngồi lại lấy thế vững vàng.

Bác trở hết ngón sở trường và tài đàn của mình mong làm vừa lòng khách mộ-điệu. Bác rao qua mấy câu. Một tay diu-dặt uốn cong hoặc run-run gõ nhẹ cầm đàn, một tay đánh nhẹ vào dây.

Âm thanh trầm bổng, khi nhẹ nhàng, khi réo rắt ru hồn tôi trong một mối cảm hoài vô hạn ! Tiếng đàn sâu-thẳm lại thêm lời ca nào nuốt phát ra từ cảnh-ngộ của một con người bất-hạnh mù loà đối khổ, có lẽ chưa có một tâm hồn con người nào lại đứng-dưng không xúc-động.

Tiếng nhịp « song lan » như khơi sâu nỗi buồn khi người nghệ-sĩ xuống giọng dứt câu.

Cuộc đời ông lão giống như cây độc huyền, một dây một phím âm-thầm réo-rất những điệu nhạc buồn như một đám tang, não-nê như số kiếp mù loà vất-vướng.



3

ĐỀ BÀI : Tả hình dáng của mẹ trò. Nói những tình cảm của trò đối với mẹ.

BÀI LÀM

I. Trên cõi đời này, có lẽ không có cái bất hạnh nào lớn lao cho bằng cái vô phúc mất mẹ.

II. May mắn thay ! Mẹ tôi đến nay vẫn còn khoẻ-mạnh mặc dù đã già đi hơn trước. Nhìn vầng trán nhăn nheo trên gương mặt xám đen đầy những vết tàn phá của thời-gian, tôi bỗng thấy bụi-ngùi thương cảm

Mới ngày nào, mẹ tôi còn là thiếu phụ dịu-dàng, tóc xanh chừa chan niềm vui sống. Mẹ tôi không đẹp lắm nhưng tướng người rất phúc hậu đoan-trang. Dáng thon-thon mà chắc chắn không mảnh-mai bé nhỏ như những người đàn bà khác. Gương mặt tròn đầy màu bánh, mặt lúc nào cũng phảng-phất một nét buồn sâu kín. Đôi con mắt to và đen hay mơ màng nhìn về phía chân trời xa-tấp, để rồi chốc-chốc lạ thờ dài kéo tôi vào lòng âu-yếm ! Cái miệng nhỏ rất có duyên. Bà hay cười nên chiếc miệng xinh-xinh kia lại có dịp phô trương hai hàm răng đều đặn trắng tinh. Đôi bàn tay chày cứng nứt nẻ xám nắng pha một chút hồng hào của cái tuổi còn xuân, mẹ tôi đã vất-vả lắm mới nuôi nổi một bầy con sáu đứa, khi cha tôi từ-giã chúng tôi ra đi vĩnh biệt cõi đời.

Toàn thân người toát ra một chất phúc hậu hiền-hòa mà mọi người đều cảm mến. Cứ chỉ mẹ tôi luôn luôn nhẹ nhàng trầm-tĩnh. Tính-tình ôn hoà, không hấp-tấp sôi nổi như mấy dì hay gắt gỏng khắt khe như cô tôi. Ăn mặc rất giản-dị, áo quần sạch-sẻ, thơm-tất. Đời mẹ tôi là một tấm gương trong suốt, phản-ảnh của một tấm lòng cao-quí bao-la của người đàn bà Việt-Nam. Cha tôi mất khi bà còn trẻ tuổi. Gánh gia-đình trĩu nặng xuống hai vai .. Mẹ tôi một mực chung-thủy, một lòng thương yêu chúng tôi. Trong mười mấy năm trời, tảo tần ngược xuôi tìm miếng ăn cho một đàn con sáu đứa, mẹ tôi đã hy-sinh cuộc đời mình cho con, tất cả chỉ vì con. Mái tóc xanh bạc màu, làn da hồng-hào trở thành đen xám. Vầng trán này đã lấm-tấm vết nhăn. Tướng trên đời này không có

tình yêu nào bao-la rạt rào cho bằng tình mẹ yêu con. Khép kín xuân xanh chôn chặt cuộc đời mình trong khoé mắt tiếng cười của các con, mẹ tôi, trong lòng tôi bây giờ đã trở thành một thân tượng bất diệt. Tôi sung sướng vô ngần mỗi khi nghe người láng giềng ca-tụng mẹ tôi

Tôi còn nhớ, những đêm trở trời, tôi bị cảm sốt suốt đêm, người không ngủ, ngồi cạnh giường săn sóc thuốc men hay có những khi tôi làm điều sai quấy người rầy máng chúng tôi rồi đêm đến tôi nghe tiếng chân người len lén đến cạnh tôi với một hơi thở nhẹ nhàng, một bàn tay âu-yếm đặt nhẹ lên trán tôi.

Tôi sung-sướng vô ngần ! Có lẽ trên đời không có niềm phúc nào hơn thế nữa.



4

ĐỀ BÀI : Hãy tả một người chị gái mà trò được quen biết.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Hương là một thiếu nữ không đẹp. Trán nàng ngắn quá ! Hương ghét nhất điểm này. Trán ngắn tức là biểu lộ một khối óc không thông-minh, đời sống sau này sẽ vất vả... Đã thế, mắt Hương lại bé. Mỗi lần soi gương, Hương tập mờ to mắt. Nhưng ra đến phố, có lúc nàng quên hẳn đi, về nhà cứ ân-hận mãi.

Những cái bực mình vẫn vợ ấy làm Hương ghét mình, ghét thiên-hạ và lại hằn-học cả với Má nữa. Ngày xưa, má có xấu thế đâu. Ảnh má treo ở giữa phòng, chụp chung với ba hồi mới cưới. Mà xinh quá. Hương ước-ao có được một sắc đẹp như vậy. Mà bây giờ, má hãy còn đẹp lắm. Tuổi gần bốn mươi mà trông mới như ngoài ba mươi. Má góa chồng từ năm Hương lên sáu. Má ở vậy nuôi Hương nguồn hy-vọng độc nhất của Má là Hương. Một đôi khi bà hơi buồn vì nhan sắc của con gái. Nhất là cái dáng vát-vả của nó.

Thời nay, người ta đề ý đến sắc đẹp nhiều hơn là đến phẩm-lành. Nhưng chả bao giờ bà nói ra với Hương về chuyện xấu

đẹp cả. Thịnh-thoảng Hương chỉ nghe Má nói : « Cái nết đánh chết cái đẹp. »

PHƯƠNG - KHÁNH
(V. H. N. N.)



5

ĐỀ BÀI : Một hôm trò đang ngồi học, bỗng nhìn lên chân-dung mẹ trò : Hình-ảnh người mẹ hiền sống dậy mãnh-liệt trong tâm-não. Qua sự tưởng-tượng, trò thử tả lại mẹ trò.

DÀN BÀI

- I. **Nhập đề :** Giới-thiệu mẹ.
- II. **Thân bài :**
 1. Hình-dáng toàn thể.
 2. Cách ăn mặc.
 3. Tính-tình.
 4. Thói quen.
- III. **Kết luận :** Nỗi nhớ-nhung và lòng kính-mến mẹ.

BÀI LÀM

Mẹ em, người thân-yêu nhất đời em, nay không còn trên cõi trần này nữa. Mẹ em vừa từ-giã chúng em trong năm qua và hiện chúng em còn quấn mảnh khăn tang trên đầu. Nhìn chân-dung mẹ, lòng em chua xót vô ngần. Hình-dáng người bỗng hiện rõ trước mặt em :

Vóc người cao, tóc dài chấm gót, với khuôn mặt chữ điền và đôi mắt dịu-dàng, khiến ai cũng khen người có vẻ đài-các phong-lưu. Trán rộng, miệng lúc nào cũng nở một nụ cười. Bàn tay của mẹ thật đặc-biệt : ngón thon dài như mũi viết lại trắng muốt. Bàn tay dịu-dàng ấy đã từng bồng ẵm, săn-sóc em trong những ngày thơ-ấu. Lúc còn sanh-tiền, sáng nào người cũng dậy rất sớm, nấu cháo cho chúng em ăn điềm-tâm, pha trà cho ông nội em uống, dọn-dẹp quét-tước nhà cửa thơm-tất rồi sửa soạn đi chợ. Mẹ em làm

việc siêng năng cần-mẫn. Suốt ngày, chẳng lúc nào người nghỉ tay. Đến bữa trưa, mẹ cũng ngồi may-vá quần-áo cho Ba hay các em. Người quán-xuyến công việc nhà thật chu-đáo, không việc gì dù lớn hay nhỏ mà người không biết đến.



Những tài-liệu đọc thêm

1.— CHỊ CỦA BẠN TÔI

Nửa tiếng nữa vào học. Trời lạnh đứng bên cạnh bờ hè, nhìn xe cộ cho thú mắt. Cũng là để chờ bạn nữa. Thành-linh một chiếc xe hơi tiến tới tôi, từ-từ đậu vào lề đường; nhìn kỹ thì ra là bạn tôi, một cậu học trò ngoan-ngoãn; nhìn hàng ghế sau, chị nó, một cô gái trẻ mười chín tuổi nắm chặt lấy một bông hoa mới nở.

Thấy tôi nhìn, chị nó cười. Cô ta hình như tươi hẳn lên, mặt hơi dài, môi hơi cong vì cười; trên trán trắng, tóc đen để xoã quá vai. Cô ta có duyên, không biết vì gì mà cô ta có duyên. Mỗi lúc khi tôi ngắm cô hơi lâu thì biết vì ở má cô ta có một cái nốt ruồi nên trông cô ta rất có duyên. Cô ta đưa tay cảm bông hoa hồng hơi đỏ trên mái tóc đen nên bông hoa nổi lên một vẻ đẹp kỳ-dị. Xe từ-từ rời tôi, cô ta vẫy tôi và cười như hoa nở, giống bông hoa hồng.

Mười giờ chúng tôi tan học, tôi lại đứng ra bờ hè chơi, tôi nhận thấy chiếc xe hơi sáng đã đậu bên kia, lại có chị nó trong xe. Tôi nhẩy sang đường, ghé vào cửa kính thì cô đã mở mồm nói: «Lên đây, nhà em ở đâu, chị đưa về cho.» Tôi cười, cô ta cười để trả lời nụ cười của tôi một cách mới mẻ.

Gần đến nhà tôi rồi. Hai tay nhỏ bé của cô ta giơ lên và từ-từ rất khéo mới lái được cái bông hoa xinh-xinh. Lái ra được rồi, cô ta cười một cái, có vẻ mất công lắm. Tôi nhìn, ngạc-nhiên khi thấy cô ta đưa biểu tôi.

TƯỜNG-CƯỜNG
(Học-sinh trích trong Văn-Hóa Ngày-Nay)

VIỆT-LUẬN

2.— HAI KẸ LỮ-HÀNH

Một buổi chiều mùa đông, trời rét căm-căm, mưa phùn bay mù-mịt. Từ miền bản-đông thuộc chân Kao-lâm đến mạn Văn-dú, có hai người đàn ông Thổ đang rảo bước đi.

Hai người mặc một bộ quần áo vải chàm: áo cộc thắt lưng chèn ngoài, quần ngắn và chít ống.

Mỗi người đeo một cái nải lớn ở vai. Một người trạc độ bốn mươi nét mặt già dặn, mắt sâu, miệng nhỏ thờ hơi ra như khói, cái quai nón mắc xuống cầm đề lấy bộ râu lưa thưa rồi rồi còn lấp lánh những giọt nước mưa. Thành-thoảng ông ta ngoảnh bảo người đi sau mấy lời. Người này không nói gì, cứ gait chân bước.

Hắn còn trẻ, trông rắn rỏi và khoẻ mạnh không kém người trước; hai môi dầy, trán khô và cao; đầu quấn một cái khăn lớn. Một tay, hắn thủ vào trong áo, cầm tay kia thì nắm một cái lao dài.

Hai người cứ trông thẳng phía núi đá mà tiến lên; lúc xéo lên những lối rậm-rạp bên đồi, lúc giẫm gãy những nắm dạ cụt ở ruộng lúa. Qua hết đồi này lại đến gò khác; những bụi cây xanh mưa ám một ngày một rậm, đồng ruộng ngày một thưa; ngọn núi đã mờ-mờ trong đám sương mù cũng ngày một rõ.

Gió bắc thổi bên tai vù-vù từng trận. Trước mấy rặng rừng hay trước những khóm cây nặng nề ướt-át, những làn mưa bụi trắng từng lớp bay qua.

Chân tay mặt mũi hai người tái cứng đi. Giá cầu chắc không biết đau, có lẽ chắc không biết rét nữa. Quần áo phía trước mưa hắt nhiều nên ướt đẫm. Từ đầu gối trở xuống toàn những đất đỏ với bùn; mỗi lúc qua một đám cây thấp nào thì cành lá gạt sạch gần hết.

THẾ-LỮ
(Vàng và máu)

3.— MỘT ÔNG LÃO

Một đêm đông.

Ngồi quanh cái khuôn bếp củ-điêu của những nhà Mạn-Ngược, cha tôi và tôi lắng nghe ông Hội Cảnh kể câu chuyện lạ đường rừng...

Ở đây, người ta không dùng đèn. Ánh lửa bếp, tuy vàng ủa và lung-lay, cũng đủ chiếu sáng mấy gian nhà trống rỗng. Bên ngoài giọt sương gieo lộp-độp... gieo cảm-giác tê-tái vào lòng người...

Tôi ngồi xếp bằng tròn, hai tay thu vào bọc, mắt dán lên nhìn người kể chuyện : một ông cụ già ngót bảy mươi tuổi, nom còn quắc-thước lắm. Vóc người ông vạm-vỡ, chân tay ông to lớn, mặt ông vuông chữ điền, nước da ông đỏ thắm, râu tóc ông bạc phơ. Cứ trông cái trán vuông mà không cao, cặp lông mày chồi sẽ loà-xoà xuống cặp mắt voi sáng quắc của ông, ta đủ thấy ông là người thông-minh, bạo-dạn và thiết-thực. Ông cụ mặc một cái áo cánh rộng tay bằng vải gai to sợi nhuộm chàm là thứ vải dân thượng-du tự dệt lấy. Phũ ngoài áo cánh, một cái chấn-thủ bằng nhiều tam-giang lót da rái, một vật quý có tính kỵ phong sương. Cái quần xanh cao ống đê hở đôi bắp chân cục-mịch, lẫn những đường gân to như trấu. Hai chân ấy đã từng vượt đèo lội suối, xông-pha núi rừng nên hình như chẳng biết rét là gì. Ông cụ ngồi cạnh cha tôi, chân trái quắp vào lòng, chân phải chống bên cạnh sườn ; đầu gối đỡ lấy bàn tay phải cầm chiếc điếu can rất thô. Thỉnh-thoảng, mỗi lần ông đưa cái điếu lên miệng kéo mấy hơi thuốc, vẻ mặt ông thờ-thần, hai mắt ông càng xa vắng. Ông ngồi lẳng-lặng hàng giờ nói thủng-thẳng và thường lâu lâu mới lại sực nhớ tới chuyện mình đang kể...

Dưới ánh lửa đỏ, tôi nhìn ông già ấy, nhìn cái bóng ông chập-chờn trên vách, tôi băng-khuàng như nhìn thấy chính cái huyền bí của Sơn-lâm.

LAN-KHAI (Truyện đường rừng)

4.— ĐỨA CON

Quý trở mình nằm nghiêng, ngắm đứa con. Đứa bé mồm-mím, cò tay, dưới cằm, chỗ nào cũng đầy ngấn. Hai má phính-phính, làm cái mồm chúm nhỏ lại. Trên đầu phơ-phớt ít sợi tóc chưa đen hẳn. Quý thấy hay hay, như một con búp-bê bán ở mấy hiệu tây, lại lớn hơn, đẹp hơn. Người đàn bà ít tuổi ấy còn bỡ ngỡ với tình làm mẹ. Tình mẫu tử có tự-nhiên trong người đàn bà, nhưng từ con búp-bê sau cùng, nó chỉ là món đồ chơi, đến đứa bé đầu lòng mang theo những bí-mật của sự chữa, dè, người đàn bà cần có đủ thời giờ quen với cảm-giác, trường-hợp mới.

Quý nhìn đứa bé, như ngạc-nhiên thấy nó là con nàng. Nàng đã mang trong người, và lúc sinh ra, đã làm nàng vô cùng đau-đớn. Nàng thấy một cảm-giác vui thích thắm-thía, khác hẳn cái vui thích khi bế mẹ. Đứa con hàng xóm Đứa bé này hoàn-toàn của nàng.

ĐỖ - ĐỨC - THU
(Trong Tự-Lực Văn-đoàn)

5.— LÃO HỐI

Vào những lúc buổi chiều sâm-sâm tối, mọi người trong xóm Cỏ mới trở về đông đủ. Nhất là lão Hối thì không hôm nào vắng mặt. Lão đi đâu ít ai biết ngay từ lúc trời còn sương lạnh buổi sáng và trở về rất đúng giờ vào khi thành-phố mới lên đèn. Nhác trông từ xa, người ta đã nhận ra ngay hình-thù kỳ-dị của lão. Lão đi lom-khom, cái đầu nhần bóng giờ ra phía đằng trước. Khuôn mặt của lão tóp lại, choát-cheo. Mũi lão đỏ ửng như một quả cà chua. Cặp lông mày rậm, lốm-đốm bạc rữ xuống hai con mắt ngầu lên, tráo-trung vì men rượu. Tứ thời lão bận một cái quần tây vàng, mất một khúc gấu, vừa bần vừa rách, thắt lưng chẳng có, lão đã thay bằng một sợi dây gai luồn qua cặp quần buộc túm ở đằng trước. Lão bận một cái áo sơ-mi lụa nhuộm màu nâu già, hôi khét-let và chua như mè. Vai lão đeo một cái túi vải. Trong túi, lúc róc ra, người ta nom thấy có một cỗ bài tây cáu ghét, cái khăn tay nhầy-nhựa mũi rãi và mờ-hôi, một gói giấy đựng thuốc lá sợi đen và một cái bật lửa cũ-kỹ vừa nặng, vừa thô đã sạch bóng cả nước mạ bên ngoài. Đó là cơ-nghiệp của lão. Lão kiếm ăn bằng gi, không ai rõ. Nhưng lúc nào lão cũng có vẻ phong-lưu. Thuốc lá sâu kèn phì-phèo luôn trên miệng. Rượu lão nốc hàng chai. Và buổi chiều trở về lão say-sưa sung-sướng như một người không vương-viu nợ đời. Lăn chấy nhà trên phố, lão khiêng về được một cái cánh cửa cháy dở. Lão đem kê nhờ dưới mái hiên nhà gã Hai Hào làm chỗ ngủ. Những hôm trời mát, lão vừa đập muỗi vo-vo trên mặt, vừa chõ mồm qua lỗ hồng của vách đất nói chuyện huênh-hoang với gã chủ nhà.

Rồi lão lại cất giọng ư-ừ ngâm bài thơ tuyệt-tác của lão mã đến khi trăng lên quá đỉnh đầu. Nhiều hôm nằm ngủ quên, mưa đổ xuống ướt không còn một sợi tóc. Ấy vậy mà lão chẳng hề bao giờ ốm. Sức lực lão dai như đĩa. Cứ sáng tinh-mơ đã thấy lão dậy,

ngồi bó gối há. nước một mình trong góc tối. Mồi lão bậm lại, mũi hếch ra, hai bên má tóp lại làm cho nhô lên cái lưỡng-quyển cao và nhọn. Đến khi trời bắt đầu hừng sáng là lão lại xách bị lên vai ngất ngưỡng đi ra ngõ, để đến tối mới trở về với hơi men sặc-sụa.

NHẬT-TIẾN
(Thêm hoang)

6. NĂM BÈO

Năm Bèo, chính gã, con người bị cùm trên mười mấy năm trời. Năm Bèo mập như con heo ú. Nhưng một con heo ú trong chuồng trông còn được mập hơn là một gã Năm Bèo. Gã mập một cái mập khó coi quá chừng, cái mập của kẻ bị bệnh phù thũng. Gã mập đến bầm muốn ra nước. Nói rằng người gã phù lên thì đúng hơn. Đã mập phù như vậy, da gã lại trắng xanh, bạc tạng như những lá su non giữa búp và bần-thiếu, nhờn-nhòn, trông đến tởm mắt. Người gã thật chả khác gì cái thây chết trôi sinh lên vậy. Mặt mày, tay chân húp cả. Bụng gã là một cái thùng tô-nô. Tóc gã dài, dài hơn cả tóc đàn bà. Mái tóc xõa bù rối, mốc-meo ấy, ấp-ủ một gương mặt đàn-độn với đôi mắt híp, đôi má bầu, cặp chân mày sưa, một cái miệng tu-hú có ria lún-phún. Cái miệng ấy lại có cả một cặp môi dợt te như miếng thịt bò ngâm nước quá lâu vậy. Ngăn ấy thứ cùng phối-hợp, đem lại cho người gã cái vẻ đàn-độn, thô-bỉ thể nào ấy. Sự đàn-độn còn biểu-lộ ra rõ-ràng hơn, trong cặp mắt. Cặp mắt gã chừng như xa lạ hẳn với những vật chung-quanh. Cái nhìn của Năm Bèo vừa có vẻ ngờ-nghếch, vừa đờ-đần, hoảng-hốt. Qua cặp mắt ấy, người ta đoán rằng gã không còn suy-nghĩ là cái gì nữa. Khối óc của gã hình như đã lụi dần trở về với cái ám-muội hôn-mê của khối óc mấy con heo trong chuồng. Gã sống toàn bằng bản-năng, thứ bản-năng hạ-cấp man-rợ. Người ta còn thấy ở gã một cái hình-bóng đen tối đang chập choạng, đi thụt lùi, ngược dòng tiến-hóa, từ cái trạng-thái thú-vật. Tính tuổi, Năm Bèo đã trên bốn mươi, nhưng trông gã có vẻ khô-khạo như đứa trẻ mười ba, mười bốn vậy. Có những người độc miệng hơn, cho gã là điên thực rồi. Nhiều người cho là gã thất-tinh thất-chí. Có người độc miệng hơn, cho gã là sắp hóa yêu tinh, ma quái. Sự thật, thì gã điên chẳng ra điên, tỉnh không ra tỉnh. Nhiều lúc gã nói cũng khôn tinh lắm, nhưng là cái khôn của người mớ ngủ. Còn đến như cái việc hóa ra yêu tinh,

ma quái thì thực chưa có bằng-chứng gì đích-xác cả. Người ta thấy thỉnh-thoảng cặp mắt Năm Bèo dò ngầu lên, gã nắm cả hai tay lại, đập vào bụng, la hét om sòm. Hoặc gã giãy-giụa, ợ ngáp như người lên đồng, hay nằm yên, lấy tay vẽ bùa t.ong không-khí. Một việc đáng ghê sợ nhất là đã ba lần, trong cái năm cuối cùng, gã chụp được mấy con gà con chạy quanh quần bên gã, rồi gã xé ra, bỏ vào mồm, gã nhai, gã nuốt một cách ngon-lành, máu tươm ra cả hai khoé miệng. Gã van-vì vợ con cho gã được ăn thịt sống. Nhưng ai mà chịu nghe lời gã.

Mười mấy năm trời rồi, Năm Bèo phải nằm như vậy, phải đút chân vào cùm trong một xó tối nồng-nặc, cả mùi phân heo lẫn mùi phân người, mùi nước tiểu, mùi ẩm-mốc. Gã ăn ở đấy, ia đá cũng ở đấy. Năm Bèo nằm bên cạnh chuồng lợn, nhưng chính những con lợn trong chuồng lại được thông-dong, thơ-thới hơn gã trong sự cử-động, xê-dịch và được chăm-chú hơn, về miếng ăn, thức uống.

PHAN-DU
(Cô gái xóm nghề)



Phan Du

THUẬT - SỰ

Là thuật lại những điều đã thấy, nghe cảm biết hay một việc mình đã làm. Thuật sự có thể :

- Kể lại những điều nghe thấy.
- Tâm-sự của mình, tâm-sự đồ-vật, thực-vật.
- Ký-ức mình, ký-ức người khác.
- Đàm thoại giữa hai người hoặc nhiều người.

Thuật lại một chuyện, người kể cần nắm vững toàn thể câu chuyện. Kể cho khéo léo (thật và mờ gút cho hợp lý) và duyên dáng. Biết thay đổi theo sự thay đổi của câu chuyện, ý-tư mạch-lạc, gọn-gàng không mâu thuẫn lẫn nhau. Dành cho người nghe cái mờ gút bất ngờ, đừng để người nghe đoán trước kết cuộc.

— Người ta xếp thành loại tự thuật như sau :

- Thuật-sự một chuyện cô-tích.
- Thuật sự thông thường.
- Đối-thoại.
- Hồi ký.
- Tâm-sự.

Tóm lại một bài thuật sự, học sinh phải chú ý đến những chi tiết sau đây :

- Nắm vững tinh thần cốt chuyện.
- Thay đổi cách hành văn tùy theo giai đoạn của câu chuyện : Buồn vui, hăng-hái, giận dữ đều tùy thuộc câu chuyện.
- Thật và mờ nút bất ngờ, đừng để người đọc đoán trước kết cuộc câu chuyện.
- Ý-tư, mạch-lạc, tạo cảnh ngộ bất ngờ để làm say mê người đọc...

1

ĐỀ BÀI : Trong đời học-sinh, có lần em đã thực-hiện được một việc làm có ý-nghĩa đối với người chiến-sĩ vô-danh đang âm-thầm chiến-đấu ngoài trận địa. Hãy thuật lại việc làm ấy.

BÀI LÀM

Không biết tại sao mà em lại có cảm-tình sâu-đậm với những người chiến-sĩ vô-danh đang âm-thầm chiến đấu cho đất nước quê-hương... Bao nhiêu người ngã gục một cách lặng-lẽ không tên tuổi, không huy-chương, cũng không một lời chúc tụng! Cái chết và sống của họ không có biên-giới linh-hồn. Cái chết đi vào bất tử và mang lại cho những người sống vùng trời tự-do và dưỡng-khí hô-hấp.

Hình-ảnh oai-dũng của người lính chiến trong quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa những vị anh hùng vô danh ấy là một nguồn suối vô tận ấp-ủ những tâm-hồn bé bỏng của các em. Cho nên, ngoài chiến-tuyến, em sẽ là người kế-tiếp ở hậu-phương, các em là những học-sinh hằng tâm-niệm làm vui lòng các anh.

Một dịp may xảy đến. Em còn nhớ rõ lắm. Hôm ấy, một ngày cuối năm buồn-thảm! Một toán lính Lê-dương qua làng lũng bắt những chiến-sĩ quốc-gia... Xóm em bỗng biến thành trận địa. Tiếng đạn bay vèo, tiếng súng chát-chúa, tiếng kêu la thất-thanh xảy ra một chập rồi ngưng bật... Toán Lê-dương thẳng thẽ lục soát khắp nơi, tàn-phá hoa mầu nhà cửa. Gót giày chúng đi đến đâu là gieo rắc tóc tang đến đó.

Phía bên kia con rạch cạn giồng, một căn nhà bốc khói làm mờ đục cả một vùng trời... Trong biển lửa ngùn-ngụt em bỗng thấy một người, mặt đen xạm loì-ngoi, cổ lết ra khỏi vùng đất chết... Rời nhanh như cắt lẩn mấy vòng rơi tùm xuống con rạch.

Toán lính Phi-châu vừa đi qua khỏi nhà em và đang lục soát đầu xóm cách đây mấy căn.

Bóng người khi nãy nép sát vào bụi cây bên bờ con rạch rồi vụt chạy băng qua bên hông nhà, thoát ra phía sau vườn mất dạng... Một tiếng nổ chát chúa... Một thằng trong bọn chúng, vừa thấy

cái bóng đen ấy liền báo động cho đồng bọn để quay trở lại. Tiếng chân thịch thịch, một tràng liên thanh nổ vang. Cảnh cây gãy rã rác khô khan. Trong nhà em nằm sát dưới đất, lòng cầu mong cho người lính chiến chạy thoát...

Nhưng rồi chúng đến nhà em đập cửa ầm-ầm. Mẹ em sợ đến thất thanh hồn vía... Riêng em, mặt cắt không còn chút máu, miệng run cầm-cắp... Cửa mở, chúng vào nhà lục soát và ra dấu tay hạch hỏi bóng người chạy vào đây. Chúng bắt em làm hướng đạo, chỉ hướng thoát của người chiến-sĩ khi này.

Một dịp may hiểm có. Em bạo dạn trở tay chỉ hướng ngược chiều với hướng thoát ban nãy. Chúng yên chí là em nói đúng, liền theo đó mà chia nhau lục-soát, lùng-bắt. Nhưng chúng đã bị lạc hướng... và người ban nãy vẫn còn ẩn trốn trong bụi-bậm rau nhà...

Toán lính Lê-dương xa dần... Làng mạc điêu-tàn, nức-nở! Căn nhà bác Tư bên kia sông biến thành một đống tro còn ngún khói. Hàng cau xạm đen, cô độc bên hè in bóng lên nền trời xám đục.

Em đã cứu được một người, một người chiến-sĩ Quốc-gia kháng Pháp. Trong cái lạnh-lẽo hoang-tàn của một xóm mà trận địa vừa đi qua, lòng em thấy ấm hẳn lại. Em đã làm một việc ý-nghĩa mà suốt đời không thể quên được.



2

ĐỀ BÀI : Một em bé mồ-côi thuật lại tâm sự của mình.

BÀI LÀM

Tôi sinh ra đời vào một ngôi sao xấu. Khi hãy còn ở cái tuổi mà những đứa trẻ khác được chiều-chuộng, nâng-niu, ấm bẽ, riêng tôi là đứa bé một mình phải chịu nhiều nỗi gian lao. Bố mẹ tôi đã qua đời từ trước khi tôi có đủ trí khôn để nhận thấy rằng không có bố mẹ là điều rất đau khổ. Đến khi tôi đã mười hai tuổi rồi, tôi hãy còn sống sót vì Hội Bảo-Anh, cái hội từ-thiện mà xã-hội đã lập ra để nuôi nấng những đứa trẻ không bố mẹ, trong số đó có

tôi. Như thế cả cái tuổi trẻ của tôi đã trôi bên những cái đầu xanh cùng một số phận như tôi dưới sự săn-sóc của bà « Sơ » giàu lòng từ-thiện thật đấy, nhưng chỉ biết thương hại chúng tôi vì bần-phận, chứ không yêu chúng tôi theo lẽ tự-nhiên, một điều rất quý mà một người không thể nào cầu được ở một người không cùng máu mủ với mình.

Không bao giờ tôi quên được những buổi học êm ả một cách đáng chầu, những bữa ăn kham-khở, những giờ đi ngủ theo tiếng trống, mà cả mấy trăm đứa chúng tôi lên giường bắt tay ngang trán không phải để yên ngủ, không phải để ngủ, không phải để hưởng những giấc mộng của tuổi trẻ, nhưng mà là để tui thân, để xót phận, thêm thường khao-khát cuộc đời của những đứa trẻ khác đây rầy, hàng hà sa số, những đứa trẻ có bố, có mẹ, được hiểu rõ thế nào là hai chữ gia-đình. Không bao giờ tôi quên được những cuộc vui làm phúc, những ngày tết trung-thu, tết nguyên-đán, mà một bà nọ bà kia đã đến với chúng tôi với những đồ chơi rẻ tiền tưởng làm phúc, mà té ra chỉ bắt chúng tôi hiểu rõ hơn một cách thâm thía hơn những cảnh đau khổ chung. Cũng không bao giờ tôi quên những buổi đi chơi hàng đàn hàng lũ, đứa nào cũng ăn vận như đứa nào, một cái mũ trắng, một cái áo vải thâm, chân giẫm đất, đi hàng hai một, đứa bé nhất đi đầu, đứa to đầu nhất đi cuối cùng; diều khắp phố xá để cho xã-hội nhìn chúng tôi như những con vật kỳ lạ, hoặc là lấy làm tự hào vì đã tròn về cái quả phúc cứu sống chúng tôi. Thôi, tôi cũng chẳng nên dài dòng làm chi cho lắm.

VŨ-TRỌNG-PHỤNG

(Giờng-lỗ)



3

ĐỀ BÀI : Hãy thuật lại một đoạn đời thơ-ấu của mình.

BÀI LÀM

Tôi ra đời trong một gia-đình nghèo khổ. Một bà mẹ tảo-tần, nuôi ngược kiếm miếng ăn cho một đàn con chín đứa. Cha tôi

sớm từ già cõi đời để lại một khoảng trống không vắng-lặng trong lòng chúng tôi. Để bù đắp vào chỗ thiếu-thốn ấy, chúng tôi chỉ còn biết có thương-yêu đùm-bọc lẫn nhau. Thế nên quãng đời ấu-thơ của tôi chứa chan kỷ-niệm êm-đềm, tuy vẫn mang một niềm chua xót trong lòng.

Khi vừa đến cái tuổi mà trí óc non nớt của tôi hiểu được rằng mất cha là một điều bất-hạnh, thì chính là lúc ba tôi ra đi... Mái nhà bỗng nhiên trở nên vắng-vẻ lạ thường. Bóng dáng người cha thân yêu, chiều- chiều dạy dỗ chúng tôi ê-a vài câu chữ nho võ lòng nay không còn nữa.. Chị tôi thay mẹ quán-xuyến công-việc gia-đình, cơm nước, giặt rửa, heo gà và trông coi một đàn em dạy. Mẹ tôi tảo-tần chạy ăn từng bữa cho chín miệng ăn. Qua một ngày cực-nhọc, khi bóng chiều buông xuống là những giờ phút ấm êm đến với chúng tôi.

Mẹ tôi ngồi khâu lại mấy chiếc áo rách. Chị tôi lo-liệu những hàng-hóa giúp-đỡ mẹ tôi để sáng ngày đi bán sớm. Tôi với thằng Thanh ngồi học bài. Thằng em bé nhất đang đùa với con mèo Mướp ở góc giường. Chốc chốc, mẹ tôi đưa mắt âu yếm nhìn các con. Tôi chắc mẹ tôi sung-sướng lắm. Riêng chúng tôi, những đứa trẻ mồ-côi cha, bây giờ chỉ biết có thương yêu đùm-bọc lẫn nhau. Gió lạnh lùa qua khe cửa nhưng chúng tôi thấy ấm -cúng trong lòng. Tình thương yêu tràn-ngập, chan hòa.

Tuy sống thiếu-thốn về vật-chất nhưng tâm-hồn lúc nào cũng chứa-chan niềm vui sướng ! Năm lên tám tuổi, tôi mới bắt đầu đi học. Ở trường, cũng như bao trẻ khác, tôi cố-gắng học tập để khỏi phụ lòng mẹ và chị Quãng đời thơ- ấu tôi ghi đậm những hình-ảnh cần-cù của mẹ, sự hi-sinh vất-vã của chị và sự ấm-êm hạnh-phúc của những tình thương yêu đùm-bọc lẫn nhau.

Nếu bây giờ có ai hỏi rằng trên đời này có tình-thương nào bao-la như biển rộng trời cao thì chắc tôi trả lời ngay rằng : Tình mẹ thương con. Và kỷ-niệm nào ấm-êm nhất trong đời thơ-ấu thì tôi cũng nói thẳng rằng : Kỷ-niệm giữa bà mẹ hiền với đứa con thơ.

Đấy là quãng đời thơ ấu của tôi. Không câu-kỳ rắc rối như những cậu bé giàu sang — đi ra là có người thừa kẻ dạ — mà chỉ là đoạn giản-dị, đơn-sơ nhưng chan-hòa tình thương yêu êm-ấm.



4

ĐỀ BÀI : Người chiến-sĩ bị thương nằm trong bệnh-viện.
Kể lại quãng đời ngang dọc của mình.

BÀI LÀM

I Tôi được đưa về đây hơn một tuần nay. Vết thương không có gì hiểm-nguy đến tính-mạng nhưng ít ra nó cũng cầm chân tôi một vài tháng !

II. Nằm trong bốn bức tường vôi trắng xóa, tôi ngao-ngán cái màu trắng lạnh-lùng của bệnh-viện. Nhìn vào đâu cũng thấy toàn màu trắng, cái màu tang khó buồn thảm gây cho tôi cảm giác ghê-rợn, buồn-nôn. Tôi thèm khát vùng trời gió bụi, nơi mà trước đây tôi đã ngang dọc tung-hoành trong khói súng... và sống những giờ phút thích thú bên cạnh bạn đồng-đội sau những giờ đùa giỡn với tử thần.

Vốn mang sẵn một giong máu giang-hồ thích phiêu-lưu mạo-hiêm, tôi đã tình-nguyện nhập ngũ. Sau bao ngày huấn-luyện, tôi chàng thư-sinh bé bỏng đã trở thành một chú lính hiền-ngang trong bộ quân-phục màu vàng thẳm nếp. Tôi còn nhớ từng đoạn thời-gian trong cuộc sống ngang tàng của người lính chiến.

Chiều hôm ấy tôi được đưa ngay đến miền giới-tuyến Chỉ trong đêm đầu tiên là tôi ném mùi gai lửa... Đơn-vị tôi bị địch tấn công ba mặt... Súng nổ long trời lở đất. Đạn bay đỏ rực một góc trời... Nằm trong hố cá-nhân, tôi run cầm-cắp. Tôi sợ đến ngất người đi. Lăn lăn qua tiếng súng, tôi đã bắt đầu gan-li vì biết rằng chiến-trường tử sinh đều do số mạng.

Sau vài trận thử-thách, cấp chỉ-huy đã tin-tưởng và giao cho tôi chỉ-huy một khẩu trung-liện BAR. Đơn-vị tôi lưu-động từ nơi này sa g nơi khác. Khắp nơi, từ rừng rậm núi cao đến miền bình-nguyên nước ngọt sông hiền, đều có mặt chúng tôi.

Đời chiến-sĩ gói đất nằm sương. Chúng tôi chia nhau từ cái bánh, san sẻ cho nhau từ mẫu tâm-tình. Cái chết trong đường tơ kẻ tóc tạo một mối liên-hệ đậm-đà hơn tình máu thịt. Những giờ phút vịnh-quang, cát cao chiếc mũ chúng tôi đi rã-rập khắp nẻo

đường, trước tiếng reo hò cuồng-nhiệt của đồng bào. Những vòng hoa trắng choàng lên cổ, những tấm huy-chương đồng lấp lánh bên cạnh những thếp sừng sáng ngời, trong ánh nắng mai, chúng tôi ca mừng giờ chiến-thắng...

Bên cạnh những sự vinh-quang rực-rỡ, là những lúc nguy-hiêm chết chóc. Trong những trận đánh ác-liệt, có cả phi-cơ, trọng-pháo, chiến-xa yểm-trợ, chúng tôi chạm địch đông gấp năm lần. Các bạn đồng-đội tôi từ từ ngã gục. Riêng tôi, ở trung-liều hoạt-động không ngừng và cuối cùng may-mắn sống sót. Rồi trong các trận phục-kích, chúng tôi đi như những bóng ma trong đêm sương lam dày-đặc.

Mỗi lần trận địa đi qua, những thằng bạn còn sống sót nằm ngã lưng vào nhau nghỉ mệt, ngấm ánh trăng trong đàng mờ-trón đồng lúa xanh rờn mà nhớ nhà thăm-thía... Lòng mỗi đứa đều cảm thấy yêu thương nhau nhiều hơn trước.

Đời quân nhân vui buồn kè sao cho xiết ! Có sống trong quân ngũ mới biết thương người chiến-sĩ. Hiện giờ nằm trong bệnh-viện với bốn bức tường vôi trắng xóa ngăn ngang tầm mắt, tôi vẫn ước mong chóng lành bệnh để trở về cuộc sống hào-hùng-tranh-dấu cho ngày thanh-bình đất nước.



5

ĐỀ BÀI : Trong đời học-sinh, trò được biếu món quà kỷ-niệm nào quý-báu nhất. Hãy thuật lại câu chuyện đó.

BÀI LÀM

Món quà đã làm cho tôi sung-sướng nhất là một cây đàn kim (đàn nguyệt) cỡ nhỏ mà cô tôi cho tôi lúc tôi mười bốn tuổi. Lúc ấy, tôi đã biết đàn mấy bản dễ như Bình-bán vắn, Khổng-Minh tợ lâu, mà mấy ngón tay của đứa trẻ mười bốn tuổi đối với phím đàn to thì ngắn quá, nên cô tôi đã mua cho một cây đàn nhỏ vừa với tay tôi. Món quà ấy làm tôi sung-sướng bao nhiêu thì làm

cho người anh họ tôi bức mình bấy nhiêu. Anh ấy nhà giàu, thấy tôi mồ-côi cha mẹ từ thuở bé nên lo cho tôi ăn-học để có nghề-nghiệp với người ta nên đã phân-nản với cô tôi rằng :

« Cho em nó cây đàn nó sẽ mê đàn mà bỏ học, sau này nó sẽ hư thân. Lúc có nghề-nghiệp rồi thì chơi cũng không muộn. Đòn-địch mất thì giờ, lại cho nó có dịp chơi-bời.»

Rồi anh đến tìm tôi :

« Anh Hai thấy em có cây đàn, lo rằng em đàn bỏ-bê sự học. Anh Hai đến cắt-nghĩa cho em thấy chỗ hơn thiệt Anh sẽ lấy cây đàn của em mà cất đi. Đến ngày em thi đậu sơ-học anh sẽ trả lại cho em. Bây giờ anh đến cho em... một cây dù để che mưa nắng khi em đi học.»

Tuy không dám cãi lời anh họ, nhưng hôm ấy cất cây đàn đi, tôi thấy đau lòng như mất một người bạn thân.

TRẦN-VĂN-KHÊ

(Bách-khoa số 57, ngày 15-5-59)



6

ĐỀ BÀI : Mười năm sau, trò có dịp trở về quê cũ. Hãy tả lại cảnh ấy với những cảm-tưởng của mình.

BÀI LÀM

Mười năm sau tôi mới lại có dịp trở về Văn-dương. Quang cảnh khác xưa : phố chợ bây giờ sầm-uất hơn, nhà ngói lẫn nhà tranh san-sát. Những người cũ ngồi bán hàng đều già, râu tóc bạc, và những trẻ cùng chơi với tôi trước kia, bây giờ đã ngồi thay vào đấy, thành những người lớn trông lạ hẳn đi.

Tôi sang bên kia sông ; cái cầu gỗ mỏng-mạnh không còn nữa ; một đêm gió to, cầu đã sụp, và người ta cũng bỏ không sửa-chữa vì con đường sang Bắc ít người qua lại, sau mấy năm trời làm mất mùa đói kém. Bây giờ qua sông phải dùng đò. Tôi qua đò

lúc buổi chiều, lúc sương đã bắt đầu xuống lẫn với khói trong mấy chiếc thuyền chài đậu ở bến đưa ra. Một cảnh hoang-tàn bày ra trước mắt tôi : bên kia sông, giờ chỉ còn là miếng đất bỏ hoang, cỏ mọc xanh trên những thềm nền nhà cũ. Một cái quán nước xiêu-vẹo trông không nép vào bên một gốc đa cằn. Cả một dãy phố trước kia sầm-uất bây giờ đã mất đi nhường chỗ cho những cây-cối lơ-thơ và xơ-xác dưới gió chiều ; chỉ có rặng cây bên đê vẫn còn, vẫn như cũ ; trên con đường xa thẳm, con đường đắp đầy ánh tối mênh-mông, tận chân trời không có một bóng người nào.

Tôi không dám đi xa hơn nữa ; buồn-rầu, tôi trở lại đò, qua dòng sông đã sẫm dưới sương mù. Gió chiều đã bắt đầu hiu-hắt lạnh trong hàng cây lao sậy ở trong bờ. Tôi không hỏi người lái đò xem những người trước ở đây bây giờ đâu, tôi chắc anh ta cũng không biết. Thấy chân cầu gạch đen rêu phủ, tôi nhớ lại người bạn nhỏ nào của tôi, nhớ đến Thủy, dáng-điệu thùy-mị đáng yêu của nàng, cái vẻ buồn lúc nào cũng phảng-phất trên mặt nàng, bây giờ tôi đoán biết đã che kín bao nhiêu sự đổi thay đau-đớn, đôi mắt nàng như vầng trời trong thẳm tôi đã được soi thấy cái dư-vị của cuộc đời.

Những kỷ-niệm cũ của một thời niên-thiếu xa-xăm, trong buổi chiều lên như sương mù che phủ tâm-hồn tôi. Đến bờ, tôi còn quay lại lần cuối nữa, nhìn rặng cây, cái quán, với làng-mạc xa-xa dưới chân dãy núi tận đầu kia ; vùng bên kia sông đối với tôi không còn gì bí-mật nữa, chỉ còn cho tôi trông thấy cái buồn-thảm của mảnh đất nghèo.

THẠCH - LAM
(Nặng trong vườn)

7

ĐỀ BÀI : Trong những hình-ảnh của làng-mạc miền Nam có một hình-ảnh kỷ-niệm nào gợi cho trò nhiều màu sắc quê-hương nhất, trò thử tả lại qua kỷ-ức của mình.

BÀI LÀM

Trong những hình ảnh quê-hương thường lớn-vớn trong trí óc tôi thì đầu tiên phải kể cái cầu ao. Thực ra nó cũng chẳng có gì là đặc biệt, song đối với ai đã từng ở nơi đồng ruộng, cái cầu ao quả đã gắn liền vào đời sống hằng ngày, và chỉ nhìn nó người ta có thể biết ngay nề-nếp sinh-hoạt của cả một gia-đình.

Khi tôi còn nhỏ, cầu ao của nhà tôi chỉ là ba thân cây cau già ghép lại, một đầu dựa vào bờ ao, một đầu ghềch lên một cái nạng tre cắm sâu xuống bùn ao. Tuy đơn sơ như vậy mà nó được hết ông tôi đến ba tôi chăm chút, sửa chữa cho mỗi ngày một dễ coi hơn, một tiện-lợi hơn. Ông tôi cứ mỗi khi có một cái cối đá giã gạo nào dùng lâu bị thủng tròn, nhà thay cối mới, thì lại hi-hà hi-bực khênh cái cối thủng ra bên bờ ao, lật sắp cối làm cái bực cầu ao cho dễ bước lên, bước xuống. Thường-thường phải một hai chục năm mới có một cái cối thả ra làm bực cầu ao. Ông tôi thọ được gần bảy chục tuổi mà suốt đời chỉ có được ba lần sùng-sướng khênh cái cối thủng ra vật sắp bên bờ ao. Nhưng với ba cây cau nhiều khi chật-chội quá nên ở đầu cầu dọc, ba tôi đã bắt một cây cầu ngang, ngắn hơn và thấp hơn, dầm hân dưới nước. Như vậy, khi ở cầu chính có người rửa rau, vo gạo thì ở cầu phụ người khác vẫn có thể giặt-giũ tắm-tấp như thường. Có cầu ngang lại thêm cái lợi là mùa nước cạn vẫn với tay được tới mặt ao một cách dễ-dàng.

Cách đó ít lâu ba tôi mua được một bạnh gỗ vừa rộng vừa dày. Ba tôi bỏ hân ra một ngày làm lại cầu ao, mặt gỗ nhẵn-nhụi đề lên trên, mặt gỗ-ghè quay xuống dưới. Lúc đặt xong cầu mới, ba tôi lăm-láp bò từ dưới ao lên, hút một hơi thuốc lỏ thật dài, rồi mồm thở khói, tay cầm cái xe điều trở xuống ao.

— Tao cho cái cầu này thì thiên-niên bất dịch :

Và cả gia-đình tôi đã sử-dụng cầu ao như là nó sẽ không bao giờ hỏng được. Từ sáng đến tối, mùa nọ qua mùa kia lúc nào cũng thấy bì bõm, thi-thùm, khoa-khoảng, róc-rách, việc gì cần đến nước là đều mang ra cầu ao.

PHAN - VĂN - TẠO

Những tài-liệu đọc thêm

1.— NGÀY THƠ - ẬU

Tôi không nhớ được giây phút đầu tiên mẹ tôi dẫn tôi đi học. Nhưng trong tiềm-thức của tôi còn lảng lại hình-ảnh những buổi tối gia-đì h quây-quần trong căn phòng ngủ thấp đèn xanh. Gió mùa đông rì-rào đập ngoài cửa kính. Văng-văng ở dưới vườn có tiếng u già rủa bảt lách-cách và tiếng vòi nước tuôn xối-xả. Cha tôi ngồi cặm-cui làm việc ở bàn. Mẹ tôi luồn tay qua cổ tôi chỉ cho tôi học trong quyển tập đọc. Miệng tôi vừa ê-a, mắt tôi vừa díu lại. Những lúc ấy hình như tôi quên hết cả khung-cảnh thân-yêu chung-quanh. Mơ-hồ, tôi như đang đi ở trong các thế-giới đầy màu trắng, có những hình-ảnh lạ kỳ thần-tiên đi nhẹ-nhàng trong ý-ngĩ. Rồi tôi phảng-phất ngửi thấy mùi êm mát của mẹ tôi đang hôn lên khắp mặt tôi. Bà bế tôi vào hai cánh tay ấm-áp của bà. Tôi thiếp đi trong sự đầy-dủ và với giấc mơ rực-rỡ của thuở ấu-thơ êm đẹp.

Từ thuở lên sáu trở đi, tôi đã bắt đầu nhớ được cách sống của gia-đình. Tôi hình-dung được những con chim mỏ ngậm chùm nho chạm-trở trên sập gụ kê ở nhà ngoài, những tấm nệm đề trên mặt ghế sa-lông có thêu hình con gà đang gáy ở cạnh bờ tre. Tôi còn nhớ cả mấy đường len tuốt chỉ ở cái len trắng mà mẹ tôi vẫn mặc hàng ngày. Bây giờ, những hình-ảnh nhỏ-nhặt ấy làm tôi rung-rung muốn khóc.

Ngày xưa mỗi lần mùa xuân về từng-bừng trong mưa bụi, cha tôi thường mua những bánh pháo cối bọc giấy hồng-diều về xếp lên cái đôn có mặt đá trắng. Sáng ngày mồng một, mẹ tôi bận áo nhung đỏ; đeo kiềng vàng, đánh má hồng lộng-lẫy. Bà dẫn tôi ra vườn treo bánh pháo lên cành cây, rồi cho tôi châm hương đốt. Tiếng pháo nổ rộn rần trong mùi khói khét xanh lơ-lơ rộn-ràng. Giấy hồng-diều bay tới-tả khắp lối trong vườn mịn đất cát trắng. Đầu óc tôi từng-bừng về hình-ảnh những câu đối đỏ, bánh chưng xanh và mứt, kẹo vàng ói. Nhất là trong túi của tôi lại đầy những đồng nã n xu lóng lánh. Đó là những mùa xuân bất diệt trong lòng tôi.

NHẬT-TIẾN
(Những vì sao lạc)

2.— LỐI CŨ

Dòng nước về mùa Đông cũng cạn, cũng chảy lờ-ờ... Bụi lau mọc ven bờ, lá vẫn xơ-xác như xưa, hàng bông trắng vẫn se-sê lao-đao trước gió. Nhất là cây gạo thân thẳng và cao, ngạo-nghe đứng bên sườn đê rướn ngọn chọc trời thì chàng không thể nào làm nó với mọi cây gạo khác được. Gốc nó phía trên tựa da trần đây những khoanh mốc trắng, phía dưới nổi lên những bọt tròn hàng-trắng như những búp thịt rắn-chắc của nhà lực-sĩ.

Nguyên đương ti-mi, nhận-xét điều ấy thì kỷ-niệm đưa chàng đi sâu thăm vào thời ký-vãng, một làn khói tỏa ra ôm-áp lấy cái mái rạ rời từ-từ bay tản-mạn trong đám lá xanh. Bảy giờ chàng mới kịp đề ý đến túp lều bé nhỏ, xiêu-veo, túp lều mà mười lăm năm về trước chàng đã thấy nằm núp dưới gốc cây gạo. Cho đến cả mảnh lưới nâu vắt phơi trên cái lao sắt, vại nước đặt bên khóm mía ở đầu nhà, mọi vật đối với ký-ức chàng như đối với con mắt nhà mỹ-thuật, một bức tranh sơn bô quên lâu nằm trong xô tú, bây giờ bỗng đem ra lau sạch bụi và treo lên tường.

Chiếc xe sắt đã trèo hết cái dốc đê và phăng-phăng xuống bên đê khiêng vào thuyền sang sông. Nguyên lưỡng-thững theo xuống. Nghe tiếng găm-gừ, chàng quay lại giật mình kinh-ngạc: Con chó trắng bỗng giương cặp mắt thao-láo dữ tợn nhìn chàng đi qua. Chàng nhớ lần trước, chàng thấy con chó lông trắng hết như thể nằm bên khóm chuối kia gần đàn gà con đang bơi đống rác bần tìm sâu. Chàng châu mày tự nhủ thăm: « Hình như ta đã ở ở nơi này một kỷ-niệm trong giây phút. »

KHÁI-HÙNG
(Đợi chờ)

3.— NHỚ...

Khi lia bỏ đất Bắc vào Nam, bỏ lại sau lưng tất cả: Vùng trời Hà-nội vào thu, những mái nhà quen thuộc, những hàng cây bạn bè, những con đường tâm-giao; và quá-khứ hương thơm, ngàn xanh, kỷ-niệm, bướm vàng hoa trắng của tuổi thơ, trăng gió ngọt-ngào của những ân-tình mới lớn; cả cái thế-giới văn-ngệ từ hơn mười năm nay đã trở thành một quê-hương mê-hoặc và bỏ lại cả một phần nao-nức nhất của cái chính mình — sự thực, niềm nhớ điếc trong tôi chưa gọn nổi rõ hình sắc, chỉ thấy bàng-noàng sương

khối những cảm-giác mờ sa chưa thành ý niệm, những ảnh-tượng này đáng chấp-chờn một khuôn mặt nào nung chọt ẩn chọt hiện, nửa miệng cười buồn lúc gần lúc xa. Một niềm nhớ không tên. Một nỗi sầu không định-nghĩa. Và chen lẫn cả nhớ lẫn sầu còn một tình-thương với-vợ không biên-giới, một tình-thương ngập-ngừng khó nói thành câu.

Chính lúc cách-biệt tất cả những gì vô cùng thân-thiết những cái gì đã gần như là thịt da hồn phách, tế-bào của chính mình, xin thú thật tôi chưa nhớ thương da diết đến độ nghẹn-ngào, tới độ đau-đớn, tới độ xót-xa... Kể ra đi là tôi tuy cũng xúc-động bồi-ngùi, không thấm sâu nhưng tỏa rộng hòa với những hơi thở u-hoài nào chẳng biết; tuy cũng buồn, cũng nhớ, cũng thương nhưng nỗi buồn hình như rất xa-vời truyền tới; niềm nhớ chẳng phải đơn phương mà như hòa nhịp sống vui cùng một tình-thương không rõ nguồn gốc. Có lẽ đó là một niềm nhớ thương chuyển hóa từ hồn người nhập vào cảnh-vật, để rồi ngược lại, sự cảnh vật mang chính ngay cái tâm - trạo của người xa đất Bắc, không hiểu tôi nhớ, tôi thương những cái-gì-ở-lại hay chính những cái-gì-ở-lại ngỡ-ngần nhớ thương tôi?

*« Đất nưi chân đi, gió cần áo bay về
Xa đất Bắc tưởng như rời cõi sống »*

(TRẦN-DZÂN)

Của ĐINH-HÙNG

4. — MỘT CÂU CHUYỆN THƯƠNG TÂM

Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh; đường đá củ đậu, củ khoai trời ra chồn-nhờn.

Tôi đứng tựa cửa trông thấy một người gầy-gò yếu-đuối khằng-khiu, cố công cùng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chông chất hai bờ nghe chừng đã nặng, lại còn một mụ vát-vèo ngự ở trong xe. Người kéo đã chẳng nổi mà mụ thì miama nặng lời sỉ-vả. Cho đến nỗi rằng người ta phải đặt xe xuống thờ dài mà thưa: « Chịu, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy: bà thuê xe khác ». Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ-hôi tằm tã. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc. Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến cầm lấy tay mà hỏi: « Chứ con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già nua tuổi tác, yếu-đuối thế này mà phải đi kéo xe vát-vả? »

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông trông lơ-mờ, hình như ruột nhãn, nước chảy chứa-chan, mà chung-quanh vành thì đỏ hừng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập-ngừng thì tôi lại hỏi: « Cụ ở đâu, con cháu cụ làm gì, sao cụ đi lại kéo xe? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi; xin cụ nói cho tôi nghe. »

Ông lão nói rằng:

— « Thừa cậu, tôi ở tỉnh Sơn. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt lội, đê điều vỡ lở chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bấy giờ nhà nghèo khổ, trẻ nhỏ ốm-đau sài ghê; vợ nó phải ở nhà trông nom để tôi xuống Hà-Nội kéo xe thuê mượn kiếm mỗi ngày lấy năm ba xu, một hào mà nuôi nấng đàn cháu mồ-côi cậu ạ. Tôi ngoài sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đá đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi. » Miệng ông lão nói, hai mắt mờ-mờ, vẫn cứ nhìn tôi. Tôi thương, ứa hai hàng nước mắt ra, anh ạ.

Trời ơi! sao mà lại có cái khổ cực dường này, hử ông trời xanh cao-ngất?

PHẠM-DUY-TỐN

(Đồng-dương Tạp-chí số 55)

5 — MỘT TÂM LÒNG

Vũ không ngủ được, lại xuống xe. Đêm khuya lắm rồi! Máy người lơ xe đã tìm chỗ ngủ. Vài con chó đói đang giành nhau một khúc xương ở góc đường, sủa vang dậy.

Có tiếng rên khe-khẽ đầu đây làm cho Vũ đề ý. Chàng bước lần theo tiếng rên não-nuột đó và dừng lại bên một sạp ván dùng để hàng trước khi cất lên xe. Trên sạp, một người đang nằm đắp chiếu rên hừ-hừ. Cảnh đó, một đứa trẻ đang quặt. Đó là một đứa bé gái chừng tám, chín tuổi, đầu tóc rối bù, quần-áo tả-tơi. Vũ đoán chừng là có người bệnh nằm kia, nên hỏi nó:

— Ai rên quá vậy em? Đau hả? Nó ngược lên nhìn Vũ một lần nữa, rồi cúi xuống. Vũ tưởng nó không chịu đáp lời mình, toan hỏi tiếp thì đứa bé đáp giọng cộc-lốc:

— Má tôi đau.

— Đau gì em? Có uống thuốc gì chưa?

— Thuốc hả ?

— Ờ !

Đứa bé nhìn mẹ nó, nổi :

— Tiền đâu có mà mua.

Người đàn-bà đang rên, vụt ngừng lại, kéo chiếu xuống nhìn Vũ. Chị ta toan ngồi dậy thì Vũ lắc đầu, nói :

— Chị nằm đi ! Tôi hỏi thăm cháu chứ không có gì.

Thấy mặt thiếu-phụ tái mét vì lạnh, Vũ thương hại hỏi :

— Chị đau hồi nào ?

Thiếu-phụ ngập-ngừng đáp :

— Dạ hai bữa rồi.

Vũ hỏi :

— Nhà chị đâu không về, lại ở ngoài trời như vậy chịu sao nổi ?

Chị đàn-bà lắc đầu :

— Dạ nhà đâu... có ông ! Tối tối, mẹ con tôi ngủ tạm bợ ở đây. Đau thì cũng nằm chịu vậy.

Vũ xem qua dáng-điệu thiếu-phụ rồi hỏi :

— Chị bị rét hả ?

— Dạ... Lâu lâu nó làm cứ hoài ông ơi ! Uống thuốc bao nhiêu cũng không hết.

Vũ thở dài. Chàng biết thiếu-phụ nói cho có nói, chứ làm gì có đủ thuốc để uống. Mỗi lần bị cứ rét có lẽ chị ta chỉ biết lấy sức mình chống lại... và cũng có thể uống bất kỳ thứ thuốc gì ? Chắc-chắn là chưa bao giờ chị được trị bệnh đúng phép.

Ở trên cõi đời này còn biết bao nhiêu người đau không thuốc uống !

Chưa bao giờ, Vũ có những ý-nghĩ sâu-xa như đêm nay. Có lẽ nhờ chàng chứng-kiến một cảnh sống quá náo lòng. Lương-tâm một bác sĩ lần đầu tiên được khơi dậy nỗi buồn thương trước một bệnh-nhân không được đ-ều-trị và không thuốc uống. Chàng nhớ ngày xưa khi bắt đầu lên Đại-học, chàng nuôi trong lòng bao nhiêu hoài-bảo..., nhưng khi ra trường rồi, cuộc sống sang giàu, hạnh phúc bên vợ đẹp con khôn, cứ đẩy đưa chàng đi tới..., và những hoài bảo trước kia cứ lụn dần theo năm, tháng.

Bây giờ nghĩ lại mà thấy xấu-hồ lấy mình !

Vũ lấy trong bóp ra một trăm bạc đưa cho thiếu-phụ rồi nói :

— Đây ! Chị cầm tiền này rồi sáng đi tìm thầy thuốc uống cho thật hết bệnh nghen. Đáng lẽ tôi trị bệnh cho, nhưng ở đây không có phương-tiện để tôi giúp chị. Chị nhớ nghe lời tôi.., đừng tiếc tiền. Hãy trị cho lành bệnh, chị lại có sức làm ra tiền.

Thiếu-phụ bàng-hoàng không biết nói gì. Đứa nhỏ đang múc cháo cũng ngừng tay nhìn Vũ.

Cả hai mẹ con vừa mừng, vừa sợ. Tại sao khách lạ lại cho tiền nhiều đến thế ? Ông ta toan lợi-dụng mình việc gì chẳng ?

Vũ đoán biết những ý-nghĩ trong đầu thiếu-phụ nên vội tiếp :

— Chị an lòng và cầm tiền lo uống thuốc. Tôi chỉ giúp hai mẹ con qua cơn nguy-ngập chứ không có gì khác đâu.

Thiếu-phụ run-run cầm lấy tiền, không biết mở lời ra làm sao để cảm-ơn Vũ.

Vũ lảng-lặng trở lại xe. Trong đầu chàng đang nổi lên bao nhiêu ý-nghĩ. Những ước-vọng ngày còn trẻ, đột-nhiên trở lại với chàng. Từ khi về nước đến giờ, chàng chỉ làm bõn-phận một bác-sĩ đối với các bệnh-nhân đến phòng mạch của chàng thôi. Họ được cứu giúp vì họ đủ tiền để trả công cho chàng. Nhưng còn bao nhiêu người ốm đau khác ở ngoài xã-hội, vì thiếu-hụt mà phải chịu cảnh đau không thuốc uống.

Tự-nhiên, chàng tin-tưởng sẽ thực-hiện được những điều ước-vọng ngày xưa. Chàng nghĩ đến bạn-bè đã cùng ở Bấp với chàng, hiện trở về nước và cũng mở phòng mạch như chàng. Ngày xưa, thi hợp nhau nơi xứ người, họ đã có lúc tâm-tình và cùng chung ước-vọng : Học thành-tài để hàn gắp ít nhiều vết thương xã hội. Nhưng từ khi về nước đến giờ, họ không có dịp gần nhau, để nhắc-nhở lại những ước-vọng khi xưa. Có người cũng không muốn nhắc chuyện đó vì cuộc sống đã thay đổi cả rồi.

NGỌC - LINH
(Đời mỗi người xưa)



Handwritten signature

ĐƠN - TỜ

1.— Tờ khai-trình

Tờ có mặt đồ-đạc

Tờ khai trình hay có mặt đồ gồm 3 đoạn:

- Đoạn: 1. Khai danh-tính, nghề-nghiệp, tuổi tác, căn-cước, địa-chỉ v. v...
2. Trình-bày nội-dung tờ-khai. Nêu lý-do xác-đáng về sự việc trên.
3. Câu xã-giao, cuối đơn.



1

ĐỀ BÀI : Tờ có mặt thẻ kiểm tra.

BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày... 1966

Kính gửi ông Cảnh-sát Trưởng Quận... Sài-gòn.

Thưa ông Cảnh-sát Trưởng,

Tôi tên Trần-v-X, thẻ kiểm-tra số 241.071 cấp ngày 10-2-1964 tại Quận tư Sài-gòn.

Trân-trọng kính trình ông Cảnh-sát-Trưởng: Nguyên ngày 19-1-1966, hồi 8 giờ kém 10 phút trên đường từ nhà đến sở làm tôi vô ý để xe vấp phải một viên đá to nên cả xe và người đều té lăn ra ngoài đường. Trong lúc bối rối, tôi đã vô ý để văng mất một cái bóp có giấy tờ, tiền và thẻ căn-cước số 241.071 cấp ngày 10-2-64 tại Quận tư Sài-gòn.

Làm đơn này trình ông Cảnh sát Trưởng đề làm bằng và yêu cầu ông Cảnh-sát-Trưởng vui lòng cấp cho tôi một phó bản, để làm giấy tờ tùy thân trong lúc đi đường.

Trong lúc chờ đợi, xin ông Cảnh-sát Trưởng vui lòng nhận nơi đây, với những lời cảm tạ trước lòng tri-ân chân-thực của tôi.

Kính đơn
TRẦN-VĂN-X

1. Người chứng thứ nhất...

Ký tên.	Tên họ.
	Kiểm tra.
	Nghề-nghiệp.
	Địa-chỉ.

2. Người chứng thứ hai :

Ký tên.	Tên họ.
	Kiểm tra.
	Nghề nghiệp.
	Địa-chỉ.

2. Đơn yêu cầu

Loại này nên viết thận-trọng hơn. Chữ viết phải rõ-ràng, đọc được, trình-bày khéo, câu văn gọn, đủ nghĩa. Lý-do xác-đáng, lời-lễ-lễ-độ.

Đơn yêu cầu cũng chia làm 3 đoạn :

1. Trình danh-tánh, tuổi tác, nghề-nghiệp cũ cấp bằng (nếu có) khả-năng chuyên-môn.
2. Trình bày yêu cầu :
 - a. Mục-tiêu yêu-cầu.
 - b. Lý-do yêu-cầu.
 - c. Khả-năng đảm-nhận.
3. Câu xã-giao cuối đơn.



2

ĐỀ BÀI : Đơn xin tái cấp học bổng.

BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày ... 1966

Kính gửi Ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

(Kính nhờ ông Hiệu-Trưởng trường Tiểu-học Trương-minh-Ký,

— Ông Ty Trưởng-Ty Tiểu-học chuyên-đệ).

Kính ông Bộ-Trưởng

Tôi Lê-đình-Triết, học-sinh lớp Nhứt A trường Tiểu-học Trương-minh-Ký.

Trân-trọng thỉnh-cầu ông Bộ-Trưởng vui lòng cứu xét cho tái cấp học bổng đệ-nhi bán niên niên-khóa 1965-66 vì gia-đình con hiện đang lâm vào cảnh túng bần, mẹ góa lại già, anh đi quân-dịch... Sự chấp-thuận của ông Bộ-Trưởng là một khích-lệ lớn lao trên đường học-vấn của chúng con.

Trong lúc chờ đợi, kính xin ông Bộ-Trưởng nhận nơi đây lòng tri-ân sâu rộng của tôi.

Kính đơn
LÊ-ĐÌNH-TRIẾT

Đính kèm . Học-bạ đệ nhất bán niên
(niên-khóa 1965-66)



THƯ - TÍN

Viết thư là một loại văn rất thông-dụng và cần thiết trong cuộc sống hàng ngày. Viết thư cho một người khác tức là dùng chữ thay lời. Dùng thư thay mặt, để nói với người ở xa. Cho nên, vẫn viết thư không cần cầu kỳ, bóng bẩy mà chỉ cốt cho gọn gàng, khúc-chiết, không mập mờ khó hiểu cũng không suông-sả lời thối.

Viết thư phải chú ý đến người mình gửi :

1. Người lớn tuổi có tư-cách địa-vị xã-hội : Giọng văn phải thận-trọng, lễ-độ, khiêm-tốn.

2. Người ngang hàng : Thân-mật, thực-thà, có khi trào lộng thêm một chút cho thêm tinh thần-mến.

3. Người nhỏ tuổi : Thăng-thần, vui-tươi.

Viết thư phải trình-bày đẹp-đẽ, đừng bôi cạo tẩy xóa, đừng tái bút. Chữ viết phải rõ-ràng đọc được. Mỗi bức thư gồm có ba phần :

a. Đầu thư : Ngày, tháng, câu xưng hô.

b. Nội-dung : (Kính ba, thưa anh v.v...)

c. Cuối thư : Câu chúc tụng thường lệ và ký tên.



1

ĐỀ BÀI : Xa quê lâu ngày, hãy viết thư về thăm Mẹ.
Nói những cảm-tình thiết tha của trò đối với những người thân-thuộc.

BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày ... tháng ... 1966

Kính thưa mẹ,

Trời Sài-gòn nóng-bức, nằm, n òi, ăn, ngủ ở đâu cũng có bóng mặt trời theo dõi. Con nhớ nhà quá Mẹ ơi ! Nhớ những con

gió mát rợi ở đồng-quê, mẹ con mình ngồi dưới gốc cây ăn khoai mì nóng hổi rồi giải khát bằng nước dừa tươi ngọt-ngào. Mẹ bảo con nhảy xuống hồ tắm mát. Con mừng quá, chạy bay lại bờ hồ nhảy ùm xuống nước. Làn nước trong veo mơn-man da thịt làm mát rợi cả tâm-hồn. Con đùa giỡn với những cánh bèo xanh và con chó Lu đang đứng trên bờ hồ kêu ăng-ăng. Lúc ấy con thấy Mẹ nhìn con. Vầng trán sâu-thẳm và tia mắt mơ-màng của Mẹ âu-yếm đến bên con. Con biết Mẹ đang nghĩ đến con, đang chuyển cái tình-thương rạt-rào trong lòng mẹ đến cho con...

Con sung-sướng vô ngần Mẹ ơi! Rồi con đến bên Mẹ, dưới tàng cây xoài già, bóng che mát rợi. Nằm trong lòng Mẹ con nghe sự sung-sướng của Mẹ và cả của con hòa tan trong hơi thở toát ra trong sự im-lặng và cuối cùng chuyển hóa sang đến với ngàn cây nội cỏ.

Mẹ ơi! Bây giờ mẹ ở đâu? Đang làm gì? mẹ có nhớ con không? Con nhớ tất cả, từ em Thành, chị Cao thằng Quít rồi cả đến những bụi cỏ lùm cây. Những kỷ-niệm êm-đềm, những món ăn đồng-nội, những buổi trưa hè có tiếng quốc kêu buồn não-nuột hay những đêm trăng vàng êm-ả. Con nhớ nhà lắm! Mong đến ngày bãi trường con về quê thăm Mẹ...

Trời Sài-gòn vẫn oi-bức, cái oi-bức bắt người ta thêm khát cái hồ nước trong veo, những cơn gió hiu-hiu ở đồng-quê hay ở bờ biển. Con vẫn học-hành điều hòa có phần tiến bộ hơn lúc trước. Mẹ cứ yên-tâm, tình yêu-thương bao-la của Mẹ là nguồn động-lực dưỡng nuôi và thúc-đẩy con học tập. Con quyết không để phụ lòng Mẹ mong ước. Đòi lúc mệt-mỏi hay bị bạn bè cảm-đổ là hình-ảnh của Mẹ đến với con.

Năm nay, con hy-vọng được phần thưởng danh-dự. Lúc nào con cũng dẫn đầu về môn toán và sinh-ngữ. Con sẽ gửi tiếp những tấm bằng danh-dự của con về cho Mẹ. Con hứa với Mẹ phần trống dưới khung kiến lộng những bằng danh-dự của con gửi về cho Mẹ, sẽ có những bingk của con gửi tiếp.

Chuông nhà thờ giục-giã. Ánh sáng đã len qua khe cửa phòng. Con sửa soạn đi học đây. Mẹ cho phép con dừng bút. Mẹ nhớ chuẩn bị bánh « xèo » cho con nhé! Con nhớ « nó » lắm! Chúc mẹ yên-lành trong giấc ngủ.

Con của Mẹ



2

ĐỀ BÀI : Trò có ý-dịnh muốn thôi học chữ để quay sang học nghề. Viết thư về cha mẹ để trình-bày những lý-do thuyết-phục cha mẹ nghe.

DÀN BÀI

(xem dàn bài kèm)

BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày . . . tháng . . . 1966

Thưa ba,

Chiều hôm qua đọc ý-kiến của ông Hồ-hữu-Tường về vấn-đề cải-tổ giáo-dục đăng trong tạp-chí « Hòa Đồng », con nằm thao-thức mãi, không ngủ được. Không phải là một vấn-đề mới mẻ gì bởi trước đây đã lâu, con từng nghe ba nói. Nghe những người hiểu biết đề cập đến nhiều lần. Nhưng lần này nó ảnh-hưởng trực-tiếp đến con, đến quãng đời tương lai con cho nên con cứ đắn-đo suy-ngĩ mãi. .

Cuối cùng con quyết-định thi vào trường Kỹ-Thuật, học nghề máy. Tuy nhiên, con cũng phải hỏi ý-kiến ba mẹ, bởi bậc sinh-thành bao giờ cũng lịch-lãm việc đời, trông thấy lợi-hại sâu-xa hơn con và lúc nào con cũng vâng lời cha mẹ, không muốn làm một việc gì mà không được ba cho phép. Con biết ba nhia xa lắm! Dù vậy, con cũng xin phép ba trình-bày một vài lý-do đưa đến sự quyết-định này.

Thưa ba, cái hiểu biết hẹp hòi của con qua sách báo và nhận-xét, con thấy rằng khi người Pháp dứt áo ra đi và người Mỹ đặt chân lên xứ sở chiến-tranh này, mọi sinh-hoạt đều đảo-lộn... Cái văn-minh tinh-thần của Pháp và văn-minh kỹ-thuật của Mỹ đụng-độ nhau trên mảnh đất này. Người Pháp ngày xưa chỉ muốn đào-tạo một số nhân-viên văn-phòng phục-vụ cho guồng-máy cai-trị của họ. Chủ-trương này lại phù-hợp với quan-niệm « nhứt sĩ nhì nông » của ta nên những thầy thông, thầy ký, quan-quận là giai-cấp mong-ước của mọi người. Trong dân-chúng ai cũng mong con cái mình đỗ-đạt, khoa giáp rõ-ràng với làng nước.

Ngày nay khác hẳn, nền kỹ-nghệ từ giai-đoạn thô sơ đã bắt đầu lớn mạnh. Những thợ chuyên-môn, những kỹ-sư, những chuyên-viên trở nên quá cần-thiết. Trong những xứ tân-tiến, mức sống của một người thợ có thể tương-đương với một giáo-sư.

Không xa, ngay trong xứ mình, ba thấy không ? hiện mức sống của một công-chức trung bình rất thấp so với đồng lương của một người thợ máy, một tài-xế giỏi.

Con nghĩ rồi đây đất nước mình có ngày cũng vươn mình tiến tới. Sau chiến-tranh, giai-đoạn kiến-thiết rất cần những bàn tay chuyên-môn, những bàn tay góp phần xây-dựng quê-hương thành một nước kỹ-thuật tân-tiến... để góp mặt với các bậc đàn anh ở năm châu, bốn biển.

Vả lại, nghề máy móc lại thích hợp với con. Con thích sửa-chữa xe cộ, hoặc làm công việc gì đòi hỏi sự khéo-léo tay chân. Vì vậy, con xin ba vui lòng cho con theo đuổi chí hướng của con.

Được thư, ba cho con biết ý định của ba. Mong rằng ý kiến của con làm ba vui lòng. Kính thăm ba má và tất-cả bà con thân-quyên.

Kính thư

Con của ba
LÊ-ĐÌNH-THẠC



ĐỀ BÀI : Bức thư hậu-phương.

BÀI LÀM

Hậu-phương, mùa lạnh 1966

Anh,

Hôm nay, trời bỗng nhiên trở lạnh. Từng đợt mây trắng phiêu-lãng trên nửa mảnh trời xám ngắt. Một ngọn gió lạ từ phương xa mang hơi thở ướt-át của lòng đất lên nhẹ trong tâm-hồn, thấm sâu vào thớ thịt. Cái khí trời lành-lạnh giữa khoảng giao thời của

một mùa mưa ngập-ngừng ra đi và một mùa lạnh thập-thò muốn đến, gọi một cảm-xúc băng-khuâng, một niềm nhớ nhung man-mác...

Ngày nào, anh ra đi trong tiếng gọi nghẹn-ngào của mẹ, trong tiếng thờ dài ngao-ngán của chính anh. Bây giờ anh ở đâu ? Đã hơn mười năm rồi ! Đã hơn mười lần lá rụng mà anh em chúng mình vẫn còn xa cách ! Buồn quá anh nhỉ !

Giờ này anh đang đi hành quân trên một cánh đồng lầy-lội, trên một sườn núi chênh-vênh hay đang nằm trong một vọng gác cô-đơn ném tầm mắt nhìn sâu trong núi rừng hun-hút.. Anh có thấy gì khác lạ ? Tiếng lá rừng xào-xạc, cơn gió buốc thê-thảm làm anh phải bỏ vội cánh áo trận bạc màu, khúc nhạc rừng đang tấu một bản đàn nức-nở mà tâm-tư em là một âm-thanh gửi đến anh từ vạn dặm một lời tạ lỗi mà bấy lâu em nuôi dưỡng trong lòng.

Đã hơn mười năm trong đời, em mang một mặc cảm — nói đúng hơn — một ác-cảm khốc-liệt đối với các anh, những lớp người đã từng đi với Pháp quay mũi súng dí vào thân-thể của những chàng trai anh-dũng ngẩng mặt kiêu-hãnh nhặt lấy cái chết vinh-quang trong những ngày non nước vùng lên như vũ-bão.

Em lớn lên trong cái không-khí hãi hùng của chiến-tranh, trong cảnh tàn-sát man-rợ của thực dân Pháp. Cho nên, nhìn anh «kiêu-dũng» trong bộ y-phục nhà binh Pháp mà em tủi thẹn trong lòng ! Một niềm xót-xa tủi-nhục pha lẫn một chút căm-hờn oán-hận làm đau nhói tim em.

Nhìn cảnh quê-hương điêu-tàn, làng-mạc nức-nở bên những vành khăn tang trắng xóa, em đau một niềm đau không tên tuổi. Bây giờ, chiến-tranh vẫn tiếp-diễn nhưng trận-tuyên đã đổi thay. Bây giờ em mới xem các anh là người chiến-sĩ, đúng như ý-nghĩa của nó.

Anh đem cái chết để tìm lấy cái sống, cho hàng triệu người dân Việt... Thân-thể anh chết đi nhưng chính anh còn sống mãi-mãi..., sống muôn thuở trong lòng người. Rồi đây, đồng-xanh bát ngát. Ruộng lúa xanh rờn, nhà nhà sẽ rộn tiếng cười đùa của trẻ thơ. Hình-ảnh các anh bây giờ oai-hùng biết bao nhiêu ! Vết chân anh hằn sâu lên lòng đất mẹ, mồ-hôi anh tưới lên ruộng vườn, đâu đâu bóng anh cũng in lên nền trời xanh như một vị thiên-thần.

Anh ơi ! em vội biên thư xin lỗi các anh vì bấy lâu cái mặc cảm vẩn-vật đè nặng trong tâm hồn. Bây giờ, anh đã có em. Anh

ở tiền-tuyến, em ở hậu-phương. Hậu-phương hay tiền-tuyến cho là hai danh-từ. Thực ra làm gì có hậu-phương và tiền-tuyến anh nhỉ? Ở đâu cũng là trận-tuyến trong cuộc chiến-tranh này.

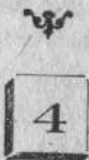
Sau lưng các anh còn có các em. Các anh sống là các em sống, các anh hy-sinh thì các em tiến tới. . . Lớp trước ngã, lớp sau sẽ đứng lên. Các anh đừng lo-lắng nữa... Lúc nào chúng em cũng ở bên anh.

Tuy bây giờ em còn nhỏ tuổi nhưng đã chuẩn-bị mọi thứ hành-trang cần-thiết và một võ khí tinh-thần đủ sức nối tiếp con đường các anh.

Em biết anh khờ-cực, vất-vả trăm chiều ! Nắng mưa, sương tuyết, chết-chóc, buồn nhớ bao giờ cũng ở bên anh. Viết thư an ủi các anh là điều khách-sáo ở lứa tuổi các em. Nhưng viết thư bày tỏ tấm lòng các em, đề mong các anh hiểu cho rằng chúng em lúc nào cũng ở bên cạnh các anh và vẫn sẵn-sàng tiếp-nối con đường các anh đi... Chúc anh gạt hái nhiều chiến-công rực-rỡ và hẹn ngày trở lại quê-hương trong khúc khải-hoàn rộn-rã.

Em anh

TRẦN-CỨU-LONG



ĐỀ BÀI : Trò hãy mượn bức thư của người chiến-sĩ gửi Mẹ và khuyên em gái của mình hãy rèn luyện tinh-thần cứng-rắn đừng sờn lòng, nản chí trước khó-khăn.

BÀI LÀM

Oanh,

Nhờ một sự tình cờ, tôi đã được những giòng chữ dưới đây, nguyên-vãn bức thư của một quân-nhân gửi về gia-đình trước kia anh nhận lãnh sứ-mạng quyết-tử, và tôi kể lại Oanh nghe.

Mẹ? Đây là những lời sau cùng con thưa với mẹ, rồi đây chúng sẽ gọi trong lòng mẹ nhiều kỷ-niệm xót-xa. Con biết đã

làm cho mẹ khổ, nhưng làm sao hơn được Con chỉ có một điều sau cùng nói với mẹ là con của mẹ không đơn hèn, con đã dám nhận và làm đầy-đủ nhiệm-vụ dù hết sức khó-khăn, con cũng không do-dự trả giá bằng cái chết của chính thân mình. Con không bao giờ trở về dưới mái nhà thân-yêu của mẹ nữa. Nhưng xin mẹ đừng khóc và hãy kiên-hãnh vì con, mẹ biết tính con khi còn quanh quẩn bên mẹ, lúc nào con cũng muốn mọi người được sung sướng, được yên vui, được nhìn vào tương-lai mà không chút hồ-thẹn.

Con chết giữa lúc tuổi còn trẻ lắm. Con biết như vậy, tuy-nhiên con còn biết thêm một điều khác nữa là : những gì con mơ-ước còn sống mãi-mãi.

Rồi đây lúa xanh sẽ mọc trên đồng ruộng bát-ngát, rồi đây lũ trẻ thơ sẽ luôn-luôn vui-sướng nô-đùa. Chỉ nghĩ đến thế thôi con đã hiểu ngay rằng con của mẹ sẽ sống đến muôn ngàn đời. Cái chết của con không ảm-đạm như một hồi chuông tang-tóc mà là một khoái-lạc chứa-chan hy vọng.

Lá thư chỉ vồn-vẹn có thế, nhưng thật buồn nhưng cũng thật đẹp, thật cao-quý.

Tôi kể lại cho Oanh nghe vì những gì nói trong thư ấy không phải chỉ gửi riêng cho người mẹ ruột mà là gửi cho tất cả cho tôi, cho Oanh để chúng ta nhận thấy thâm-trạng và thân-phận của chúng ta hiện tại.

Oanh ơi ! Tôi không hề có ý làm em buồn thêm đâu, tôi biết em đã lớn lên trong loạn lạc, trong những thử-thách gay-go. Ngay từ lúc em sinh ra, đời sống chẳng yên-bình tươi-sáng. Có lẽ lứa tuổi em là lứa tuổi chịu nhiều thiệt-thòi nhất. Tang-tóc và súng đạn xảy đến không ngừng.

Đề chống đỡ với nghịch-cảnh.

Đề chống đỡ với nghịch-cảnh Oanh cần phải có một tinh-thần phi-thường, nếu không hết thảy sẽ buông trôi, hết thảy sẽ tuyệt-vọng. Càng buông trôi, càng tuyệt-vọng, càng dấn, ta vào con đường không lối ra.

Tinh-thần phi-thường ấy là chịu đựng và sẵn-sàng đón nhận tất cả những thương-đau với một thái-độ cao-quý.

Đừng trốn chạy chúng như lối con chim đá-điều mỗi lần gặp tai biến liền chúi đầu xuống cát, đừng tìm cách quên chúng bằng hành-động tội-lỗi.

Đau khổ cũng như các vì sao trên trời và muôn ngàn hoa dưới đất. Các vì sao và muôn ngàn hoa được sinh ra để làm cho thiên nhiên đẹp hơn lên, thì đau khổ cũng có mục đích riêng của nó là tạo sự thăng hoa cho con người.

Nhạc sư Beethoven nói rằng : « Vượt qua cơn gió bão cuồng bạo mà lên thật cao ».

Nghe tôi Oanh nhé !

Và trước khi đi ngủ em hãy tâm niệm câu này : « Một người con gái không đau khổ thì chẳng khác gì bà hoàng-hậu không vương-miền. Một người con gái không biết đến nỗi đau khổ của người khác là một bông hồng thiếu hương thơm. »

VIỆT - CHIẾN



ĐỀ BÀI : Một học-sinh ở tỉnh lên đô-thành ăn học. Trò này lại lêu-lổng chơi-bời, học thói du-đăng Trò hãy ở địa-vị người mẹ viết thư khuyên con trở về đường học-vấn.

DÀN BÀI

- I. **Nhập đề.** — Ngày tháng — Lời xưng hô.
- II. **Thân bài.** — 1. Tâm-trạng lo buồn của người mẹ khi hay tin con lêu-lổng, chơi-bời.
2. Những điều khuyên-răn thiết-tha của mẹ (kèm thí-dụ xác đáng).
- III. **Kết-luận.** — Lời mong-mỏi của người, chúc cho con sớm lĩnh-ngộ để học thành tài.

BÀI LÀM

Định-tường, ngày 2 tháng 3 năm 1961.

Con của mẹ.

I. Con có thể tưởng-tượng được nỗi buồn-khổ của mẹ đến mức nào không ? Suốt đêm qua mẹ trần-trọc không ngủ được, khi hay tin con lêu-lổng chơi-bời, bỏ cả học-hành, thi-cử,

II Con của mẹ hư-đốn đến thế rồi ư ? Thật mẹ không ngờ nhà ta vô-phúc quá ! Thời thế là hết ! Bao nhiêu hy-vọng mà mẹ đặt vào con với tất-cả lòng tin-tưởng, đều tan theo mây khói Đưa con yêu-quí và siêng-năng của mẹ nay đã trở thành một tên du-đăng... Hai hôm rồi mẹ chẳng bán-buôn gì cả. Người ta ở đời có hy-vọng mới làm việc nôi, riêng mẹ — mẹ còn hy-vọng vào đâu mà làm việc nữa con.

Dững ơi, đời mẹ chỉ có một mình con là nguồn an-ủi duy-nhất. Qua những lúc buồn tảo bán tần, thức khuya dậy sớm, nhin ăn nhin mặc, chắt mót từ đồng, từ các, là mẹ nuôi một hy-vọng cho con ăn học thành tài. Dù cực-khổ vất-vả bao nhiêu mẹ cũng không phiền. Lúc ở quê nhà, con đã từng chứng-kiến nỗi nhọc-nhân ngược xuôi của mẹ. Có những khi, dòng sông nước chảy như cát, trời tối như mực, một mình một thuyền, mẹ chèo dưới cơn mưa tầm-tã. Mẹ lạnh run, chân tay mỏi rừ. Như ng hình ảnh tươi-cười của con bỗng hiện ra làm mẹ quên cả gian-nan, nguy-hiêm. Thế mà nay con nỡ phụ lòng mẹ : Con đang-tâm đề người mẹ già bạc tóc sống trong tuyệt-vọng ư ? Mẹ không tin vậy. Dù sao, đức-tinh cương-ng nghị và cuộc-đời liêm-sĩ của cha cũng còn ảnh-hưởng đến tâm-hồn con ít nhiều.

Con ! Mẹ vẫn biết con trẻ người non dạ, lại ở vào tuổi ham vui. Nhưng vui phải có chừng-mực. Thái quá, có hại đến sức-khoẻ, lẫn tinh-thần, mang bệnh-tật. Nhất là con đừng học thói du-đăng. Nó làm mất cả phẩm-cách của mình, như danh-giá ông cha Học-hành là điều quan-trọng. Ở t.đời con mà bê-trẽ, hoang-phí thời-giờ, thì sau này con ăn-năn không kịp. Hình-ảnh của cậu Tư ở làng mình chưa đủ làm con kinh-sợ sao ? Giàu có thế kia mà thuở nhỏ chỉ lo đàng-điểm rồi sinh nghiện đến phá-sản. Nay, cậu trở thành phế-nhơn, dở sống dở chết, đi van-lạy ăn xin từ đồng. Mẹ tin rằng con của mẹ vẫn còn đủ lương-tri xét đoán việc đời.

Hiện nay cuộc sống là một trường tranh-đấu gay-go. Ngay từ bây giờ, cũng chưa phải là muộn, con phải cố-gắng lèa mà đua chen với đời. Muốn được vậy, con hãy từ-bỏ những thói chơi-bời du-đăng, lo chăm-chỉ học-hành. Không tiến tức là lùi. Một ngày kia, con sẽ thấy thua kém thiên-hạ. Các bạn con sẽ thành-công chối-lợi trên đài danh-vọng, còn con thì e-thẹn đứng dưới thấp nhìn lên. Chừng ấy con sẽ thấy, bao nhiêu là túi-nhục, đàng-cay.

Con thấy những bậc danh nhân, những trang anh-hùng công-nghiệp hiên-hách, thuở ấu-thời có chơi-bời lâu-lững như con vậy không ? Và lại, Tổ-quốc đang đón chờ những đứa con yêu, những thanh-niên tuấn-tú., xã-hội đang mong những người tài-giỏi, và riêng mẹ, mẹ hy-vọng con trở lại đường học-vấn sau khi tiếp được thư này.

Con ơi ! Con đừng làm mẹ thất-vọng, buồn phiền. Mái tóc mẹ sẽ bạc màu thêm. Mẹ năm nay đã ngoài sáu mươi rồi, mẹ nuôi-nấng cái hy-vọng cuối cùng là thấy con nên người xứng đáng, nối chí ông cha. Lúc ấy, mẹ sẽ ngậm cười mãn-nguyện dưới ba tấc đất.

Có tiếng gà gáy sáng. Mẹ sửa-soạn đi mua tem gửi thư cho con đây. Qua nỗi-niềm hân-hoan rạt-rào, mẹ tưởng-tượng đứa con yêu của mẹ đọc thư này với những dòng nước mắt ăn-năn...

Mẹ của con



ĐỀ BÀI : Đứa con vì hiếu làm nên giận Mẹ bỏ nhà ra đi. Ở địa-vị người Mẹ trò viết thư cho con và thuyết-phục cho con trở về.

BÀI LÀM

Thanh, con trai yêu quý của mẹ !

Con ơi, giờ đây con đang làm gì ? Con có biết chăng mẹ thao-thức nhớ thương con ? Mỗi làn gió thoảng qua là mỗi làn lòng mẹ se-thắt !

Đã mấy đêm rồi, mẹ ngồi đối bóng bên ngọn đèn dầu leo-lét, nghe tiếng thời-gian chầm-chậm lướt qua trên mái tranh tả-tối, để đợi mong con.

Tiếng lá rơi xào-xạc nơi ngõ vắng, mẹ tưởng tiếng chân con bước, mẹ vội chạy ra chực ôm con vào lòng, cho bỏ nỗi ngóng trông, nhưng mỗi lần như vậy là mỗi lần mẹ thất vọng, quay vào với hai hàng lệ lăn dài xuống má !!!

Con ở đâu, sao không về với mẹ ! Hồ lệ mẹ đã khô cạn gần hết vì nhớ con đó, con ơi !

Con rất thương của mẹ ! Con có biết chăng, con ra đi, để lại cho mẹ nỗi buồn-đau, tủi-hận ? ! Con đi, mẹ mất tất cả, vì con là niềm an-ủi, là nguồn vui-tươi, là hạnh-phúc duy nhất của đời mẹ.

Con ơi ! Sờ-dĩ mẹ gắng-gượng sống đến ngày hôm nay, cũng vì thương con. Mẹ không nở nhẫn-tâm mang con theo về cõi chết khi con còn nằm trong bụng mẹ ; cũng như mẹ không đành để con bơ-vơ, côi-cút giữa cuộc đời, nên mẹ cố bám víu lấy sự sống chịu bao nhục-tủi, đắng-cay, mặc người đời mỉa-mai, khinh bỉ ! Cực-nhọc, gian-lao ; đội sương, dãi nắng mẹ chẳng màng, miễn sao con được no-ấm yên-vui, tương-lai con rứt-rỡ, ấy là niềm hy-vọng và tin-tưởng của mẹ, giúp mẹ phấn-khởi, thêm nghị-lực chiến-đấu với đời.

Vì một hoàn cảnh trái ngang mẹ và ba con không chung sống được khi con còn là một bào thai trong lòng mẹ.

Khi con cất tiếng chào đời, lòng mẹ nhẹ-nhõm, khoan-khoái. Lần đầu tiên âm con trên tay chăm-chú nhìn khuôn mặt xinh-tươi mồm-mím, thoáng chốc mẹ nhớ đến ba con... Người có biết chăng con ra đời dưới mái tranh tối-tàn, bên người mẹ đơn-côi ? ! Bỗng nhiên niềm xúc-cảm dâng lên, ngăn lệ mẹ rưng-rưng chảy thắm trước mặt con...

Mới sanh được năm hôm, mẹ phải bắt đầu làm việc, vì không đủ tiền mua vú nuôi. Tuy vậy nhờ có con, mẹ ham sống hơn lên. Dầu không đói, mẹ cũng rán ăn thật nhiều, mong có sữa con bú no lòng. Lúc con chơi, mẹ vui tươi phấn khởi, khi con đau yếu, mẹ lo-âu buồn khổ. Mẹ giữ-gìn từng li từng tí ; mỗi đêm trước khi nhắm mắt, mẹ lắng nghe, nếu có tiếng muỗi vo-ve, mẹ phải thắp đèn chụp cho bằng được con muỗi, sợ nó lần trong nùng hút máu con của mẹ. Những khi trời hè oi-bức, mẹ quạt coi trâu canh hoặc lúc tiết đông lạnh lùng, mẹ áp con vào lòng để chuyển hơi ấm sang con. Thậm chí, đôi lúc mẹ muốn ôm siết con nựng-nịu cho thỏa lòng thương, song vì sợ con đau, mẹ đành vuốt ve nhẹ-nhẹ. Mẹ cưng con hơn trứng mỏng, mẹ quý con gấp bội ngọc vàng.

Có lần năm lên bốn tuổi, con bị đau ban rất nặng, nằm thiêm-thiếp trong cơn mê. Mẹ quỳnh cả lên, suốt ngày cứ gồi bên con

không thiết gì đến ăn uống. Chốc-chốc mẹ lại đặt tay trên ngực con, thăm chừng nhịp tim con đập, mẹ cứ sợ dại : con bỏ mẹ con đi...! Giá lúc ấy có ai dùng những hình-phạt gì nặng-nề, đau-đơn nhất hành hạ mẹ, để cứu con thoát khỏi cảnh hiểm nguy mẹ sẽ vui lòng nhận lãnh tất-cả. May nhờ Trời Phật thương tình phù hộ, hai tháng sau con qua cơn bạo bệnh, mẹ sung-sướng hơn được vàng. Giữ đúng lời khấn nguyện, mẹ ăn chay ròng một tháng trời.

Con khôn lớn dần, mẹ phải rón sức làm việc nhiều hơn. Ngày buồn gánh bán bưng, đêm lãnh đồ may thuê vá mướn, mong tìm được nhiều tiền nuôi con sung-sướng đầy-đủ.

Tối-tối-dưới ánh đèn dầu, hai mẹ con ngồi bên nhau : mẹ may vá, con học-hành. Thỉnh-thoảng tay ngừng mũi kim, nhìn con cầm cúi vào trang sách, lòng mẹ lâng-lâng cảm-động.

Con càng lớn càng giống ba con như đúc. Vóc dáng thon-thon, nước da sáng-sủa, gương mặt trái xoan phúc-hậu, vầng trán cao biểu lộ sự thông-minh, đôi mắt đen lái tiêm-tàng vẻ khôn-ngoaan lanh-lợi, nhất là đôi môi luôn đỏ như thoa son. Có thể nói : con là phản-ảnh của ba con lúc xuân thời.

Ngày-ngày mẹ ngồi tựa cửa, hồi-hộp ngóng trông con từng giây phút. Con ơi, đừng để mẹ phải mỗi-mòn trong chuỗi ngày chờ-đợi nghe con !

Đã mất một người, con đừng để mẹ phải mất thêm con, Thanh ơi ! Mẹ sẽ chết mất, nếu con không về cùng mẹ !

Gió lạnh-lùng lùa qua khe cửa hòa với nổi cô-đơn của lòng, khiến mẹ run lên trong tê tái ! Đồng-hồ nhà bên lanh-lảnh buông đều ba tiếng giữa không gian vắng-lặng. Chẳng biết đèn đã cạn dầu, chiếu ánh sáng le-lói hay tại ngăn lệ đọng ướt bờ mi, mà mắt mẹ mờ đi trước trang giấy !...

Mẹ không còn thấy gì nữa cả. Thôi mẹ đừng bút nơi đây.

Theo SONG-THANH
(Tiểu-thuyết thứ năm)



7

ĐỀ BÀI : Nhân dịp Tết, để tỏ lòng biết ơn người chiến-sĩ nơi chiến-tuyến, trò hãy viết thư thăm người anh họ đang chiến-đấu ngoài trận-địa.

BÀI LÀM

Xuân Bình-Ngọc 1966

Anh Tâm,

Tết này vắng anh, cả nhà đều mong nhớ... Không khí chiến-tranh bao-trùm cả làng-mạc và đô-thị. Cái Tết mất gần trọn vẹn ý-nghĩa của nó.

Năm nay, vắng anh, các chị thì ở xa không về được, nhà chỉ còn em, thằng Thắng và Mẹ. Bàn thờ Ba, khói hương nghi-nghút cũng không làm ấm lại được cảnh gia-đình. Chân-dung Ba cô-độc lơ-mờ sau làn khói hương mờ-áo... Cảnh nhà thêm vắng-lặng buồn-bã.

Em nhớ anh quá anh Tâm ơi ! Đã hai mùa Xuân rồi vắng bóng anh, chúng em rất buồn ! Cái Tết hậu-phương cũng không vui-sướng gì bởi chiến-tranh tàn-phá khắp nơi.

Làng quê của mình bây giờ xơ-xác lắm ! Con rạch xưa kia anh em mình thường tắm mát, thả bè chuối hoặc chơi « trốn kiếm », bây giờ hoang vắng, um-tùm cỏ mọc — Con sông tiêu-diêu, dòng nước lặng-lẽ. Bên kia bờ, cây cau già in bóng lên nền trời xanh, cô-độc như một ông lão mỗi-mòn tựa cửa trông con.

Ngôi chùa đã sụp đổ từ lâu. Vị sư già may-mắn sống sót dù g chiếc mái phía Tây làm nơi trú ẩn. Ngày ngày vẫn ê-a một cách tuyệt-vọng, lời kinh sám-hối.

Buồn quá anh ơi ! Đâu đâu cũng thấy điêu-tàn đồ nát, Năm nay anh đi đã hơn hai năm rồi, hai cái Tết, hai mùa Xuân trong tao-loạn và dòng thời-gian nhuộm đen mái tóc của Mẹ.

Chiều nay, Mẹ ngồi thẩn-thờ bên song cửa. Xa xa tiếng súng đi-đùng vọng lại. Đôi mắt sâu thẳm của Mẹ nhìn về phía xa-xăm... Có lẽ để tưởng nhớ bóng hình anh đang đi biệt-biệt...

Chiến-tranh đã tàn-phá khắp nơi nhưng chưa tàn-phá được lòng con người. Mẹ rất kiêu-hãnh vì anh, đứa con yêu của Mẹ nối tiếp được chí-khí của Ba. Dòng máu gia-đình anh em mình vẫn còn giữ được cái hào-khí ông cha. Anh yên lòng làm nghĩa-vụ của người trai thời-loạn.

Nơi hậu-phương, tuy có buồn vì sự vắng bóng anh trong những ngày xum-họp gia-đình, nhưng em vẫn kiêu-hãnh vì anh.

Anh an lòng. Trong cảnh vắng-lặng u-buồn của gia-đình trong những ngày Xuân trong nỗi nhớ mong ngày tháng của Mẹ, chúng em vẫn trang bị được một niềm tin-tưởng trong lòng, một niềm tin-tưởng cần-thiết cho Mẹ, cho em và cả quê-hương nữa.

Cầu trời anh mạnh và vững niềm tin chiến-đấu chống kẻ thù đang cố mang một vùng trời u-ám, chụp lên trên đầu anh em chúng ta.

Kính thư
Em LÝ-ĐÔNG-NAI



Những tài-liệu đọc thêm

1.— MỘT BỨC THƯ

Em thân-mến.

Đã lâu lắm anh hứa tặng em một món quà. Thế mà lần nữa ngày này qua ngày khác, em vẫn chờ-đợi và anh vẫn không làm được công-việc dễ-dàng ấy ! Không phải bởi anh quên đâu — em cũng biết trí nhớ của anh dai-dẳng lắm mà — nhưng chỉ vì anh không biết phải tìm được một món quà như thế nào mới xứng-đáng với em.

Nhưng bây giờ anh đã tìm được, anh thích-thú đã tìm được : anh sẽ viết tặng em một cuốn truyện.

Chiều nay, Sài-gòn mưa tầm tã và dưới cơn mưa, anh tiên đưa một cháu gái nhỏ, con đầu lòng của một người bạn anh. Khi anh mới tới, bạn anh gượng cười nắm tay anh cảm ơn, nhưng khi chiếc quan-tài bé nhỏ kỳ lạ hạ huyết, khi những xẻng đất nhào

được đổ xuống, nước mắt của bạn anh chảy dài trên má. Bạn anh hoảng hốt kêu lên một tiếng « Con » vô-nghĩa, và chân tay run-rẩy trong một cơn sốt khổ-đau.

Anh có thể kể thêm với em hàng trăm, hàng ngàn hay bao nhiêu nữa, những nỗi khổ-đau đời sống. Anh đã may-mắn và bất-hạnh được chứng kiến những cảnh trụy lạc cùng cực ở đời và anh không rời bỏ được lối bán-khoản tự hồi khi người ta không được bằng một nửa con vật về mọi phương-diện, người ta có lý-do gì để thiết-tha với sự sống hay không ?

— Có, có lẽ có, em ạ, chúng ta phải cố gắng tin là có, chúng ta phải cố-gắng chứng minh là có, để trước hết tự cứu thoát chúng ta ra khỏi những nhọc-nhàn của thể xác và tâm-hồn, nhất là tâm-hồn.

Em thân mến,

Đất nước chúng ta đã hai mươi năm chìm đắm trong loạn lỵ. Từ ngày em ra đời, em đã nghe nhiều tiếng súng. Mẹ đã ấm ngửa em phiêu-dạt trong những lần chạy loạn. Em đã mất nhiều người thân-yêu.

Điều anh xót xa là trong hình-ảnh trong sáng của em, có một vẻ gì buồn tủi. Nhiều lần anh nhắm mắt nghĩ tới em, trong khoảng đen của thị-giác, em hiện ra như một đốm sáng nhỏ nhoi. Anh vốn không có đức tin, vậy mà anh đã cầu-nguyện cho đốm sáng ấy không bao giờ tắt, dù chỉ là đốm sáng nhỏ nhoi.

Bởi vì em là hình-ảnh hy-vọng. Không ai có quyền tước đoạt sự sống của em, vì sống là một quyền bất khả-nhượng. Không ai có quyền kiêu-hãnh vươn đôi bàn tay độc ác che lấp ánh sáng mặt trời để giam hãm em trong tối tăm. Không ai có quyền đem bom đạn thay thế cho lời ca. Không, không ai có những quyền ấy... Trái đất và sự sống còn mênh-mông, mỗi người đều có một địa đàng đời sống, đâu có chật hẹp đến nỗi phải giành nhau, đâm chém, thù hận và nguyên-rủa lẫn nhau.

Anh bắt đầu cuốn truyện này bằng một bức thư gửi cho em, Viết là một nỗi an-ủi khôn cùng đối với anh. Anh sống lẫn-lộn với nhân-vật của anh, điều ấy giúp anh đánh lừa nỗi cô-đơn ghê-rợn của mình. Tìm kiếm được đôi chút sự cảm-thông của người đọc, anh cảm thấy thoải mái lạ-lùng.

Hình như anh vừa nói đến cô đơn ? Đó là sự trừng-phạt nặng nề nhất của Thượng-Đế. Thượng-Đế đã bắt loài người phải chung sống một cách lẻ-loi, phải phân chia và xa cách nhau bởi những biên-giới hoàn-toàn giả tạo. Nếu tất cả chúng ta cố-gắng phá bỏ biên-giới ấy, cố-gắng cảm-thông và yêu-thương nhau bằng một tình-yêu vô vị lợi, cố-gắng trong một giờ để sống, dành một phút để nghĩ tới người khác thì anh không mơ tưởng một thiên-đường nào mà sung-sướng biết bao được sống trên trái đất này. Anh hy-vọng em sẽ vun-trồng tâm-hồn em bằng tất cả tình yêu-thương mà em sẵn có, dù em phải chịu đôi chút thiệt-thòi, em sẽ được đền bù bởi sự bình-an trong ý nghĩ vô-tội.

Em thân mến,

Hạnh-phúc bao giờ cũng trong tầm tay chúng ta. Và có một cách tìm kiếm một hạnh-phúc giản-dị nhất, là hãy nghĩ tới những người bất hạnh. Nếu em què một tay, em hãy nghĩ đến người cụt một chân. Nếu em thất-bại một lần, em nghĩ đến người suốt một đời chưa từng thành-công. Đó không phải là những thí-dụ anh cố tình bịa-đặt với mục-dịch ngụy-biện, mà chỉ là sự thật vô cùng đơn giản.

Thôi nhé, xin em nhận cho anh tặng-phẩm này, một tặng-phẩm không đáng gì bằng tiền bạc, nhưng anh đã lựa chọn vì đó là hơi thở, là sự sống, là tình thân-mến và ý nghĩ chân thành của anh.

DƯƠNG - KIẾN
(Đồng sửa đăng)

oOo

Sàigòn, ngày . . . tháng . . . năm . . .

I. Chị Tâm,

Hôm nay là ngày tựu-trường. Em nhớ lại mọi năm cũng vào đạo này, khi thấy những trận gió nam gay-gắt đã tàn đề nhường chỗ cho gió nồm hiu-hiu thổi trên những cành thầu-dầu đầy lá và chi-chít đầy những quả mập-mạp như nho xanh, thì lòng em thao-thức, hoặc tiếc vụ nghỉ hè đầy những thú vui, hoặc mong chóng đến ngày khai-trường để gặp thầy gặp bạn.

II. Đến nay, gió nam cũng đã tàn, gió nồm cũng đã hiu-hiu thổi. Cây thầu-dầu và cây phượng cũng đã đầy những quả xanh, thế mà em vẫn bình-tĩnh, không sửa-soạn áo quần, sách vở như mọi năm, thật là tế quá.

Thôi ! Cái đời học-sinh của em đã bị chôn sâu trong quá-khứ mất rồi. Còn đâu những phút ngây-thơ và nồng-nào của ngày tựu-trường ?

DIỆM

Theo TỬ-NGỌC (Hai Ngã)

2.— BAO GIỜ MẸ VỀ VỚI CON ?

Bao giờ mẹ mới trở về ?

Đề con khỏi đợi nã-nẽ nhớ thương.

K. L.

Chiều nay con đứng đợi trước cửa rất lâu mẹ ạ ! Con phải lấy tay che trán, vì ông mặt trời làm chói mắt con quá.

Con chăm chú nhìn những người qua đường, những chiếc ô-tô, xe đạp, xe gắn máy, chạy vùn-vụt, nhưng không ai nhìn con, không ai giống mẹ cả ? Sao mẹ đi lâu thế ? Mẹ đi hồi nào ? Mẹ đi lúc có còn ngủ phải không ? Con chẳng nhớ rõ mẹ nữa, nhưng con tin chắc rằng mẹ rất giống con, con chạy vào lục tủ quần áo, để tìm tấm ảnh của mẹ chụp hồi con mới lên sáu. Mãi đến bây giờ người đưa thư cũng chưa đến ; con chờ gói quà màu xanh nhạt xinh như khung cửa sổ phòng ngủ của con, có cả mảnh trăng lưỡi liềm treo ở đấy nữa. Con sẽ đọc những lời thơm tho mùi áo, mùi tóc của mẹ, dễ thương, như quả mận hồng hay trắng ngon lành như những quả nho mọng nước hay những viên kẹo bi đủ màu đỏ xanh,

Con chạy vào nhà, con chó Lu đã thức dậy rồi, nó lại mang cả mền của con xuống đất, nó định đi đâu đây ? Mẹ có biết nó không ? Lòng nó mềm như tơ, vắng con có một tí nó đã kêu lên rồi.

Con cũng có đi học nữa mẹ ạ ! Hôm nào mẹ về xem, con sẽ vẽ mẹ ngồi viết thư cho con, mẹ phải nói như mẹ của con Nguyệt nói với nó : « Con làm gì đấy ? Con hư lắm, sao con lại đi chân không ? »

Mẹ cứ lại tủ áo quần con xem cái nào cũng đẹp cả, lấm tấm những chùm hoa mới nở ; mẹ biết không ? Lọ mực của con đồ hết chẳng còn tí nào cả.

Mẹ dắt con đi biển nhé ! Mẹ vất thật nhiều công gòn về làm nệm cho con nằm, nó trôi bèo-bồng đáng yêu quá, ai thả nó ra nhiều thế, hở mẹ ?

Tội nghiệp những tảng đá sao nó không lên bờ cát chơi ? Để sóng biển xua đuôi mãi, nó nói chuyện nhỏ quá con nghe không rõ đâu, mẹ ạ !

Lần này con lại bế con chó Lu đứng đợi quà mẹ gửi về. Con nhớ mẹ quá ! Mẹ có nhận ra con không ? Đường phố đèn đã sáng rồi. Con gọi nho-nho « Mẹ ơi » mí mắt con nặng trĩu, ánh trăng đẹp nhòa ra như lọ mực của con đổ lên trang vở.

Hay đêm nay mẹ về ? Con mơ thấy gói quà được bọc cẩn thận bằng khung cửa sổ màu xanh.

Mẹ nằm cạnh con mẹ nhé ! Nước biển sẽ tràn dưới giường ngủ của con và thì-thầm như tiếng võng đưa.

Con đi ra sân chơi đây, mẹ ạ ! Con Lu lại đùa với bóng mái tóc con, đuôi nó ve vẫy, con không cử động, con nằm ra cát. Lung-linh dưới trăng, mấy cây bắp đang múa một vũ-điệu dân-tộc, mái tóc vàng óng-ả, xoã lên lưng những bà tiên tròn ăm-ấp hạt non.

Mẹ ơi ! Con đợi mẹ, nhưng biết bao lần mà mẹ vẫn chưa về .. Mẹ có biết ! Trong giấc ngủ con mơ thấy mấy chiếc ghe đánh cá cứ lại gần con mãi, nó đi qua đi lại, cuối cùng bị kẹt trong góc mùng. Con đưa hai tay kéo nó lại nhưng nặng và trơn quá.

Có gì lạnh mát chạy nhẹ-nhẹ trên trán, trên tai, trên cánh tay, bên chân con, con nghe rõ tiếng mền, gối chuyền mình, hơi thở nhẹ nhàng.

Mẹ làm con khó ngủ quá, mẹ cứ để tay lên khắp mình con, con có làm sao đâu ? Mẹ đánh con chó Lu nằm bên con phải không ? Con nghe thấy tiếng nó kêu. Rồi sau mẹ làm gì nữa con chẳng biết. Khi con thức dậy, con thấy khung cửa sổ của con màu xanh đẹp hơn chiều hôm qua, mẹ có phơi chiếc áo lụa hồng của con cạnh đấy đẹp quá !

Mẹ ở đâu, con gọi mẹ khắp nơi, mẹ đi hồi nào ? Còn gói quà của con ?

Con đang lạc vào rừng cầu vồng, khắp người con bị quấn chặt, lấp-lánh.

Mẹ ơi ! Con biết tìm mẹ ở đâu ? Bao giờ mẹ về với con ?

Bài học-sinh NGUYỄN THỊ KIM-LIÊN
(Văn-hóa Ngày Nay)

3.— THI RỚT

Vinh-long, ngày 20 - 8 - 195... .

Chị Tuyết-Hạnh,

Hôm nay, Xuân gửi bức ảnh ở Long-hải tặng chị. Có lẽ các chị Nga, Linh, Dung cũng đã nhận được ảnh một lượt với chị đấy.

Năm nay chị Hạnh thi đậu, về quê chắc vui lắm. Phần chúng tôi, anh Tường-Minh vừa đậu tú-tài Việt-nam phần nhứt, còn tôi thì đành ngâm câu : « Bù-Kiểm thi rớt trở về. »

Xuân nói ra, không phải để chị thương-hại giùm đâu nhé ! Tu-mi nam-tử, lẽ đâu đi nhờ sự thương hại của nữ-nhi, phải không chị ? Có thi rớt mới hưởng được mùi-vị của kẻ hỏng thi, chớ đậu hoài thì cũng tâm-thương lắm. Xuân dám cam-đoan mặc dầu chị Hạnh giỏi về văn-chương, nhưng không thể nào chị hiểu được cái hay, thâm-thúy của hai câu thơ này của Tú-Xương bằng Xuân :

*Học đã sôi cơm nhưng chưa chín,
Thi không ngâm ớt thể mà cay !*

Nói đùa thể cho vui, chớ Xuân không đến nỗi chán-nản như Tú-Xương vậy đâu. Cụ Nguyễn-công-Trứ ngày xưa đến năm bốn mươi hai tuổi mới đạt được hiển-vinh về thi-cử, kẻ hậu sinh như Xuân cần phải noi gương theo Cụ chứ. Mình đạt được sự nghiệp sớm, thì ra mình lỗi đạo với tiên-nhân sao ?

Nhưng tại sao Xuân thi rớt ? Đó là cả một vấn-đề mà Xuân đang suy-nghiệm. Xuân biết xưa nay mấy anh chị ở trường công thường có thành-kiến đối với những học-sinh trường tư chúng tôi, cho chúng tôi là bọn « cao-bồi », « đi chơi hơn là đi học », Cái thành-kiến đó thật là sai-lầm cần phải đả-phá thẳng tay. Bằng có là mỗi năm kiểm-điểm lại số học-sinh thi đậu, học-sinh trường tư vẫn đậu không kém gì học-sinh trường công kia mà. Vậy thì cái quan-niệm « đi chơi hơn là đi học » là cái quan-niệm xuyên-tạc hãn-hời.

Đến cái quan-niệm « học-sinh cao-bồi » thì có riêng gì học-sinh trường tư hay trường công, nó là chứng bệnh chung của một số

thanh thiếu-niên thời-đại. Chính vì Xuân trước cũng mắc phải chứng bệnh ấy nên Xuân mới nhận lấy cái kết-quả cay - đắng ngày nay.

Thật không ai lạ-lùng như Xuân, lần đầu-tiên viết thư cho một thiếu-nữ, lại dám tự xưng cái bịch không ai ưa của mình. Không phải Xuân lập-dị đâu, nhưng vì Xuân thành-thật nên Xuân muốn nói ra ngay những điều gì Xuân đang nghĩ.

Ngày Xuân còn bé, Xuân sống trong một xã-hội đầy những du-côn, anh chị, Xuân đã từng được chứng-kiến những trò dao búa của họ và đầu óc non-nớt của Xuân in sâu những hành-động ngang-tàng khinh-thường pháp-luật của họ. Khi được cấp sách đến trường, Xuân bắt đầu say-mê những loại tiểu-thuyết phiêu-lưu, kiếm-hiệp hoang-đường, hình-ảnh của những chàng hiệp-sĩ áo xanh, áo tím, áo vàng lại in sâu vào đầu óc Xuân lần nữa. Gần đây, loại phim cao-bồi bản súng, đấu dao găm như làm sống dậy ở Xuân những hình-ảnh cũ, và với bầu máu nóng và tính hiếu-động của thanh-niên, Xuân không biết làm gì khác hơn là hành-động theo những nhân-vật từ lâu đã in sâu vào tâm-não.

Những hành-động tai-hại ấy đã phá mất bao nhiêu thì giờ quý-báu của Xuân. Cũng may, phong-trào thành-lập Hiệu-đoàn ở các trường đã đánh-đổ cái quan-niệm « anh-hùng cá-nhân » của Xuân, đã gieo cho Xuân cái ý-thức về sự sống chung, giúp Xuân phát-huy được tinh-thần tự-giác. Nhờ những buổi học tập thể mà Xuân không còn thấy tự-ái một cách ngông-ngênh, nhờ những buổi tự phê-bình và kiểm-thảo toàn đội mà Xuân lần lần giác-ngộ những hành-động lỗi-lầm của mình. Ngày này, Xuân có thể tự-hào mình là một người mới hồi-sinh cả thể-xác lẫn tinh-thần. Xuân ngày nay không phải là Xuân ngày xưa nữa.

Có lẽ chị Hạnh sẽ mỉm cười khi đọc những lời thành-thật trên của Xuân. Xuân rất sung-sướng nhận lấy nụ cười của chị, vì Xuân biết độ không phải là một nụ cười mai-mỉa. Câu chuyện bản-thân của Xuân tưởng cũng có ích để chị suy-ngẫm đến bao nhiêu người khác cũng cùng một hoàn-cảnh như Xuân.

Thôi, Xuân thân-mật chào chị và rất mong một ngày gần đây sẽ được nghe chị hát lại bản « Bên bờ đại-dương ».

XUÂN

THÂM - THỆ - HÀ (Hoa trinh - nữ)

4 - ĐỜI SỐNG CỦA SINH-VIÊN NGHÈO Ở BA-LÊ

Chị Vinh,

Chị bảo em kể đời sống một sinh-viên nghèo ở Ba-Lê ra sao cho chị nghe, em chưa quen nhiều nên không thể rút được đời sống điển hình; đây em chỉ kể cho chị nghe giấc mơ của một sinh-viên trường thuốc. Em phải năn-nỉ mãi mới được phép đến thăm chỗ ở của anh ấy, mục-đích chụp một ít tài-liệu thật là mắt thấy tai nghe để viết lá thư Ba-Lê này về cho chị.

Lúc thấy em hăm-hờ bước lên cầu thang, anh ấy bảo :

— Ấy chớ ! Chị nên giữ một « tốc-độ » trung-bình thôi. Nếu thấy hơi mệt thì phải bỏ « ga » số một, như xe lên đèo ấy, phải đi thật chậm để giữ sức.

— Anh ở tầng thứ mấy ?

— Rồi chị sẽ biết. Chị cứ đi chậm chậm, khi nào thấy « sơn cùng thủy tận » không còn cầu thang nào để « bò » thì đến « tề xá ».

Em làm theo đúng lời anh, và tính ra thời-gian đi trên cầu thang mất vào khoảng nấu chín một nồi cơm. Anh ấy ở đúng là trên trời thực !

Em hỏi :

— Mấy năm nay anh sống bằng cách nào ?

— Đủ, rửa bát đĩa, dán quảng-cáo ngoài đường, rửa in hình, giữ con, tiêm đạo, sửa xe đạp, đủ cả !

— Nhà không bao giờ gửi tiền sang sao ?

— Bầy, tám năm trước, lúc cha tôi còn, cha tôi có gửi cho tôi được vài tháng. Về sau phải tự lực; mãi đến cách đây mấy tháng trước anh tôi thấy tôi phải lo kiếm cơm, à quên kiếm bánh mì nên sự học bẽ bề rất nhiều, mới tìm cách giúp đỡ đôi chút. Mẹ tôi mất để lại một gian nhà nát, mỗi tháng cho thuê cũng được ít nhiều, anh tôi gửi sang cho tôi, tuy không nhiều có khi mười ngàn quan, có khi mười lăm ngàn quan, không nhất định; chỉ biết rằng tôi chưa bao giờ có được bốn mươi ngàn quan mỗi tháng như con số tối thiểu đã được định cho các sinh-viên cần phải tiêu dùng. Nhưng dù sao có là quý rồi. Tôi khỏi phải chạy tiền cơm tiền nhà đến nỗi thấy trắng thấy sả !

— Hiện bây giờ anh có mơ gì không ?

Anh lim-dim mắt mơ-màng :

— Có chứ, mơ nhiều thứ lắm ! Tiền nhà gửi đều đều là tất cả nguồn sống ở đây. Tôi cần biết bao nhiêu thứ gấp lắm : lò sưởi này, quần áo rét, tiền cơm, tiền học, tiền sách vở, chăn đệm này, toàn là những thứ « tối khà » cả !... Thế còn chị, chị có mơ gì không ?

— Có mà không. Có là vì có, mà không là vì biết không thể được thì gói « mơ » lại và cất đi cho kỹ !

— Nếu chị không có can-đảm nhận thì cứ thú thật đi. Tôi cho chị mượn giấc mơ của tôi, vì đây là giấc mơ chung của tất cả sinh-viên nghèo. Chúng tôi phải mơ được ăn họ : đây đủ trước khi mơ những giấc mơ to lớn khác.

— Chí lý vậy thay ! Thôi cảm ơn anh nhé ! Tôi về, không chốc nữa tối quá sợ ma !

— Cảm ơn cái gì ?

— Giấc mơ !

Về nhà, em viết ngay thư này cho chị vì biết chắc chị đọc được giữa hai dòng, hiểu được những chua xót đắng cay nấp sau những lời hài hài bất đắc dĩ của một sinh-viên nghèo. Hẹn thư sau, chị nhé !

LINH-BẢO



NGHI - LUẬN

1

ĐỀ BÀI : Một thí-sinh hỏng bằng Tiểu-học lại tự bào chữa : « Học tài thi phận ». Theo ý em, câu biện-bạch này có xác-đáng không ? Tại sao ?

DÀN BÀI

- I. Nhập đề : Đặt đầu đề.
- II. Thân bài :
 1. Giải-nghĩa « Học tài thi phận ».
 2. Thí-dụ chứng-minh.
 3. Lý lẽ của sự sai-lầm trong câu : « Học tài thi phận ».
- III. Kết-luận : Học-sinh không nên tin vào số phận mà chỉ nên trông cậy vào khả-năng của mình.

BÀI LÀM

Được thư báo tin một người bạn vừa thi hỏng bằng Tiểu-học, em lo-ngại cho số-phận mình quá. Đường như đoán được tâm-trạng em, cuối thư bạn lại bảo : « Học tài thi phận, hơi dẫu mà lo bạn ạ ! »

Lời-lẽ bức tâm-thư làm em phân-vân, thắc-mắc. Thế nào là học tài thi phận ?

Tài là khả-năng, là sự hiểu biết của mình. Phận chỉ là số phận mà tạo-hóa đã xếp đặt cho mỗi người. Học tài thi phận nghĩa là học-hành tài-gỏi, siêng-năng đến đâu cũng không qua cái số phận của mình. Trời đã an-bài vị-trí của mỗi người trong xã-hội thì đâu có « bôn-ba chẳng qua thời vận ».

Mới nghe cũng có lý thấy em thường bảo thi-sĩ Trần-tế-Xương, Cao bá-Quát học-hành tài giỏi, thi-phủ lâu-thông thế kia mà phải lận-đận lao-đao. Bao lần khăn gói lên đường, là bao lần « hồ lều

hồ chông ». Nhưng nghĩ sâu hơn nữa, em thấy rằng mỗi cái thất bại đều có cái nguyên-nhân của nó. Trần-tế-Xương vì quá phóng-tung nên phạm lỗi « trương-quí », Cao-bá-Quát vì quá hào-hoa, tự-đắc nên bị triều-đình ganh-ghét. Học-sinh thi rớt vì bị chèn-mãng hay vì quá lo sợ, bối-rối, mất bình-tĩnh nên lạc-đề, sai đáp số. Đôi khi vì quá cậy tài, xem thường đầu đề rồi đề sơ-xuất, nên đành ôm hận. Những khuyết-điểm trên là do chính mình tạo nên. Nếu biết khắc-phục được những lỗi-lầm này mà sửa-chữa trong những kỳ thi tới, thì có lẽ ta không hỏng nữa. Xem thế bạn em bào-chữa bằng câu « học tài thi phận » e rằng không xác-đáng. Bằng chứng, anh Tâm cũng là bạn em, học giỏi, đã đậu trong kỳ qua. Nghĩ vậy, em cảm thấy trong lòng phấn-khởi và không còn thắc-mắc vì lời bào-chữa tiêu-cực của bạn em nữa... Em cố-gắng vun-quén kiến-thức của mình, sửa-chữa những khuyết-điểm lúc ra thi. Với lòng tin-tưởng vô-biên, em nhất-định sẽ hái cho được những bông hoa rực-rỡ trong kỳ thi tới đây. Mà dù có rớt chẳng nữa, đó cũng là một kinh-nghiệm, là một viên gạch để xây dựng trường thành-công vậy.

Tuy nhiên, ở đời cũng có những trường-hợp đặc-biệt. Nhiều học-sinh giỏi, tinh-tinh cần-mẫn, siêng-năng mà thi rớt mãi... Đó chỉ là một phần ít. Em thường nghe ông nội em bảo ba em : « *Phải tận lực mới biết được mệnh* ». Mà « lực » mình có tận đâu mà bảo rằng tại mệnh ? Một lần vấp ngã, hai lần đứng lên, thua keo này, bày keo khác, đó là những người như bạn em.

Do những điều nói trên, em thấy câu « *học tài thi phận* » chỉ là một câu nói an ủi không xác thực để che-đậy sự kém khuyết của mình. Phận là một cái gì mơ-hồ, ngược lại, tài là điều cầm chắc trong tay. Tài dĩ-nhiên được đảm-bảo hơn phận. Thế tại sao ta không cố-gắng tài-bồi, vun-xới cho nó nảy nở thêm lên, mà lại đi an-phận, che-đậy sự kém-khuyết của mình bằng chữ « mệnh ».

Câu biện-bạch trên đây rất nguy-hiêm cho đường thi-cử và làm nhục cái chí tiến-thủ của thanh-niên thế-hệ.

Là trai, muốn thành-công trên đường đời, ta phải tranh-đấu từ lúc còn học-sinh. Ta đừng nên hèn-nhát đồ thừa cho số mệnh mà quên cả chí phấn-đấu. Hơn nữa, nước nhà đang cần những con người tài-năng để phục-vụ quê-hương trong thời kiến-thiết. Không lẽ, ta cứ ngồi rên siết, than câu tài-mệnh mãi sao ?

Chúng ta, những mầm hy-vọng của đất nước, hơn lúc nào hết, phải cố-gắng học-hành, trau-đồi đức-hạnh, tin-tưởng nơi tài mình, chấn-thắng mọi khó-khăn, ngõ hầu trở nên những con người hữu-dụng cho quốc-gia mai hậu.



ĐỀ BÀI : Bằng những thí-dụ xác-đáng, em hãy giải thích câu : « *Ngồi không thì hay làm xằng* » (Nhàn cư vi bất thiện).

DÀN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ :

Thánh-kính có nói : « *Chim có cánh để bay, người có tay để làm việc* ». Xem thế, sự làm việc là một luật-điều hết sức thiêng-liêng của tạo-hóa. Bởi thế, « *ăn không ngồi rồi* » chẳng những phản lại trời đất, mà còn nguy-hại cho xã-hội vì :

« *Ngồi không thì hay làm xằng.* »

II. THÂN BÀI :

Phần nhiều những tư-tưởng hắc-ám, những hành-động bất-lương, đa-số đều thoát thai từ những giờ phút không-nhưng, nhàn-rỗi. Tại sao như vậy ? Vì không làm việc thì :

— Buồn-bực, khó chịu, chán-chường ;

— Thân-thể không vận-động, tinh-thần không làm việc sẽ suy-nhược, lười-biếng.

Do đó ta thấy những hành-động bất thường phát-sinh từ những giờ phút này :

1. Thí dụ chứng-minh :

— Đối với những kẻ lười-nhác, trốn-tránh công việc mà vẫn muốn sống sung-sướng, thì phải trộm cắp, cướp của, giết người.

— Đối với những người thất-nghiệp, không việc làm, thì phải trèo tường, khoét vách, lượm-gạt.

— Đối với học sinh lười, giết thì giờ trong rạp chớp bóng, không tiền phải sinh ra gạt-gẫm mẹ cha, bội-nghĩa bè-bạn.

— Đối với kẻ giàu có, thì giờ nhàn-rỗi ấy dùng vào các cuộc ăn chơi, rượu chè, bài-bạc, thuốc phiện.

2. Nhận-xét.

Trong xã-hội nếu càng có nạn thất-nghiệp, càng có các cuộc cờ bạc, đàng-diếm, thì càng dễ sinh ra những hành-động cướp của giết người vì « nhàn-cư » thì « bất-thiện ».

3. Cảnh thận lúc rỗi-rảnh.

Bởi vậy, đôi khi có những giờ rỗi-rảnh ta phải hết sức thận-trọng : Cần phải hướng nó vào những cuộc giải-trí lành-mạnh như đọc sách, chơi thể-thao v.v...

III. KẾT-LUẬN :

Danh-ngôn Tây-phương nói : « Nhàn rỗi là mẹ đẻ những thói xấu ». Bởi thế, ta cần phải làm việc dù cực-nhọc đến đâu, ta vẫn tìm được cái vui-thú. Ta tránh được mọi hành-động bất-lương, bất-thiện. Xã-hội sẽ bớt nạn cướp của, giết người. Câu : « Nhàn cư vĩ bất thiện » thật chí-lý vậy.



ĐỀ BÀI : Đề phá tư-tưởng xem rẻ nghề lao lực, người ta thường nhắc đến câu : « Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh ». Em thử giải-thích câu này bằng những ví dụ xác-đáng.

DÀN BÀI

- I. Nhập đề : Vì sao ta phải nhắc nhở đến câu này trong giai-đoạn hiện tại.
- II. Thân bài :
 - A. Giải-thích.
 - B. Thí-dụ chứng-minh : thợ rèn, thợ thiên heo, thợ sửa xe gắn máy, v.v...
 - C. Giai-đoạn hiện-tại nên dùng làm phương-châm cho sĩ-tử ? Tại sao ?
- III. Kết-luận : Cảm tưởng của em.

BÀI LÀM

Tâm-lý « sùng nho, trọng sĩ và khinh rẻ nghề lao lực » lâu nay vẫn còn tồn-tại nặng-nề trong xã-hội ta. Tuy nhiên, gần đây, trước làn sóng văn-minh cơ-khí, trước nhu-cầu cấp-bách của xứ-sở trong sự phát-triển nền công, kỹ-nghệ, tư-tưởng « nhất sĩ, nhì nông » giảm dần ý-nghĩa của nó. Đề đánh tan quan-niệm sai-lầm trên và đồng-thời thúc-dây mạnh phong-trào hướng-nghiệp, người ta thường nhắc đến câu : « Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh ».

Theo nghĩa thông-thường, nghề gì tinh-xảo thì thân sẽ vinh-hiền, sung-sướng.

Thật vậy, xưa nay bất cứ nghề gì, nếu đạt đến mức tuyệt xảo thì nhất định sẽ gặt-hái được những bông hoa tươi-đẹp : Nghề trí-thức thì lên đến đỉnh đài danh-vọng, nghề chân tay thì tiến đến mức giàu sang sung-mãn. Trong sinh-hoạt hằng ngày, đề ý nhận-xét, ta cũng thấy có nghề tầm-thường mà đạt đến chỗ tinh-vi, thì vẫn tạo được một đời sống ấm-no, sung-sướng. Hãy xem bác thợ rèn lành nghề kia làm việc : Bác rèn dao rất có lương-tâm, nước thép già dặn, xài bền lâu, lưỡi sắc bén và sáng ngời. Khách hàng tín-nhiệm, xa gần nô-nức đến đặt đồ dùng. Tiền-bạc, do đó ma dôi-dào. Đời sống lương-thiện, sung-sướng. Một đồng-y-sĩ lành nghề, đoán bệnh như thần, tha-hồ mà tiếp-nhận thù-lao. Nhiều nơi quyền-qui, cao sang tranh nhau mời, rước. Tôi đã từng mục-kích một nghề rất tầm-thường : nghề thiên heo.

Chú Tư làng tôi mà người quen gọi là thợ « Tư », thiên heo tài tình đến không còn ai mà không biết tiếng. Lúc đầu, chú còn đi « thiên » dạo, nhưng sau vì nghề nghiệp đã đạt đến chỗ tuyệt xảo nên chú chỉ ngồi nhà mà tiếp khách hàng như một vị thú-y-sĩ tại tỉnh thành. Chú tậu được nhà cửa, mua xe gắn máy, cho con đi học ở Thủ-đô không kém gì một công-chức bậc trung.

Xem thế, còn ai dám nghĩ rằng chỉ có nghề của « kẻ sĩ » mới vinh-hiền, danh-vọng ? Thời-đại tân-tiến, kỹ-nghệ chi-phối đời-sống con người, học được một nghề trong tay càng được đảm-bảo hơn là học Trung-học, Tú-tài mà vẫn thất-nghiệp ngược xuôi. Ai dám khinh rẻ nghề thợ may khéo-léo, thợ cạo lành-nghề, cầu-thủ xuất-sắc, tay quân-vợt vô-địch. Có biết bao nhiêu người từ địa-vị người thợ tầm-thường nhờ nghề tinh-xảo mà nghiêm-nhiên trở thành chủ-nhân một xí-nghiệp, giám-đốc một nhà xuất-bản, quản-lý một

xuồng xe hơi. Nhà triệu-phú Ford, Chrysler, trước kia cũng chỉ là người thợ máy. Tài-tử Gina, đấu-thủ Kramer cũng xuất thân trong giới bình-dân.

Còn ai dám khinh-khi nghề của hề Charlot, Ba Vân, Năm Châu là nghề xướng-ca vô loại ?

Nói tóm, nghề nào mà tinh-xảo (nhất nghệ tinh) thì sẽ được vinh-hiền, ấm no (nhất thân vinh).

Ngày nay, trước đà phát-triển của nền kỹ-nghệ quốc-gia, trước luồng gió giáo dục mới, tiếng chuông « Nhất nghệ tinh » đong lên vừa đúng lúc. Thanh-niên, sĩ-tử hãy lấy đó làm phương-châm trong khi hướng bước đường học-vấn của mình để khỏi sai lạc với năng-khieu thiên-phú. Quan-niệm học từ-chương khoa-bằng đã lỗi-thoi Ốc hủ-lậu của Tự-Đức khi bác-bỏ đề-nghị học thực-dụng của Nguyễn-trường-Tộ, đã làm đình-trệ cuộc tiến-hóa của dân-tộc. Nước nhà đã bưng tinh sau cơn mê, luồng gió mới thổi rạt-rào khắp bốn phương, sĩ tử chúng ta hãy chọn con đường học-vấn cho quốc-gia một đoàn quân tinh-nhuệ phục-vụ nền kỹ-nghệ đang hồi phát-triển mạnh-mẽ.

Câu phương-ngôn trên đây đáng được xem là tiếng chuông cảnh-tỉnh đúng lúc hướng giáo-dục đang xoay chiều. Thanh-niên cần kềm-soát lại năng-khieu để tìm một đường học-vấn phù-hợp với bản-năng thiên-phú của mình.



4

ĐỀ BÀI : Trong đời học-sinh muốn học-hành cho có kết-quả, trò thử chọn cho mình một châm-ngôn rồi cứ đó mà đeo-đuổi. Hãy giải-thích vì sao trò chọn nó.

DÀN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ :

Ở đời, ai cũng đeo-đuổi một mục-đích. Người thông-minh tài-dức, hy-vọng càng to-tát, hoài-bảo càng thiết-tha, thì mục-đích đời

họ càng xa-xôi, lý-tưởng càng cao-cả. Người bình-thường thì có một mục-đích khiêm-nhường hơn. Riêng em, trong đời học-sinh, em chỉ mong thi đỗ thành tài. Mà muốn được thế, em hằng tâm-niệm câu phương-ngôn :

« Hữu chí cánh thành »

Em xem nó như là một ngọn hải-đăng rọi đường cho em trong đêm tối, để chóng đạt mục-đích.

II. THÂN BÀI :

A. GIẢI NGHĨA

« Hữu chí » tức là có chí, có lòng cương-quyết làm việc. « Cánh » là cứu-cánh, là kết-quả cuối cùng của một công việc. « Thành » là nên việc, thành-công trong công-việc. Câu « *hữu chí cánh thành* » nói một cách nôm-na là có chí thì nên.

Ở đời, có những việc khó-khăn đòi-hỏi nhiều nỗ-lực, lắm kiên-tâm, mới có thể làm xong được. Bởi thế, ta cần phải có lòng cương-quyết, chí kiên-nhẫn thì mới đạt được mục-đích. Người không chí, khi thất-bại một lần, là chán-nản, ngã lòng, rồi đâm ra phân-chí. Trái lại, nếu ta lập chí cho vững-bền, nhìn ngời sao lý-tưởng của ta đang lấp-lánh trên trời, ta vẫn cứ đi tới, tới mãi thì nhất-định thành-công.

Thi-dụ : Ông Châu-Trí quét lá đa ngồi học, sau đó Trạng-nguyên.

Ông Tô-Tuân bên Tàu, 72 tuổi mà còn mù chữ, ông quyết học cho đọc được. Quả nhiên, ông hay chữ và có con là một thi-sĩ đại-tài: Tô-đông-Pha.

B. LÝ-DO VÌ SAO EM CHỌN CÂU :

« HỮU CHÍ CẢNH THÀNH »

Ở đời, nếu ai ai cũng biết lập chí thì đâu cho việc khó đến đâu, người ta cũng làm được. Bởi thế, ta phải cần chọn một châm-ngôn để làm câu kinh nhật-tụng, để làm ngọn đèn pha soi sáng lối đi của mình. Em chọn câu « *có chí thì nên* » để làm châm-ngôn cho đường học-vấn vì những lẽ sau :

1. Để nhắc-nhở em những lúc vui chơi mà quên đường học-vấn.

2. Đề an-ủi khuyến-thích em khi thất-bại, khi thi hỏng, khi nản lòng, rùn chí.

3. Đề nung-nẫu lòng cương-quyết, chí tiến thủ của em mà dẹp tan mọi trở-lực trong lòng.

4. Đề gây cho em một niềm tin mãnh-liệt ở tương-lai.

III. KẾT-LUẬN :

Người không chỉ như thuyền không lái. Ta làm thế nào để điều-khiển nó theo ý muốn của mình được ? Bởi thế, chọn câu châm-ngôn « Hữu chí cánh thành » trong đường học-vấn, em quyết đập bằng mọi trở-lực, gian-nguy, chiến-thắng bao chấn-nản, ngã lòng, đề đi đến mục-đích. Cái khó ở đời không phải vì « sông ngăn núi cách » mà khó chỉ vì mình sợ « núi cách sông ngăn ! »

5

ĐỀ BÀI : Giải nghĩa câu : « Nói hay hơn hay nói. »

DẪN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ :

Lời nói quý-giá vô cùng. Nhờ nó mà con người mới truyền-bá, phát-biêu những cảm-nghĩ, tư-tưởng của mình được. Các nhà hùng-biện đại-tài, các chính-khách nổi danh, cũng nhờ uốn ba tấc lưỡi của mình trong hội-ngộ quốc-tế, mà tầm-tiếng nổi như cồn. Tuy-nhiên, phải sử-dụng cái lưỡi của mình cách nào để đạt mục-đích. Thì đây, câu tục-ngữ : « Nói hay hơn hay nói » dạy ta kỹ-thuật sử-dụng lời nói.

II. THÂN BÀI :

A. GIẢI NGHĨA

« Nói hay » tức là nói đúng lúc, đúng chân-lý, hấp-dẫn khiến thính-giả thích nghe. Ngược lại « hay nói » tức là bép-xếp, bạ đâu nói đấy, nói dối, nói nịnh, ba-hoa.

Nếu người nói hay được thiên-hạ kính-phục, sùng-bái, đem tài ăn nói mà giúp-ích quốc-gia thì kẻ hay nói chỉ hại người, hại mình vô-ích cho xã-hội.

a) « Nói hay » không phải nói nhiều.

Nói cho đúng lúc, phải nơi, thì lời nói đem đến nhiều kết-quả. Nhiều khi im-lặng vẫn còn hơn. Những người trí-thức ta thấy phần nhiều ít nói mà thích nhận-xét, phê-phán. Nếu cần, khi họ nói thì toàn những lời châu-ngọc.

b) « Hay nói » tức là ham nói.

— Học-sinh nói nhiều không hiểu bài giảng, không nghe lời thầy, không giỏi được.

— Ngoài xã-hội, những kẻ nói nhiều (hay nói) phần nhiều rước họa vào thân. (Công-chức tiết-lộ bí-mật công-vụ thì vào tù ; sĩ-quan đề lộ bí-mật quân-sự thì tiêu-tan kế-hoạch ; thiên-hạ ba-hoa thì rước oán gây thù, mất lòng bè-bạn.)

— Trong sách vở xưa nay : vua Tống Mãn-Công vì hay buông lời khinh-khi tội-thần Nam-Cung Trường-Vạn nên bị giết chết. Vua Philippe vì hay nói nên bị Aster bắn một mắt trả thù ; Dương-Tu vì hay nói nên bị Tào-Tháo tình-nghi giết chết.

B. CÁI LỢI CỦA SỰ NÓI HAY

— Con người kín-đáo, có nhiều nghi-ngợi trước khi nói, bao giờ cũng được trọng-dụng.

— « Nói hay » được người kính-nể, trọng-vọng.

— Nói hay ít khi họa vào thân vì lời nói đã được chọn-lọc chín-chắn, nghĩ-suy kỹ-càng.

III. KẾT-LUẬN :

Lời nói là khí cụ sắc-bén. Tuy-nhiên, ta phải dùng nó với tất cả sự dè-dặt vì nếu « nói hay » mang lợi bao nhiêu thì « hay nói » đem tai-họa bấy nhiêu !

6

ĐỀ BÀI : Giải nghĩa câu : « Uống nước nhớ người đào giếng. »

DẪN BÀI CHI-TIẾT

I. NHẬP ĐỀ :

Ở đời, nếu có những kẻ « tâm khi nào vượt mặt khi nấy », những kẻ « được chim bẻ ná, được cá lại quăng nơm » ; thì cũng có những

người ăn một quả ngọt biết nhớ đến kẻ trồng cây, uống bát nước mát lòng lại không quên người đào giếng.

II. THÂN BÀI :

A. GIẢI NGHĨA

1. **Nghĩa đen** : Uống cạn một ly nước có mấy ai nhớ đến người đã từng đổ từng giọt mồ hôi dưới ánh nắng hè gay-gắt, đào từng miếng đất để tạo thành cái giếng sâu.

— Gánh nước giặt rửa ở ao giếng trong làng ta phải nhớ đến người có công sáng-tạo ra nó.

2. **Nghĩa bóng** : Câu tục-ngữ tuy giản-dị mà hàm-súc một bài học thâm-trâm.

a) *Về phương-diện vật-chất* : Ta phải tưởng nhớ đến tổ tiên, những người đã sáng-lập cái di-sản mà ta thừa-hưởng ngày nay : nhà cửa, điền-sản, tiền-bạc, những công-trình xã-hội, những gang sông tắc đất từ Thuận-hóa đến Mũi Cà-mau (nhắc sơ cuộc Nam-tiên triều chúa Nguyễn), những phát-minh khoa-học như phi-cơ, xe hơi, máy in, tàu bè, v. v., những thuốc-thang trị liệu (nhắc đến Pasteur, Yersin, Koch, Calnette) v. v... Có vậy ta mới khỏi mang tiếng là kẻ vong-ơn.

b) *Về phương-diện tinh-thần* : Ta thừa-hưởng tinh-thần tự-chủ, biết chuộng tự-do, có chí phấn-đấu, tiến thủ thêm vào những sách vở, những áng văn hay, những bài thơ tuyệt-tác của vị tiền-nhân đã nêu gương anh-dũng tiết-tháo. Ta luôn luôn tri-ân những bậc tiền-bối ấy.

c) *Về phương-diện luân-lý* : Ta có nền luân-lý vững-chắc, biết thương yêu đồng-loại, biết xử thế theo cương-thường. Ấy cũng là do ông cha tổ-tiên ta ảnh-hưởng. Loài người thuở xưa ăn lông ở lỗ, hung-bạo mà nay có một nếp sống văn-minh, đạo-đức là cũng nhờ ai, nếu không phải ở các tổ-tiên ta.

B. THÍ-DỤ CHỨNG-MINH

1. Những cuộc lễ kỷ-niệm các vị anh-hùng như Quang-Trung, Hưng-Đạo Vương, Lê-Lợi, Khổng-Tử đều có mục-dịch tri-ân và nhắc-nhở cho dân-chúng công-ơn của các Ngài.

2. Hậu-thế trách vua Gia-Long và Lưu-Bang đã nỡ quên ơn các vị khai-quốc cộng-thần, vừa nên nghiệp bá-dã vội thì xe xưa

(giết Hàn-Tín, Đỗ-thành-Nhơn, Nguyễn-văn-Thành). Các vị vua này đã bội-nghĩa, đã quên câu : « Uống nước nhớ người đào giếng ».

III. KẾT - LUẬN :

Ta đã thọ ơn rất nhiều từ di-sản tinh-thần đến vật-chất của các bậc tiền-nhân. Vậy ta phải làm sao để khỏi mang tiếng bội-nghĩa phi-ân, uống nước không nhớ nguồn.



ĐỀ BÀI : **Giải-thích câu tục ngữ** : « Có học phải có hạnh. »

DÀN BÀI

I. Nhập đề :

II. Thân bài : A. Giải-thích : Học là gì ? Hạnh là gì ?

1. Cái hay của cái « học có hạnh ».

2. Cái nguy-hại của « học không hạnh ».

B. Ứng-dụng vào đời học-sinh.

III. Kết luận : Tổng-kết các điều trên.

BÀI LÀM

Học-vấn và hạnh-kiêm là hai yếu-tố cấu-tạo nhân-cách con người. Kiến-thức sâu-xa, học-vấn uyên-bác mà kém đức-độ thì nguy-hiêm, có khi trở thành khí-cụ tàn-phá ghê-gớm. Bởi thế, con người cần có lời nghiêm-huấn :

« Có học phải có hạnh. »

Mà học là gì ? Theo nghĩa thông-thường, học tức là trau-dồi kiến-thức, mở rộng tầm mắt của mình. Học để biết tính-toán, suy-nghĩ, lý-luận, phân-biệt điều phải trái : đó là cái học của học-sinh. Học để quán-thông kim cõ, nghiên-cứu lý-thuyết đạo-giáo để đạt được chân-lý : đó là cái học của nhà hiền-triết. Học để tìm hiểu, khám-phá vũ-trụ : đó là cái học của nhà bác-học. Học-vấn nào cũng phải kèm theo hạnh-kiêm và đức-độ. Mà hạnh-kiêm là gì ? Đó là những đức-tính cần-thiết của một con người thiện. Người có hạnh là người biết giữ chữ trung đối với chính-nghĩa, chữ hiếu

đối với cha mẹ, chữ tình đối với bằng-hữu và luôn luôn cư-xử theo nhân nghĩa, lễ, trí, tín. Bên cạnh trí thì luôn luôn có đức, cũng như bên cạnh học thì kèm theo hạnh. Học-sinh có học mà không hạnh sẽ là những trẻ mất dạy ở học-đường, bất hiếu ở gia-đình, những bạn trẻ xấu-xa, những công-dân phản-bội ở xã-hội. Học-giả thiếu đức-độ, sẽ đem học-vấn của mình làm mỗi câu danh lợi, tiền-bạc bất-chính, hay phụng-sự một tà-thuyết gây tàn-hại gồm-ghe cho quần-chúng. Nhà bác-học thiếu lương-tâm, vô-thần, không có một đời đạo-lý cao sâu, sẽ đem cái học-vấn của mình đe-dọa nhân-loại.

Người xưa nói: « Đức thắng tài, vi quân-tử » Thật vậy, trong con người, nếu đức thắng tài, gia-đình sẽ có những bạn hiền, con thảo; xã-hội sẽ có những bậc trung-thần liệt-sĩ. Trông quá-khứ, nhìn hiện-tại, ta vẫn thấy những bậc có học mà có hạnh thì lập nên công-nghiệp ở đời. Hán Bái-Công Lưu-Bang thắng Sở Bá-Vương Hạng-Võ là do sự biết dùng cái đức của mình mà thu-phục nhân-tâm, trong lúc Hạng-Võ chỉ biết sức mạnh và bạo-lực. Phạm-đình Trọng, Nguyễn-hữu-Cầu, kẻ làm quan, người làm giặc, là vì thuở nhỏ Trọng là cậu học trò tính-nết tốt, ngược lại Cầu tâm-địa dè-hèn, xấu-xa. Có những nhà bác-học từ-chối bán tài-liệu phát-minh cho một chính-phủ vô-đạo, hoặc thà chết còn hơn phục-vụ cho chủ-nghĩa bạo-tàn. Vì học có hạnh nên Pasteur, Yersin, v.v... hưởng cái kiến-thức mình vào việc giải-cứu nhân-loại. Ngày nay, người ta biết đem sự phát-minh nguyên-tử ứng-dụng vào kỹ-nghệ. Âu cũng là một điều đáng mừng vậy.

Nếu « học có hạnh » đem lợi-ích cho quốc-gia, dân-tộc, bao nhiêu thì « học vô hạnh » gieo tai-họa bấy nhiêu ! Kẻ học vô hạnh chỉ là những kẻ phản thầy, phản bạn, bất-hiếu, bất-lương. Vì học mà thiếu hạnh, nên tên Cao-ngọc-Lễ nở bất thầy là cụ Nghè Tổng dâng cho Pháp; tên Lê Chiêu-Thống đang tâm rước voi về dày mộ tổ; tên Ba Phúc phản-bội con nười là Đê-Thám; tên Ngô-Khởi nở « sát thầy, cầu tướng ». Trong Thế-chiến thứ hai, có những nhà bác-học vô đạo nở đem học-vấn của mình phụng-sự cho bạo-lực Đức-Quốc-Xã gây tang-tóc khủng-khiếp cho nhân-loại.

Xem thế, học-vấn và hạnh-kiểm cũng như tài với đức luôn luôn phải đi đôi với nhau như bóng với hình. Từ lúc còn là học-sinh, ta phải lo trau dồi đức-dục cũng như trí-dục, luôn luôn giữ cho trò-a vẹn tình thầy trò, đạo bằng-hữu, nghĩa cha con. Có

như thế ta mới mong trở thành những măng non tươi tốt ở học-đường, những cành lá sum-suê ở xã-hội, những cây đại thọ sừng sững muôn đời chống giữ quốc-gia.

Cỏ cây tươi tốt nhờ vun phân, tưới nước mới gieo mầm này mộng. Ngày nay ở học-đường song song với học-vấn, em luôn luôn cố gắng trau-dồi hạnh-kiểm để ngày mai trở thành người con hiếu thảo, người dân trung-thành như lá cành sum-suê kia vậy.



8

ĐỀ BÀI : Trò đã có lần cắm trại, hoặc nghe thấy về cắm trại. Hãy nói về những lợi-ích và thú-vui của những ngày cắm trại ở nông-thôn.

BÀI LÀM

Đời sống ở những đô-thị đông nghẹt những người, không-khí không trong sạch và những tiếp-xúc không ngừng với người khác làm cho thần-kinh căng-thẳng và mệt-mỏi.

Thật là hữu-ích và thích-thú khi được sống những ngày cắm trại ở nông-thôn. Chúng tôi được sống ở nơi khoáng-khoát, khí trời trong sạch, được tắm nước mát và ánh-nắng của mặt trời. Ở đô-thị, chúng ta bị ngột-ngạt, giờ đây thân xác như được phục-sinh, phát-giác được những thú-vui nồng-nhiệt của một lối sinh-hoạt gần-như sinh-vật.

Đó là một lối dưỡng-thân, giải-độc : chúng tôi cố-gắng cho được sống giản-dị hơn. Đô-thị đã đòi hỏi những cầu-kỳ kiểu-cách vô-ích của « tiện-nghỉ tân-thời ». Bỗng nhiên chúng tôi được thoát khỏi sự chèn-ghẹt độc-đoán của đô-thị và lấy làm ngạc-nhiên mà thấy rằng không có gì là khổ khi sống ở nông thôn. Lối sống đơn-giản khi cắm trại đã trở nên rất thú-vị. Tuy nhiên phai tỏ ra một ít khéo tay, một ít ý-chí và vui-tính. Ở đây, chúng tôi không nói về lối cắm trại với xe hơi có nệm đê ngủ, với những tiện-nghỉ khác.

Cắm trại giản-tiện, chúng tôi được đắm mình vào trong thiên-nhiên, và nhận thấy trong lòng mình như sống dậy một thi-sĩ đề

rung-cảm trước những phong-cảnh núi rừng, đồng-áng. Đó là một dịp để du-ngọa và đưa hồn vào cõi mộng.

Tóm lại, cảm trại là một nghệ-thuật mới về lối sống, sống giữa thiên-nhiên và với thiên-nhiên.



Những tài-liệu đọc thêm

1 — BƯỚC ĐƯỜNG PHẢI ĐI

Lúc này hơn bao giờ hết, người bạn trẻ phải ý-thức sự tích-lũy và truyền-tiếp của lịch-sử để kịp thời đáp-ứng với những nhiệm-vụ vô-cùng khó-khăn của một giai-đoạn trong đó dân-tộc và nhân-loại chuyển mình bước vào thời-đại mới. Những thế-hệ tương-lai sẽ tằm-tắc thân-phục mãi thế-hệ trai trẻ lúc này. Hỡi những bạn trẻ, chớ thả lỏng lòng mình trong thời hậu-chiến. Hãy chống lại cái tâm-lý hậu-chiến « ăn xổi ở thì ». Hãy sửa chữa lại những tàn-phá của chiến-tranh !

Chiến-tranh đã gây tàn-phá ngoài xã-hội cũng đã làm thui rụi một phần những tình-cảm tốt đẹp trong tâm-hồn của lớp người trai-trẻ.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà thanh-niên không ôm-áp trong lòng những hoài-bảo cao-đẹp. Nhưng hoài-bảo thanh-niên lấy gì mà nuôi dưỡng. Chí khí thanh-niên trên nền tảng tu-dưỡng nào mà thành ?

Đối với những ai còn tha-thiết với dân-tộc trước và nay, còn nghĩ đến ngày mai, sự nuôi dưỡng hoài-bảo tất chỉ có thể thực-hiện bằng lấy tích-lũy lịch-sử làm vốn. Bởi lịch-sử là nguồn sinh-lực vô-biên, là kho-tàng quý-báu nhất của con người.

Sự ra đời của mỗi người chúng ta cũng là cả một sự truyền-tiếp. Chúng ta thừa hưởng biết bao nhiêu những thành-quả của ông cha từ trước tới nay, bao nhiêu thế-hệ đóng góp cho chúng ta đến lúc này, chúng là những thành quả và đóng góp đó hợp lại mà thành cái vốn lớn lao để nuôi dưỡng cái hoài-bảo của chúng ta trong lúc này. Hòa với lịch-sử và thuận theo dòng lịch-sử là như thế.

Chỉ có tư-tưởng dân-tộc thời-đại mới cho phép thanh-niên, một mặt tiếp hưởng được những tích-lũy trong lịch-sử dân-tộc truyền-tiếp, một mặt khác tiếp đón được những tinh-hoa mới của thời-đại, làm thành những điều-kiện tối cần-thiết giúp cho thanh-niên khám-phá và hòa mình vào dòng sống tiến-hóa chủ-lưu của dân-tộc thời-đại.

VIỆT - CHIẾN

2.— NƯỚC MẮT GENÈVE

Có những giọt nước mắt đi vào lịch-sử như giọt nước mắt của Nguyễn-Trãi tiên cha bị bắt sang Tàu. Giã thù Nguyễn-Trãi khóc đầy rồi quên đầy, từ biên-giới trở về chẳng nuôi một ý-chí nào hết, cam-tâm với cái thân-phận của một người dân nô-lệ, thì sau này còn ai biết tới và nhắc-nhở tới những giọt nước mắt để làm gì, đâu là những giọt nước mắt của đau-thương và uất-hạ.

Bởi lẽ thiếu gì đau-thương và uất-hạ trong xã-hội và thời-đại của chúng ta đang khơi. Những dòng nước mắt hòa với máu trôi trên đất này.

Cho nên giọt nước mắt đi vào lịch-sử là giọt nước mắt làm nầy mầm những ý-chí được vun-sới mãi để trở thành một nguồn nguyên động-lực cho những sử-ký hành-động sau này. Khóc như thế mới là nên khóc, cái khóc, làm hối-hận cả một thế-hệ, báo trước sự rung-chuyển của cả một trật-tự xã-hội cũ.

Cũng như tiếng khóc của Phan-bội-Châu :

« Cũng nhà, cũng cửa, cũng giang sơn,

« Thế mà nước mắt nhà tan hỡi trời ?

« Nghĩ lắm lúc đang c.ười hóa khóc .. »

Tiếng khóc đi vào lịch-sử, sâu-xa vào đáy lòng mỗi người và quất dậy hồn phục-hưng của dân-tộc. Tiếng khóc trở thành tiếng gọi hồn : Từng thế-hệ lớp lớp người đứng lên trong tủi-nhục quyết tìm lấy con đường sống.

Tiếng khóc của Phan-bội-Châu, tiếng khóc của một cuộc vận-động đòi đời, nước Việt còn nhớ chăng ?

20-7-1954 !

Người dân Việt khóc, đất nước Việt khóc: Tưởng rằng những dòng nước mắt đi vào lịch-sử ấy sẽ làm bùng cháy những tâm-hồn, làm chu,ền mình một thế-hệ đã từ lâu tắt ngúm.

Nào ngờ, tới nay, mười hai năm qua, nước mắt đó vẫn là nước mắt chưa làm này măm nhân chứng. Dòng nước mắt chưa làm này măm một ý-chí, chưa trở thành một nguồn hành động. Tiếng khóc vẫn chưa làm này măm một ý-chí chưa thành tiếng thức tỉnh.

Hận nước non lẽ đâu không dài hơn dòng nước mắt ?

20-7-1965 !

Một tiểu vận-hội mười hai năm sắp hết, dân-tộc sửa soạn bước sang một vận-hội mới trên thời-gian. Nhưng không-gian như vẫn là không-gian cũ. Cũng vẫn hình-thức chiến-tranh đang đi vào giai-đoạn quyết-liệt. Đêm đêm nằm nghe tiếng súng, đoán bước chân đi của giặc. Cũng vẫn tiếng súng có xen lẫn tiếng « vận-động hòa-bình » và tiếng gọi « thương-thuyết » khiến mỗi đêm trở thành một thứ đêm trừ-tịch của một ngày mai chia cắt. Bởi chiến tranh kéo dài mãi rồi cũng phải đến lúc thương-thuyết mà nói thương-thuyết lúc này không thể không ở trong khuôn-khổ của phân chia đã rồi.

Nguồn nước mắt dân-tộc khóc hiệp-ước Genève, khóc cho cảnh đất nước chia cắt, sơn-hà rạch đôi. Nó cũng là nguyên động-lực cho sự phân-nộ, khơi mào cho thời đại Duy-Tân, Lam-Son, Đổng-Đa. Cuộc vận động đòi đời đó làm bằng một trăm năm nước mắt, đến nay vẫn chưa chấm dứt, đất nước Việt vẫn chưa giải-phóng, xã-hội Việt vẫn còn chậm tiến.

Thì chúng ta phải khóc đề tiếp tục cuộc vận-động lịch-sử. Lịch-sử Việt-nam làm bằng nước mắt, cảm-hồn, túi-nhục !

Cuộc vận-động lịch-sử đó không dừng lại, không thỏa-hiệp với một chế-độ chính-trị giả nghĩa, phân thời-đại nào đâu. Điều đó chúng ta chắc lắm, tin lắm và nhớ lắm vì mỗi chúng ta há chẳng từng có lúc sống một phút mà như sống một lịch-sử và lịch-sử như giục lòng người đứng dậy để chọn lấy một đường. Thì đó là con đường của một trăm năm dân-tộc vận-động giải-phóng và cầu tiến.

20-7-1965. Vết xe xưa đã mờ. Toàn dân đau khổ, phân-nộ nên ngày lịch-sử này không thể để cho tái diễn lần thứ hai và tiếng nói quyết-định, cuối cùng.

Người Việt khóc, những dòng nước mắt lịch-sử xây đắp thế-hệ tương-lai. Nhất-định người dân Việt tự-do sẽ làm lại lịch-sử của mình.

Theo THÁI-LĂNG-NGHIÊM

(Việt-Chiến)

3. — VŨ-KHÍ CỦA THANH-NIÊN THỜI-ĐẠI

Phải thành-thật mà thú nhận rằng dù trước hay sau ngày 1-11-63 đến hôm nay, những người thanh-niên có ý-thức trên nửa mảnh đất này vẫn chưa được trang-bị một thứ hành-trang cần-thiết để lên đường hầu chu toàn trách-nhiệm trọng đại của mình trước thực-trạng vô-cùng khốn quàn của đất nước. Hành-trang đó chính là niềm tin. Dù rằng cái giá-trị được họ đặt vào tất cả niềm tin đó có bị vấp phủ bằng những huyền thoại của thời cuộc, hay được tạo nên bằng những thủ-đoạn trên chính trường. Vì rằng không có một huyền thoại nào có thể đứng vững chung quanh một nhân-vật, một đường lối ? Một chính-sách bởi : những cá-nhân đã và đang xuất hiện hay kế-sách đã được nêu ra đều không có một khả-năng, một thực-chất. Đi lại trong tâm-trạng bơ-vơ đó, chúng ta chỉ nhìn nhau và tìm kiếm nơi nhau niềm cảm thông trước những bế-tắc của đất nước, những chia rẽ của bạn-bè, trước nỗi thống-khổ của quê-hương. Nhưng sự thật đến bây giờ, giữa chúng ta niềm tin-tưởng vào nhau đã mang tuổi trẻ đến gần được hơn trong gang tấc nào chưa ? Hay từ hai năm qua, bởi những hấp lực của miếng mồi danh vọng đang thả nổi trên tầng loạt bằng-hữu gục-ngã, trong bạn-bè của chúng ta có người không ngần-nại chụp lấy như cơ-hội cuối cùng để đánh đôi lấy công-lao tranh-đấu của mình.

Rồi từ đó tìm cách hạ uy-tin nhau, gây ra tình-trạng đồ-vỡ đáng buồn. Đi xa hơn thế, đảng-phái, tôn-giáo, đồng tiền ngoại bang cuốn hút và đánh chìm ý-thức đứng-dẫn một số thanh-niên trưởng-thành đã từng đứng lên tranh-đấu cho đất nước trong thời-gian qua.

Có thể họ vẫn còn giữ nguyên- vẹn lòng nhiệt-thành, ý-chí hăng-say tranh-đấu và lòng can-đảm đáng kính-phục như từ hai năm về trước, nhưng hướng đi đã thấy chia bày trước mắt biết bao nhiêu nẻo.

Lực-lượng có thể nói và có thể làm đó có thể bị phân tán đến mức độ nào? Sự kiện đó tôi không thể tiên đoán được. Nhưng có một điều chắc-chắn là việc làm hôm nay của thế-hệ chúng ta đang hằng ngày bị từng cá-nhân, hay kẻ đồng-hành trong tập-thể của mình bôi nhọ, phủ-nhận bằng chính danh-nghĩa của chúng ta!

Nhưng đâu sao tôi vẫn còn tin-tưởng vì tuổi trẻ vốn dễ cảm-thông, và nhất là khi cùng bắt tay vào việc.

Cho nên sự sáng-suốt quyết-định và hành-động kịp thời vẫn chờ ta. Hãy nắm lấy nó cho bằng được để hành-động khi trong tay chúng ta hiện chưa có một thứ vũ-khí nào ngoài tiếng nói chân-thực và tình thương đất nước vô bờ.

NGUYỄN - VĂN - ĐỒNG

Sinh - viên Huế



Xây - dựng nông - thôn

1. — MÀNH ĐẤT QUÊ-HƯƠNG

Người dân cày thời loạn cần-cối héo khô, chỉ còn có đất. Đâu đây trên dãy non sông, đất trải ra mênh-mông, mênh-mông như đại-dương ôm vào lòng những đô-thị, bây giờ chỉ còn những ốc-đảo thu hình.

Hãy nhìn ra xa, hãy nhìn đến đó, hồi những thủy-thủ sau một chiều trôi giạt. Bởi qua những mệt-mỏi gian-truân của cuộc đời chìm nổi, qua những ngày sóng dậy dầm thuyền, những người khách hải hồ xấu số sẽ chẳng còn dối được lòng. Và khi bừng tỉnh dậy, họ sẽ chẳng còn nhìn mặt đại-dương với tâm hồn mơ-mộng của tuổi mười lăm..

Tình người thủy-thủ yêu biển dạt-dào như vậy đó, nhưng tình của người dân cày yêu đất, có lẽ đã chú thiết, xoắn-vó và miên-man như nguồn sống vô bờ. Hơn thế nữa, bởi đất cát là xương và thịt, là mồ-hôi, là nước mắt. Sống giữa lòng biển đất, mỗi người dân cày là một thủy-thủ đã sống vật lộn và bám chặt

lấy con thuyền mình là vườn, thửa ruộng quê-hương, lẫn lụng cam khổ trên những luống cày mới vỡ như những lượn sóng trải dài, cuộn-cuộn trôi xuôi. Một nắng hai sương đề về lam-lũ đề hơn một thời, người dân cày cam chịu sống an phận đọa-đày như con gà bới sâu nhất bọ bên bờ tre vắng cũng vì yêu đất. Suốt một phần đời người dân cày khom mình xuống, cúi đầu sát xuống, làm kiếp con giun con dế lẫn vào chân cỏ rậm, quần-quại trong sợ hãi, phục tùng như một cổ vật, bởi sự nhận định hiểu biết của anh như bao giờ, vẫn mong manh, bàng-bạc như sương khói phủ đồng hoang. Người dân cày đã không cần biết gì hơn ngoài việc mong được sống, tha-thiết được sống và chỉ thấy lẽ sống trong tình yêu đất mận-nông. Nguồn sống đó như một dòng nước ngàn xuyên đục trong lòng đất cát sâu lắng hiền-hòa, chảy dạt-dào dưới cỏ hoa tàn cõi, dưới những luống cày nhầy nhựa mồ-hôi.. Ở đâu và bao giờ anh cũng chỉ còn trông thấy đất.

Bám chặt lấy đất, ghi chặt lấy đất, người dân cày đã nghiền răng nhai nuốt khổ hạn và dù có giã-giũa một cách yếu ớt như con vật trôi bồng theo dòng nước lũ...

Như vậy đó, cuộc đời gai lửa vẫn đang còn ngùn cháy trên mảnh đất khô già của những con người lưng đen khổ trụi. Người dân cày chỉ biết mờ mắt, ngửa mặt kêu trời. Nhưng trời thì cao xa quá; đất thì dày đặc những tội-lỗi, oán thù, rơi rắc những máu xương.

Giờ đây, nhìn vào cuộc đời sâu rộng chìm khuất giã-giũa của người dân cày đang sống-sờ biểu-hiệu, chúng ta nghĩ gì?

Không phải chúng ta chỉ ngồi bần tâm vì lòng bác-ái, cũng chẳng phải chỉ ca-tụng hay than-ván vì lòng thương-hại cũng chẳng phải xia-xói, phàn-nàn vì một vết-thương bao giờ cũng đang còn lở-lói.

Trên dãy đất đồng ruộng mênh-mông kia, có bao giờ người ta chết hẳn đâu! Bởi đó, khi tìm về cội nguồn, tìm về với đất chúng ta cũng phải sống tâm tình và hơn thế nữa, chúng ta phải cùng với người dân cày tự hỏi là mình đang nghĩ gì khi đứng trên luống đất già nua ướt dầm sương mai.

2. — ĐẤT MẸ

Đất mẹ sinh ra con, nuôi con như một vú sữa. Con hút lấy cái sống từ trong lòng đất, gặp chỗ đất phì-nhiều, con được béo tốt, gặp nơi khô-khan nứt-nẻ, con phải chịu gầy còm. Nguồn sống từ đất đã rót vào miệng con như một dòng sữa ấm.

Đất sinh người, người sinh và sống bám vào đất dề mai sau thác lại trở về với đất.

ĐẤT MẸ là gì ?

Là một khoảng rừng rú hoang-vu, có khi lầy-lội, mà ông cha ta từ mấy ngàn năm trước, đã đem lưỡi cày đến đặt xuống lần đầu tiên. Dưới giọt mồ-hôi, rừng hoang đầy chướng-khí đã trở nên thuận, chỗ biến thành nương sắn rẫy khoai, chỗ thì biến thành đồng ngô ruộng lúa ; sự thay đổi này hẳn đã phải tốn nhiều mồ-hôi và nước mắt. Một lão nông-phu già cõi ngã gục bên luống cày, cạnh con trâu ; người con trai ra cầm bấp cày thay, dề cày tốt thừa ruộng của cha bỏ lại. Một cỗ áo quan từ-từ hạ xuống huyết trong khi oe-oe ba tiếng khóc chào đời, công-trình gây tạo phải được liên-lạc tiếp nối luôn.

Ngoài đồng đã thấy mấp-mô vài năm mộ.

ĐẤT MẸ phát sinh ra ta từ đây.

Trải qua nhiều thế-hệ, lòng đất đã ấp-ủ bao nắm xương trắng của tổ-tiên ta, bao nắm xương mà khi còn đứng trên mặt đất đã không ngừng cựa quậy dề cho lòng đất được vỡ ra. Rồi thì, những nương dâu xanh-ngát, những ruộng lúa vàng mơ, những chợ búa đường sá, làng mạc biết bao công-trình tiếp-nối xây-dựng lên mới có cảnh-tượng ngày nay.

Bỗng một hôm có những khâu đại-bác chia ngay vào Đất Mẹ dề mong chiếm đoạt những của ấy...

Những người con đều đứng lên dề bảo-vệ Mẹ thân yêu. Những dòng máu trai trẻ, thơ-ngây chảy ra thấm sâu vào lòng đất. Đất càng uống nhiều máu của con càng trở nên linh và càng khó bị xâm chiếm.

Một dòng máu chảy gọi thêm nhiều dòng máu khác, rồi tất cả các dòng máu trong huyết-quản các người trai trẻ đều quận sôi.

Đất Yên-bái trở nên thiêng hà chẳng nhờ thấm máu mười ba nhà chí-sĩ đó ư ? Uy-linh thay mảnh đất đã được tưới bằng nhiều dòng máu quật-cường.

Ngày mà tiếng giày xâm-lãng còn nện trên lòng đất mẹ, ta hãy lắng nghe trong những đêm âm-u, tiếng lòng đất thở than : Đó là tiếng dề ni-non hay tiếng quốc gọi hè đêm vắng !

Lò g Mẹ đau lắm song gan Mẹ vẫn tro-tro...

Đất Mẹ đã hy-sinh nhiều : bao nhiêu làng mạc cháy, chợ búa điêu-tàn, ruộng nương bị dẫm đạp. Đất Mẹ như một người không-lẽ bị grom đâm tứ phía, các vết thương ri-rỉ máu, song Mẹ vẫn còn được nhắc-nhở luôn. Nhắc đến khi một người trai khăn gói trên vai ra khỏi cổng theo tiếng gọi của non-sông. Nhắc đến khi ngoài bãi sa trường một chiến-sĩ mấp-máy, môi hắt hơi thở cuối cùng.

Cao quý thay lòng đất đã được uống nhiều dòng máu hy-sinh.

Có những kẻ tha-phương cầu-thực, khi trời chiều xế bóng, thường cảm thấy buồn nhiều. Họ thấy thiếu-thốn một cái gì giữa những người xa lạ. Đó là tiếng gọi của Đất Mẹ.

THU - VÂN



MỤC - LỤC

TRANG

Lời cảm tạ	4
Thay lời tựa	5
Tà Đồ-Vật	9
— Những tài-liệu đọc thêm	21
Tà Thực Vật	25
— Quy-tắc căn-bản	26
— Những tài-liệu-đọc thêm	32
Tà Động-Vật	36
— Những tài-liệu đọc thêm	43
Tà Cảnh	49
— Những tài-liệu đọc thêm	60
Tà Người	71
— Những tài-liệu đọc thêm	78
Thuật-sự	84
— Những tài-liệu đọc thêm	94
Đơn-từ	100
Thư-Tín	103
— Những tài-liệu đọc thêm	116
Nghị-Luận	125
— Những tài-liệu đọc thêm	138
— Xây-dựng nông-thôn	142